BỘ TÀI CHÍNH
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 178/GCN-UBCK

Hà Nội, ngày 8 tháng 9 năm 2020

GIẤY CHỨNG NHẬN
Đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng

CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 06 năm 2006;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 07 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 07 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 48/2015/QĐ-TTg ngày 08 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 162/2015/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu;

Xét Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng của Công ty cổ phần Điện Gia Lai;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý Chào bán Chứng khoán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng cho:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI

– Tên giao dịch bằng tiếng Anh: GIA LAI ELECTRICITY JOINT STOCK COMPANY;

– Tên viết tắt: GEC;

– Địa chỉ trụ sở chính: 114 Trường Chinh, Phù Đổng, Tp. Pleiku, tỉnh Gia Lai, Việt Nam;

– Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5900181213 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 09 năm 2010; đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 24 tháng 06 năm 2019.

– Vốn điều lệ: 2.038.916.770.000 đồng *(Hai nghìn không trăm ba mươi tám tỷ chín trăm mười sáu triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng)*.

Điều 2. Cổ phiếu Công ty cổ phần Điện Gia Lai chào bán ra công chúng theo các nội dung sau:

1. Loại chứng khoán: cổ phiếu phổ thông;

2. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng *(Mười nghìn đồng)*;

3. Tổng số lượng cổ phiếu phát hành: 67.284.253 cổ phiếu (sáu mươi bảy triệu hai trăm tám mươi bốn nghìn hai trăm năm mươi ba cổ phiếu), trong đó:

– Chào bán cho cổ đông hiện hữu: 50.972.919 cổ phiếu;

– Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức: 16.311.334 cổ phiếu;

4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu tính theo mệnh giá: 509.729.190.000 đồng *(Năm trăm lẻ chín tỷ bảy trăm hai mươi chín triệu một trăm chín mươi nghìn đồng)*;

5. Thời gian phân phối: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán có hiệu lực;

6. Phương thức phân phối: Theo phương án nêu trong Bản cáo bạch;

7. Tổ chức tư vấn phát hành: Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn.

Điều 3. Công ty cổ phần Điện Gia Lai phải tuân thủ pháp luật Việt Nam, các quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán và nội dung trong Giấy chứng nhận này.

Điều 4. Giấy chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Giấy chứng nhận này được lập thành bốn (04) bản chính: 01 bản cấp cho Công ty cổ phần Điện Gia Lai, 01 bản lưu tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, 01 bản gửi cho Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và 01 bản gửi cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam./.

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Hồng Sơn

UỶ BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI

GEC

(Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5900181213 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 9/9/2010; đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 24/6/2019)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số: 178../GCN-UBCK do Chủ tịch Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày .08...tháng.09. năm 2020)

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI

Trụ sở chính: 114 Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Điện thoại: (0269) 382 3604 Fax: (0269) 382 6365

Email: info@geccom.vn Trang Web: www.geccom.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

Trụ sở chính: 72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (028) 3824 2897 Fax: (028) 3824 2997

Email: ssi@ssi.com.vn Trang Web: www.ssi.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Họ và tên: Ông Phạm Thành Tuấn Anh Chức vụ: Chánh Văn phòng Công ty

Điện thoại: (028) 3999 8822 Fax: (0269) 382 6365

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI

(Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5900181213 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 9/9/2010; đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 24/6/2019)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu	:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Điện Gia Lai
Loại cổ phiếu	:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	:	10.000 đồng/cổ phiếu
Giá bán cho Cổ đông hiện hữu	:	10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng phát hành dự kiến	**:**	**67.284.253 cổ phiếu**
- Chào bán cho Cổ đông hiện hữu	:	50.972.919 cổ phiếu
- Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	:	16.311.334 cổ phiếu
Tổng giá trị phát hành (theo mệnh giá)	:	**672.842.530.000 đồng**

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

Trụ sở chính

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (028) 3824 2897 Fax: (028) 3824 2997

Email: ssi@ssi.com.vn Trang Web: www.ssi.com.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN PWC VIỆT NAM

Địa chỉ: 29 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (028) 3823 0796

Trang Web: www.pwc.com/vn

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO 8
1. Rủi ro về kinh tế 8
1.1 Tăng trưởng kinh tế 8
1.2 Lạm phát 8
1.3 Tỷ giá 9
1.4 Lãi suất 10
2. Rủi ro về luật pháp 11
3. Rủi ro đặc thù Ngành 12
4. Rủi ro của đợt chào bán, của phương án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán 15
4.1 Rủi ro của đợt chào bán 15
4.2 Rủi ro của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán 15
5. Rủi ro pha loãng 16
5.1 Rủi ro pha loãng giá thị trường cổ phiếu 16
5.2 Rủi ro pha loãng EPS 16
5.3 Rủi ro pha loãng BV 16
5.4 Rủi ro pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết 17
6. Rủi ro Quản trị Công ty 17
7. Rủi ro khác 17
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH 18
1. Tổ chức phát hành 18
2. Tổ chức Tư vấn 18
III. CÁC KHÁI NIỆM 19
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH 21
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển 21
1.1 Giới thiệu chung về Tổ chức phát hành 21
1.2 Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển 22
1.3 Các thành tích đạt được 23
2. Cơ cấu sở hữu Công ty 26
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty 27

4. Danh sách Cổ đông nắm giữ từ trên 5% Vốn Cổ phần của Công ty; Danh sách Cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu Cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại31
4.1 Danh sách Cổ đông nắm giữ từ trên 5% Vốn Cổ phần của Công ty tại ngày 29/5/2020 31
4.2 Danh sách Cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ..... 31
4.3 Cơ cấu Cổ đông tại thời điểm 29/5/2020 32
5. Danh sách những Công ty Mẹ và Công ty Con của Tổ chức Phát hành, những Công ty mà Tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành..... 32
5.1 Công ty Mẹ 32
5.2 Công ty Con..... 33
5.3 Công ty Liên kết..... 34
6. Quá trình tăng Vốn Điều lệ 35
7. Hoạt động kinh doanh 36
7.1 Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm..... 36
7.2 Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh của tổ chức phát hành 50
7.3 Hoạt động Marketing 51
7.4 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền..... 52
7.5 Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết..... 52
8. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh..... 54
8.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất 54
8.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo.. 56
9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng Ngành 57
9.1 Thị trường điện năng..... 57
9.2 Vị thế của Công ty trong Ngành 59
9.3 Triển vọng phát triển của Ngành 59
9.4 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của Ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới..... 62
10. Chính sách đối với người lao động 63
10.1 Số lượng và cơ cấu người lao động trong công ty..... 63
10.2 Chính sách nhân sự 64
11. Chính sách cổ tức..... 66

12. Tình hình hoạt động tài chính 67
12.1 Các chỉ tiêu cơ bản 67
12.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu 75
13. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ủy Ban Kiểm toán, Kế toán trưởng 77
13.1 Hội đồng Quản trị 77
13.2 Ban Tổng Giám Đốc 83
13.3 Ủy ban Kiểm toán 88
13.4 Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng 88
14. Tài sản 90
14.1 Tình hình Tài sản cố định 90
14.2 Tài sản là quyền sử dụng đất 91
15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo 93
15.1 Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo 93
15.2 Nêu căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên: 94
16. Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức 96
17. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức 96
18. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành 96
19. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán 97
V. CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH 97
1. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông 97
2. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phiếu 97
3. Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành: 67.284.253 cổ phiếu 97
4. Giá chào bán dự kiến: 97
5. Phương pháp tính giá 97
6. Phương thức phân phối 98
6.1 Chào bán cho Cổ đông hiện hữu 98
6.2 Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức 99
7. Thời gian phân phối cổ phiếu 99
8. Đăng ký mua cổ phiếu 100
9. Phương thức thực hiện quyền 101

10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài 102
11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng 105
12. Các loại thuế có liên quan 105
12.1 Đối với Công ty 105
12.2 Đối với Nhà đầu tư 107
13. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu 108
VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN 109
VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN 109
1. Kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán như sau 109
2. Thông tin dự án đầu tư của các công ty con 110
2.1 CTCP Điện TTC Đức Huệ - Long An 110
2.2 CTCP Nhà máy Điện mặt trời Trúc Sơn 114
2.3 CTCP Năng lượng VPL 117
2.4 CTCP Thủy điện Gia Lai 120
3. Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty 122
4. Chi tiết kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cho Cổ đông hiện hữu 122
4.1 Góp vốn đầu tư vào các Công ty thành viên 122
4.2 Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty 122
VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC CHÀO BÁN 123
1. Tổ chức chào bán 123
2. Tổ chức kiểm toán 123
3. Tổ chức tư vấn 123
IX. PHỤ LỤC 123
X. Ngày tháng, chữ ký, đóng dấu của các đại diện tổ chức phát hành, tổ chức tư vấn 123

DANH SÁCH CÁC HÌNH

Hình 1: Tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 2007 - 2019 8
Hình 2: Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam giai đoạn 2007 - 2019 9
Hình 3: Tương quan VND và một số ngoại tệ 10
Hình 4: Lãi suất trên thị trường kỳ hạn 13 tháng 11
Hình 5: Cơ cấu Sở hữu Công ty 26
Hình 6: Cơ cấu Bộ máy Quản lý của Công ty 27
Hình 7: Cơ cấu sản lượng điện thương phẩm của các Nhà máy 44
Hình 8: Cơ cấu Doanh thu mảng sản xuất kinh doanh điện theo từng Nhà máy 47
Hình 9: Dự báo tổng công suất Ngành Điện của Việt Nam 60
Hình 10: Giá điện bình quân của một số nước trong Khu vực đến cuối thời điểm tháng 06/2019 60
Hình 11: Dự báo nhu cầu và sản lượng điện thương phẩm của Việt Nam 61

DANH SÁCH CÁC BẢNG

Bảng 1: Danh sách Cổ đông nắm giữ từ trên 5% Vốn Cổ phần của GEC 31
Bảng 2: Cơ cấu Cổ đông tại thời điểm 29/5/2020 32
Bảng 3: Danh sách hệ thống Nhà máy Thủy điện 36
Bảng 4: Danh sách hệ thống Nhà máy Điện Mặt trời 40
Bảng 5: Cơ cấu sản lượng điện thương phẩm của các Nhà máy 43
Bảng 6: Cơ cấu Doanh thu thuần của Công ty mẹ 45
Bảng 7: Cơ cấu Doanh thu thuần hợp nhất của Công ty 45
Bảng 8: Cơ cấu doanh thu mảng sản xuất kinh doanh điện theo từng Nhà máy 46
Bảng 9: Cơ cấu Lợi nhuận gộp của Công ty mẹ 49
Bảng 10: Cơ cấu Lợi nhuận gộp hợp nhất của Công ty 49
Bảng 11: Danh sách các hợp đồng lớn 52
Bảng 12: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ 55
Bảng 13: Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty 55
Bảng 14: Quy hoạch phát triển điện Quốc gia 61
Bảng 15: Tỷ lệ cổ tức thực chi trả qua các năm 67
Bảng 16: Vốn điều lệ và Vốn kinh doanh của Công ty mẹ 67
Bảng 17: Vốn điều lệ và Vốn kinh doanh hợp nhất của Công ty 67
Bảng 18: Mức lương bình quân 68
Bảng 19: Chênh lệch thu nhập Cán bộ nhân viên GEC với mức lương tối thiểu Vùng 69
Bảng 20: Thuế và các khoản phải thu/phải trả nộp Nhà nước của Công ty mẹ 70
Bảng 21: Thuế và các khoản phải thu/phải trả Nhà nước Hợp nhất của Công ty 70
Bảng 22: Số dư các Quỹ của Công ty mẹ tại từng thời điểm 71
Bảng 23: Số dư hợp nhất các Quỹ của Công ty tại từng thời điểm 71
Bảng 24: Tổng dư nợ vay của Công ty mẹ 71

Bảng 25: Tổng dư nợ vay hợp nhất của Công ty 72
Bảng 26: Các khoản phải thu của Công ty mẹ 73
Bảng 27: Các khoản phải thu hợp nhất của Công ty 73
Bảng 28: Các khoản phải trả của Công ty mẹ 74
Bảng 29: Các khoản phải trả hợp nhất của Công ty 74
Bảng 30: Các chỉ tiêu tài chính của Công ty mẹ 75
Bảng 31: Các chỉ tiêu tài chính hợp nhất của Công ty 75
Bảng 32: Danh sách Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ủy Ban Kiểm toán, Kế toán trưởng 77
Bảng 33: Tình hình Tài sản cố định của Công ty mẹ 90
Bảng 34: Tình hình Tài sản cố định hợp nhất của Công ty 90
Bảng 35: Kế hoạch kinh doanh của Công ty mẹ giai đoạn 2019 - 2020 93
Bảng 36: Kế hoạch kinh doanh hợp nhất của Công ty từ giai đoạn 2019 - 2020 93

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

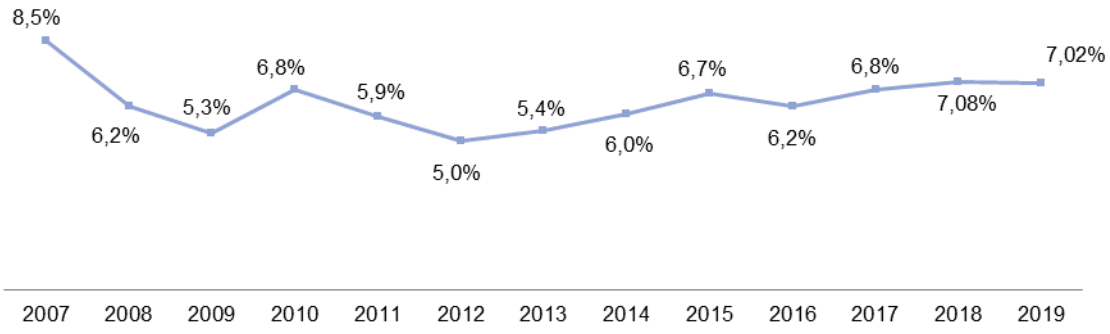
1. Rủi ro về kinh tế

1.1 Tăng trưởng kinh tế

Đây là yếu tố vĩ mô quan trọng nhất ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành nghề, lĩnh vực của nền kinh tế và có ảnh hưởng lớn đến hoạt động của Ngành sản xuất Điện. Nền kinh tế Việt Nam đã tăng trưởng rất nhanh trong những năm gần đây, môi trường pháp lý và kinh doanh đã phát triển nhưng vẫn chứa đựng những rủi ro vốn có gắn với nền kinh tế mới nổi. GEC và các Công ty Con hoạt động chính trong lĩnh vực sản xuất, phân phối điện và bán buôn, bán lẻ điện. Tổng vốn đầu tư của Công ty vào các dự án sản xuất điện là rất lớn và một phần được tài trợ bởi vốn vay từ các tổ chức tín dụng. Do vậy, hoạt động của chính GEC và các Công ty con chịu ảnh hưởng bởi các biến động của nền kinh tế trong nước và thế giới. Những diễn biến bất lợi có thể dẫn đến suy thoái kinh tế, lạm phát tăng nhanh, biến động tỷ giá, thắt chặt tín dụng... Nhằm giảm thiểu tác động của những ảnh hưởng trên, GEC và các Công ty con chú trọng thực hiện tốt công tác chuẩn bị, dự trù cho những tình huống thay đổi trong tình hình kinh tế, thị trường, củng cố nội lực tài chính đồng thời xây dựng mối quan hệ bền vững với các Khách hàng, Nhà cung cấp, Định chế Tài chính và Tổ chức Tín dụng trong và ngoài nước.

Theo Tổng cục thống kê, GDP cả năm 2019 tăng 7,02%, đây là năm thứ hai liên tiếp tăng trưởng kinh tế Việt Nam đạt trên 7% kể từ năm 2011. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,01%, đóng góp 4,6% vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,9%, đóng góp 50,4%; khu vực dịch vụ tăng 7,3%, đóng góp 45,0%.

Hình 1: Tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 2007 - 2019



Nguồn: Tổng cục Thống kê

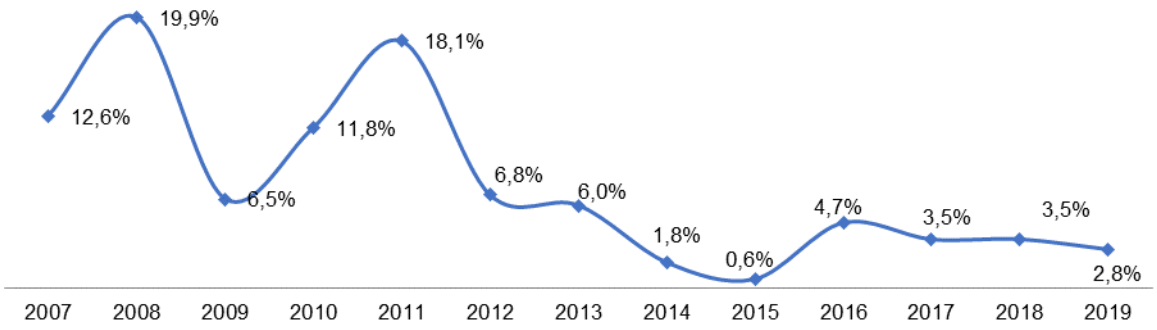
1.2 Lạm phát

Từ năm 2011 trở về trước, tỷ lệ lạm phát của Việt Nam luôn ở mức cao hai con số. Tuy nhiên, trong giai đoạn 2011-2016, NHNN Việt Nam đã điều hành chủ động, linh hoạt các công cụ chính sách tiền tệ, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa góp phần quan trọng trong kiểm soát và đưa lạm phát ở mức cao 23% vào tháng 8/2011 xuống còn 2,79% cho năm 2019.

Tính chung cả năm 2019, CPI tăng +2.79% so với cuối năm 2018, dưới mục tiêu Quốc hội đề ra và cũng là mức tăng thấp nhất trong 3 năm qua, với hầu hết các nhóm mặt hàng đều tăng giá, ngoại trừ Bưu chính viễn thông giảm -0.09%.

Mặc dù tỷ lệ lạm phát những năm gần đây được duy trì khá ổn định, nhưng không thể đảm bảo rằng nền kinh tế Việt Nam sẽ không tiếp tục lặp lại các giai đoạn lạm phát cao trong tương lai, đặc biệt trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam được dự báo đang tăng trưởng nhanh trở lại.

Hình 2: Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam giai đoạn 2007 - 2019



Nguồn: Tổng cục Thống kê

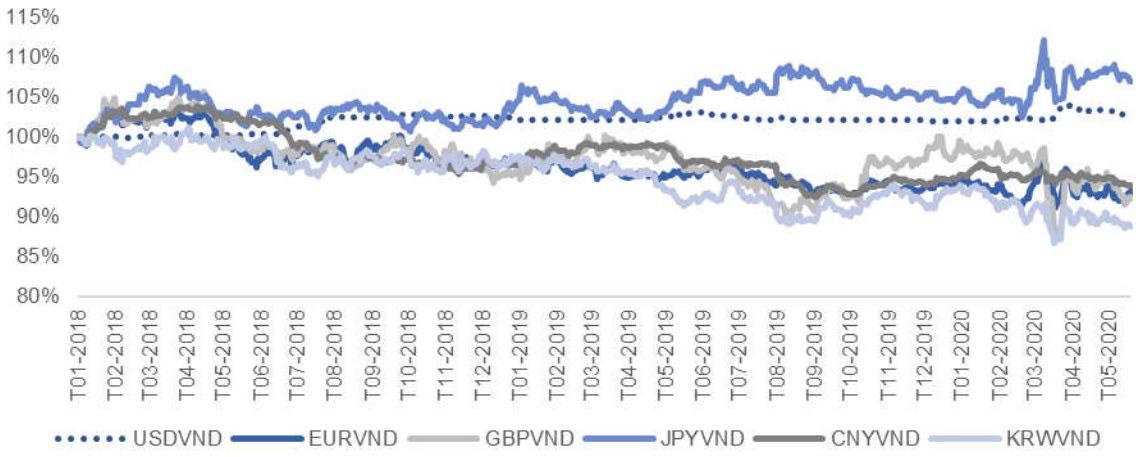
1.3 Tỷ giá

Việc điều hành chính sách tỷ giá hối đoái của NHNN Việt Nam cũng như tỷ giá hối đoái trên thị trường sẽ tác động đến hiệu quả hoạt động của Công ty. Hiện chính sách điều hành tỷ giá được điều hành theo hướng linh hoạt nhằm đáp ứng những yêu cầu từ bối cảnh thương mại và đầu tư quốc tế, tăng cường ký kết các hiệp định thương mại tự do. Sự ổn định của tỷ giá hối đoái được duy trì nhờ các yếu tố hỗ trợ như: (i) *Cơ chế tỷ giá trung tâm và các công cụ điều tiết thị trường ngoại hối đang dần phát huy được hiệu quả, hạn chế hành vi đầu cơ, găm giữ ngoại tệ*; (ii) *Nguồn cung ngoại tệ tương đối dồi dào do cán cân thương mại tiếp tục thặng dư, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tăng trưởng khả quan*; (iii) *Hầu hết các đồng tiền trong rổ tính tỷ giá trung tâm của NHNN đều lên giá so với đồng USD đã giúp giải tỏa sức ép lên tỷ giá USD/VND*. Bên cạnh đó, tỷ giá ổn định cũng giúp giảm tình trạng đô la hóa, tỷ lệ USD trên tổng phương tiện thanh toán giảm xuống còn 10%, tương đương mức đô la hóa nhẹ của theo tiêu chuẩn của Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF).Nhìn chung trong năm 2019, tỷ giá USD/VND khá ổn định. Tỷ giá trung tâm chỉ tăng khoảng 1,5%; trong khi giá mua - bán USD tại các ngân hàng thậm chí còn giảm nhẹ so với cuối năm 2018, có nghĩa VND tăng giá nhẹ so với USD.

Từ đầu năm 2020, NHNN đã điều chỉnh giảm 2 lần các mức lãi suất điều hành, với tổng mức giảm 1,0% - 1,5%/năm để hỗ trợ thanh khoản cho Tổ chức Tín dụng; giảm 0,6% - 0,75%/năm trần lãi suất tiền gửi các kỳ hạn dưới 6 tháng và giảm 1%/năm trần lãi suất cho vay ngắn hạn đối với các lĩnh vực ưu tiên hỗ trợ, hiện ở mức 5,0%/năm.

Mặc dù vậy, dưới tác động của dịch Covid-19, do cầu tín dụng tăng thấp, đến ngày 29/5/2020, tín dụng tăng 1,96% so với cuối năm 2019. Về điều hành tỷ giá, đến cuối tháng 5/2020, tỷ giá trung tâm tăng 0,46%, tỷ giá liên ngân hàng tăng 0,49% so với đầu năm.

Hình 3: Tương quan VND và một số ngoại tệ



Nguồn: Bloomberg

1.4 Lãi suất

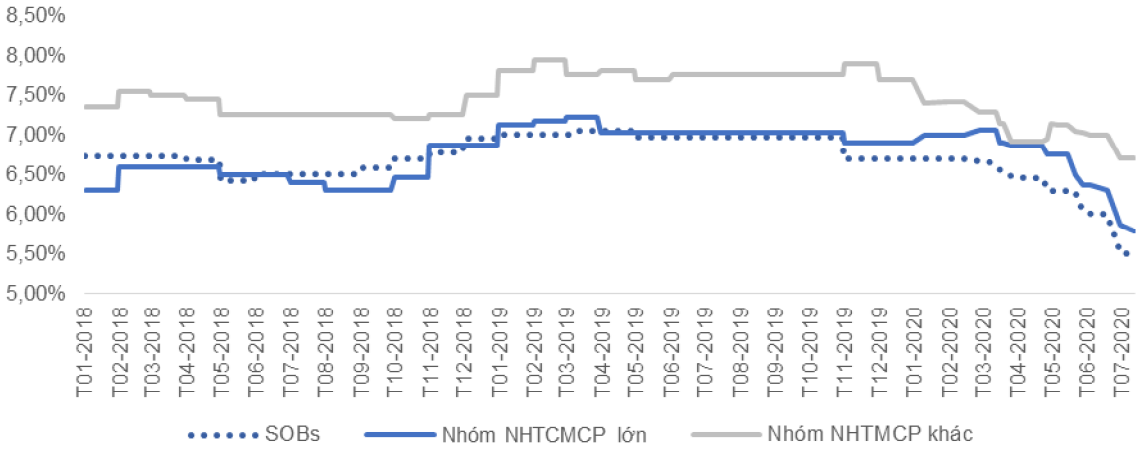
Mặt bằng lãi suất Việt Nam đã trải qua một năm 2019 đầy biến động trước sự ảnh hưởng của cả yếu tố trong nước và quốc tế. Trong 9 tháng đầu năm 2019, lãi suất huy động liên tục được các ngân hàng đẩy lên cao; đặc biệt là tại các NHTMCP tư nhân nhỏ trước áp lực cơ cấu lại nguồn vốn nhằm đáp ứng các qui định về hệ số an toàn vốn (CAR) theo chuẩn Basel II và lộ trình giảm tỉ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn của NHNN. Theo đó, tính đến cuối tháng 9, lãi suất huy động tiền gửi tại một số ngân hàng đã tăng lên mức 9%/năm; trong khi lãi suất chứng chỉ tiền gửi cũng nhanh chóng vượt qua 10%/năm. Đà tăng của lãi suất huy động chỉ bắt đầu hạ nhiệt từ giữa tháng 10, sau khi NHNN phát đi thông báo cắt giảm lãi suất điều hành 0,25 điểm và Cục dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) quyết định giảm lãi suất trong cuộc họp chính sách tháng 9. Trong những tháng tiếp theo, mặt bằng lãi suất huy động tiếp tục xu hướng đi xuống nhất là sau động thái giảm trần lãi suất huy động tiền gửi tại các kì hạn ngắn và lãi suất cho vay một số lĩnh vực của NHNN. Tính chung cả năm 2019, lãi suất huy động các kì hạn ngắn dưới 6 tháng có mức dao động không quá lớn trong năm, thậm chí giảm sau quyết định áp trần lãi suất huy động 5,0%/năm của NHNN. Đối với các kì hạn trên 6 tháng, lãi suất huy động nhìn chung ở mức tương đương cùng kì năm 2018. Trong khi đó, mặt bằng chung của lãi suất cho vay tiếp tục duy trì ổn định trong năm 2019. Thậm chí lãi suất cho vay tối đa với một số lĩnh vực ưu tiên của nền kinh tế được điều chỉnh giảm nhằm mục tiêu hỗ trợ cho các doanh nghiệp.

Trong điều hành lãi suất, từ đầu năm 2020 đến nay, NHNN đã điều chỉnh giảm 2 lần các mức lãi suất điều hành, với tổng mức giảm 1,0% - 1,5%/năm để hỗ trợ thanh khoản cho Tổ chức Tín dụng, tạo điều kiện cho Tổ chức Tín dụng tiếp cận nguồn vốn chi phí thấp từ NHNN; giảm 0,6% -

0,75%/năm trần lãi suất tiền gửi các kỳ hạn dưới 6 tháng và giảm 1%/năm trần lãi suất cho vay ngắn hạn đối với các lĩnh vực ưu tiên, hiện ở mức 5,0%/năm, để hỗ trợ giảm chi phí vay vốn của doanh nghiệp và người dân.

Theo đó, mặt bằng lãi suất thị trường có xu hướng giảm so với đầu năm. Về điều hành tỷ giá, mặc dù thị trường quốc tế diễn biến phức tạp, nhưng tỷ giá và thị trường ngoại tệ trong nước ổn định, thanh khoản thông suốt, Tổ chức Tín dụng mua ròng từ Khách hàng, các nhu cầu ngoại tệ hợp pháp của nền kinh tế được đáp ứng đầy đủ, kịp thời.

Hình 4: Lãi suất trên thị trường kỳ hạn 13 tháng



Nguồn: SSI tổng hợp

2. Rủi ro về luật pháp

Khó khăn nếu có xảy ra đối với các dự án Thủy điện, ĐMT chủ yếu nằm trong khâu đền bù, giải phóng mặt bằng và chính sách giá mua bán điện của Nhà nước vẫn chưa hoàn toàn phù hợp với mặt bằng chung của thị trường. Đây chỉ là những hạn chế nhất thời hiện nay trong quá trình phát triển đất nước.

Trong các loại hình NLTT, ĐMT lẫn Điện Gió đều sử dụng một diện tích đất đáng kể. Do giá đất nông nghiệp vẫn còn khá rẻ, các nhà đầu tư sẽ không ngần ngại tìm cách "vẽ" dự án rồi thông qua chính quyền địa phương để giành đất, giữ chỗ, để sau này sang nhượng kiếm lời từ những nhà đầu tư có nhu cầu đầu tư thật. Thiệt hại sẽ thuộc về những doanh nghiệp chân chính lẫn người dân. Người dân không được chuyển nhượng đất nông nghiệp theo giá thị trường trong khi những doanh nghiệp đầu tư đích thực cũng khó tiếp cận được quỹ đất và vị trí đất cần thiết với chi phí hợp lý. Nhận thức được việc này, Chính quyền cấp Tỉnh có xu hướng siết chặt việc giao đất cho doanh nghiệp làm dự án ĐMT lẫn Điện Gió.

Làn sóng đầu tư phát triển nhà máy ĐMT chính thức "bùng nổ" từ sau khi Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 11/2017/QĐ-TTg ngày 11/4/2017 về cơ chế khuyến khích phát triển các dự án ĐMT tại Việt Nam, theo đó giá mua điện từ các nhà máy ĐMT là 9,35 Uscent/kWh. Các nhà đầu tư đã

mạnh dạn đầu tư vào lĩnh vực này. Thông tin từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) cho biết, cuối năm 2019, đã có 89 nhà máy ĐMT, với tổng công suất khoảng 4.450 MW được Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia kiểm tra điều kiện và đóng điện thành công. Nguồn ĐMT đã chiếm tỷ lệ 8,1% công suất đặt của hệ thống điện Việt Nam.

Như các công ty hoạt động dưới hình thức CTCP khác, GEC chịu điều chỉnh bởi các quy định chuyên ngành như Luật Doanh nghiệp, Luật Điện lực, Luật Đất đai, Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư, Luật Bảo vệ môi trường và các Thông tư, Nghị định liên quan đến lĩnh vực sản xuất và kinh doanh điện. Ngoài ra, với việc cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên HOSE, Công ty còn phải tuân thủ theo các quy định của Luật Chứng khoán, các văn bản Pháp luật về Chứng khoán và Thị trường Chứng khoán cùng với các quy định Pháp luật liên quan khác. Bất cứ sự thay đổi nào của các quy định Pháp luật nói trên cũng có thể tác động đến hoạt động của Công ty.

Các rủi ro pháp lý trong những năm vừa qua nhìn chung là không cao do mục tiêu đáp ứng nhu cầu điện cho nền kinh tế đang ngày càng cấp thiết và đảm bảo an ninh Năng lượng của Chính phủ trong khi nguồn cung trong nước còn nhiều hạn chế. Trong những năm tới, khi thị trường cạnh tranh bán buôn chính thức đi vào vận hành, hệ thống pháp lý Ngành Điện sẽ có những thay đổi phù hợp đối với các quy định về vận hành thị trường điện, chính sách ưu đãi đầu tư, thuế… sẽ ảnh hưởng đến HĐKD của GEC.

3. Rủi ro đặc thù Ngành

Hiện nay, GEC là một trong số rất ít những doanh nghiệp niêm yết hoạt động trong Ngành điện với nhiều loại hình điện khác nhau bao gồm Thủy điện, ĐMT và đang mở rộng sang lĩnh vực Điện Gió. Việc đa dạng hóa danh mục dự án một mặt góp phần đa dạng hóa nguồn DT, mặt khác nhằm phân tán các rủi ro đặc thù do phải phụ thuộc nhiều vào tình hình thời tiết tự nhiên như lưu lượng nước, cường độ nắng và tốc độ gió…

Các NMTĐ chịu ảnh hưởng trực tiếp của điều kiện thời tiết. Nắng hạn kéo dài, lượng mưa thấp sẽ ảnh hưởng đến nguồn nước, dẫn đến giảm sút sản lượng điện. Ngược lại, nếu tần suất mưa lớn kéo dài gây lũ quét cũng có thể gây hư hại tổn thất cho các công trình đê đập của nhà máy, gây ra sự cố và phát sinh thêm chi phí duy tu sửa chữa. Các NMTĐ có dung tích hồ chứa lớn, nếu không chuẩn bị kỹ trong việc đảm bảo an toàn hồ, đập, phòng chống thiên tai, nguy cơ mất an toàn hạ du là rất lớn khi xảy ra các hiện tượng xói mòn tự nhiên, động đất. Đó là những yếu tố rủi ro chi phối lớn nhất đến hoạt động SXKD của Công ty. Tuy nhiên khi lập dự án đầu tư xây dựng, Công ty đã tuân thủ đúng và đầy đủ theo quy trình quản lý đầu tư xây dựng, tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn trong việc thiết kế xây dựng công trình Thủy điện nhằm đảm bảo công trình được an toàn khi có những tác động bất lợi xảy ra như bão, lũ…

Bên cạnh đó, Công ty đã chủ động xây dựng quy định về trình tự, nội dung và chỉ dẫn thực hiện các công việc bảo trì công trình đập NMTĐ nhằm bảo đảm và duy trì sự làm việc bình thường, an toàn của công trình đập theo quy định của thiết kế trong quá trình khai thác sử dụng. Cụ thể, đập phải thường xuyên kiểm tra và quan trắc nhằm xác định các tác nhân từ bên ngoài có thể gây mất an toàn cho đập. Việc thực hiện quan trắc đập bao gồm quan trắc biến dạng công trình đất, quan trắc độ lún bản thân công trình, quan trắc độ lún của nền, quan trắc chuyển vị ngang, quan trắc bằng mắt thường các khe nứt, sự hư hỏng. Vào thời điểm tháng 4 và tháng 12 hàng năm, Công ty tiến hành kiểm tra công tác đập trước, trong và sau mùa lũ. Hàng năm, vào thời điểm trước khi bước vào mùa lũ, Công ty tiến hành kiểm tra, đánh giá chung về ổn định đập; phối hợp chặt chẽ với Ban Chỉ huy phòng, chống lụt, bão các Bộ, ngành, địa phương để xây dựng hoặc cập nhật, bổ sung phương án phòng, chống lụt, bão của đập và phương án phòng chống lũ, lụt vùng hạ du. Sau khi kết thúc mùa lũ, Công ty tiến hành kiểm tra rà soát lại các hạng mục công trình nhằm phát hiện các hư hỏng nếu có; theo dõi diễn biến các hư hỏng đã có của đập, tổng kết rút kinh nghiệm công tác phòng chống lụt, bão; đề xuất biện pháp và kế hoạch sửa chữa, khắc phục các hư hỏng, tồn tại. Định kỳ không quá 5 năm kể từ ngày kiểm định gần nhất, Công ty sẽ thuê đơn vị tư vấn kiểm định an toàn đập đo đạc nhằm đánh giá mức độ an toàn đập, kiểm tra năng lực công trình qua quá trình khai thác, sử dụng để kịp thời có những đề xuất duy tu, bảo dưỡng, khôi phục, sửa chữa, nâng cấp đập.

Một trong những rào cản lớn nhất của các dự án Năng lượng Mặt trời nằm ở diện tích đất. Các dự án Năng lượng Mặt trời cần một diện tích đất rất lớn để lắp đặt các tấm pin năng lượng. Ở một đất nước có mật độ dân số cao như Việt Nam, tìm được những diện tích đất lớn không ảnh hưởng tới quy hoạch dân cư và đất nông nghiệp không phải là dễ dàng. Đó là chưa kể tới diện tích đất lớn sẽ cần có thời gian giải phóng mặt bằng lâu, đây là trở ngại lớn nhất ảnh hưởng đến tiến độ triển khai các dự án ĐMT tại Việt Nam. Một số nhà đầu tư đã lựa chọn lắp đặt các tấm pin Mặt trời trên mặt hồ nước. Tuy nhiên, sự dao động bất thường của mực nước trên các hồ thực sự là thách thức không nhỏ. Ví dụ như Hồ Thủy điện Yaly hay Plei - Krông dao động mực nước lên tới 25 - 40m thì rất khó có thể tính toán tới việc thực hiện các dự án ĐMT. Hơn nữa, số hồ nước có diện tích rộng và điều kiện lý tưởng để lắp đặt các tấm pin Mặt trời cũng không phải là nhiều.

Bên cạnh đó, các dự án Điện Gió và ĐMT phụ thuộc rất nhiều vào điều kiện tự nhiên. Đối với ĐMT thì vào ban đêm hoặc trong những ngày nhiều mây và mưa thì nguồn Năng lượng sẽ trở nên yếu hơn và không đủ để cung cấp. Điện Gió thì phụ thuộc nhiều vào chế độ gió, nếu chế độ gió không ổn định thì tuabin gió hoạt động kém hiệu quả dẫn đến tính không liên tục của nguồn Năng lượng này. Ngoài ra, địa hình xây dựng các tuabin gió cũng rất quan trọng, nếu đó là khu vực vùng biển hoặc gần vùng biển thì các tuabin dễ bị hơi muối biển phá hủy. Ngoài ra, để đấu nối các dự án ĐMT hay Điện Gió vào hệ thống quốc gia đòi hỏi phải có các giải pháp kỹ thuật để đổi dòng điện. Trong một hệ thống điện, nếu tỷ trọng ĐMT và Điện Gió lớn thì tần số của hệ thống sẽ bị thay đổi liên tục, có thể dẫn đến sụp đổ tần số, sụp đổ hệ thống điện.

Sự thay đổi trong các chính sách Pháp luật cũng có tác động không nhỏ đến Ngành Điện. Quyết định 11/2017/QĐ-TTg ngày 11/4/2017 về cơ chế khuyến khích phát triển các dự án ĐMT tại Việt Nam, cho phép các dự án ĐMT được miễn thuế nhập khẩu hàng hóa phục vụ sản xuất, miễn giảm tiền sử dụng đất, thuê đất, thuê mặt nước và nêu rõ bên mua điện EVN có trách nhiệm mua toàn bộ sản lượng điện từ các dự án nối lưới, với giá 9,35 Uscent/kWh. Đầu tháng 4/2020, Chính Phủ cũng vừa ban hành cơ chế khuyến khích phát triển ĐMT tại Việt Nam theo văn bản số 13/2020/QĐ-TTg ngày 6/4/2020, theo đó các dự án ĐMT nối lưới có quyết định chủ trương đầu tư trước ngày 23/11/2019, vận hành thương mại trước 31/12/2020 sẽ được hưởng mức giá 7,09 Uscent/kWh cho ĐMT Mặt đất và 7,69 Uscent/kWh cho ĐMT Nổi. Các mức giá này chưa gồm thuế VAT, được điều chỉnh theo biến động tỷ giá VND/USD và áp dụng trong 20 năm từ ngày dự án vận hành thương mại. Riêng tại tỉnh Ninh Thuận, các dự án nằm trong quy hoạch, vận hành thương mại trước 1/1/2021 được hưởng mức giá 9,35 Uscent/kWh. Với các dự án ĐMT Áp mái, để được hưởng mức giá 8,38 Uscent/kWh, dự án phải vận hành phát điện, xác nhận chỉ số công tơ từ 1/7/2019 - 31/12/2020. Các dự án không thuộc cơ chế ưu đãi trên sẽ được xác định thông qua cơ chế cạnh tranh.

Theo nhận định của Bộ Công Thương, cả nước có thể đối mặt với nguy cơ thiếu điện vào năm 2020, do đó nguồn NLTT mà cụ thể là Năng lượng Mặt trời là sự bổ sung cần thiết và kịp thời, sẽ góp phần giảm thiểu hụt điện tại miền Nam, tăng cường an ninh cung ứng điện và giảm căng thẳng trong vận hành hệ thống điện. Tuy nhiên, một số lượng lớn các nhà máy ĐMT đi vào vận hành trong thời gian ngắn đã và đang gây không ít khó khăn, thách thức cho công tác vận hành hệ thống điện. Nguyên nhân là do tính chất bất ổn định, phụ thuộc vào thời tiết của loại hình nguồn điện này. Bên cạnh đó, việc phát triển nóng và ồ ạt các dự án ĐMT tập trung tại một số Tỉnh như Ninh Thuận, Bình Thuận, Đắk Lắk đã gây ra hiện tượng quá tải lưới 110 kV, 220 kV tại các khu vực trên. Các nhà máy sản xuất điện là công trình quan trọng liên quan đến an ninh Năng lượng quốc gia, đóng vai trò cung cấp nguồn Năng lượng cho tất cả các thành phần kinh tế và nhu cầu xã hội. Trong bối cảnh nhu cầu Năng lượng ngày càng gia tăng, nếu nhà máy điện gặp sự cố gián đoạn vận hành, sản xuất sẽ gây ảnh hưởng đến sự ổn định của nguồn cung cấp và dẫn đến thiếu hụt nguồn điện, ảnh hưởng trực tiếp đến HĐKD của các doanh nghiệp nói riêng và nền kinh tế nói chung. Hiện nay các nhà máy sản xuất điện của GEC có quy mô vừa và nhỏ, chiếm tỷ trọng không quá lớn trong tổng công suất nguồn điện của các nước nên không ảnh hưởng nhiều đến hoạt động cung cấp điện của Ngành.

Mặc dù giá bán ĐMT đối với các nhà máy áp vận hành trước 30/6/2019 là 9,35 Uscent/kWh và áp dụng trong vòng 20 năm tuy nhiên DT của các nhà máy sẽ được quy đổi dựa vào tỷ giá trung tâm do NHNN ban hành. Tỷ giá này sẽ được chốt vào thời điểm mỗi cuối tháng khi Công ty xuất hóa đơn cho EVN. Chính vì vậy, sự biến động của tỷ giá trung tâm của đồng Đô la Mỹ có tác động trực tiếp tới DT của Công ty. Tuy nhiên, trong suốt giai đoạn từ cuối năm 2018 cho tới 6 tháng đầu năm

2020, tỷ giá trung tâm vẫn đang trong xu thế tăng do đó nhân tố này đang có tác động tích cực tới kết quả kinh doanh của Công ty.

Đối với các NMTĐ, do thuộc quy mô vừa và nhỏ nên được áp dụng Biểu giá chi phí tránh được. Theo Thông tư số 32/2014/TT-BCT và Thông tư số 29/2019/TT-BCT, biểu giá Chi phí tránh được là biểu giá được tính toán căn cứ vào các chi phí tránh được của hệ thống điện quốc gia khi có 1 kWh công suất phát từ NMTĐ nhỏ được phát lên lưới điện phân phối, trong đó chi phí tránh được là chi phí sản xuất 1 kWh của tổ máy phát có chi phí cao nhất trong hệ thống điện quốc gia, chi phí này có thể tránh được nếu bên mua mua 1 kWh từ một NMTĐ nhỏ thay thế. Biểu phí này sẽ được áp dụng cho (1) *các nhà máy có công suất nhỏ hơn hoặc bằng 30 MW và toàn bộ điện năng được sản xuất từ NLTT hoặc* (2) *bên bán có nhiều NMTĐ bậc thang trên cùng một dòng sông mà tổng công suất đặt của các nhà máy này nhỏ hơn hoặc bằng 60 MW ký hợp đồng mua bán điện trước thời điểm 15/11/2019*. Hàng năm, Bộ Công Thương sẽ ban hành quyết định về biểu giá này để áp dụng trong năm tài chính tương ứng. Việc biểu giá được thay đổi hàng năm có thể khiến các doanh nghiệp khó chủ động trong việc lên kế hoạch kinh doanh.

Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành, kể từ ngày 1/1/2015, các công ty phải lập dự phòng cho các khoản chi phí khôi phục phát sinh khi hoàn trả mặt bằng và đất thuê theo quy định và chính sách áp dụng đối với Ngành nghề SXKD của Công ty. Theo đó, Công ty có nghĩa vụ thu dọn, khôi phục và hoàn trả mặt bằng vào cuối thời hạn thuê hoặc thời hạn kết thúc dự án. Tuy nhiên, do hiện nay Công ty chưa thu thập đủ thông tin và số liệu cần thiết để có thể trích lập khoản dự phòng này một cách chính xác, do đó, vào thời điểm cuối năm 2018, Công ty đã không thực hiện trích lập dự phòng cho khoản chi phí này trên BCTC, tuy nhiên, Công ty đã thực hiện thuyết minh khoản chi phí này trên BCTC như một khoản nợ tiềm tàng để đảm bảo nguyên tắc thận trọng.

4. Rủi ro của đợt chào bán, của phương án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

4.1 Rủi ro của đợt chào bán

Đợt chào bán của Công ty không có đơn vị bảo lãnh phát hành, do vậy có thể xảy ra rủi ro các Cổ đông không thực hiện quyền mua, dẫn đến Công ty không huy động đủ vốn như dự kiến để triển khai theo phương án đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Trong trường hợp cổ phần không phân phối hết theo dự kiến và số lượng vốn huy động không đạt đủ như dự kiến, HĐQT sẽ cân nhắc điều chỉnh cơ cấu vốn (sử dụng nguồn vốn vay và vốn huy động hợp pháp khác) để thực hiện kế hoạch đầu tư. Tuy nhiên, phương án này sẽ làm tăng chi phí tài chính và giảm LN kinh doanh của Công ty.

4.2 Rủi ro của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt phát hành dự kiến là 509.729.190.000 đồng sẽ được sử dụng việc đầu tư hoặc góp vốn vào các CTTV triển khai các dự án NLTT của Công ty, đầu tư mua các dự

án/các nhà máy điện (nếu có) và/hoặc bổ sung vốn cho hoạt động SXKD của Công ty. Tuy nhiên, trong trường hợp cổ phần không chào bán hết theo dự kiến và số lượng vốn huy động không đạt đúng như dự kiến, HĐQT sẽ cân nhắc điều chỉnh cơ cấu vốn để thực hiện các Dự án. Khi đó, làm giảm khả năng chủ động của Công ty trong việc sử dụng vốn để kinh doanh cũng như kế hoạch phát triển hoạt động SXKD của Công ty.

5. Rủi ro pha loãng

Lượng cổ phần chào bán đợt này sẽ khiến cho tổng số cổ phiếu lưu hành dự kiến của Công ty tăng lên 33% so với số cổ phiếu lưu hành hiện tại, dẫn đến việc cổ phiếu của Công ty bị pha loãng.

5.1 Rủi ro pha loãng giá thị trường cổ phiếu

– Giá cổ phần GEG sẽ bị điều chỉnh kỹ thuật khi thực hiện phát hành, giá pha loãng khi có có cổ phần mới phát hành được xác định theo công thức sau:

$$P = \frac{P_{t-1} + (I_R \times P_R)}{1 + I}$$

– Trong đó:

P: là giá thị trường của cổ phần sau khi bị pha loãng

P_{t-1}: là giá thị trường của cổ phần trước khi bị pha loãng

I_R: tỷ lệ vốn tăng

P_R: là giá cổ phần sẽ bán cho người nắm quyền mua cổ phần trong đợt phát hành mới

– Tham khảo:

P_{t-1}: Giả sử, giá cổ phiếu GEG trước ngày giao dịch không hưởng quyền là 20.000 đồng/cổ phiếu

P_R: Giá cổ phần sẽ bán cho người nắm giữ quyền mua cổ phần trong đợt phát hành mới là 10.000 đồng/cổ phiếu

I: tỷ lệ vốn tăng khi phát hành cho cổ đông hiện hữu là 25% (tỷ lệ 4:1) và tỷ lệ vốn tăng khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức là 8%

P: Giá tham chiếu cổ phiếu GEG trong ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu trong đợt phát hành mới để tăng vốn là:

$$P = \frac{P_{t-1} + (I \times P_R)}{1 + I} = \frac{20.000 + (25\%*10.000) + (8\%*0)}{1 + 25\% + 8\%} = 16.917 \text{ đồng/cổ phần}$$

5.2 Rủi ro pha loãng EPS

EPS = Lợi nhuận sau thuế/ Số lượng cổ phần đang lưu hành bình quân

EPS năm 2019 theo Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất của Công ty là 1.146 đồng/cổ phần. Sau khi phát hành, chỉ số EPS có thể bị pha loãng do tổng số lượng cổ phần lưu hành tăng lên so với hiện tại và việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán chưa tạo ra ngay DT và LN cho Công ty.

5.3 Rủi ro pha loãng BV

Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần (BV) = Nguồn VCSH thuộc về Cổ đông/ (Tổng số lượng cổ phiếu đã phát hành - Cổ phiếu quỹ)

Tại thời điểm 31/12/2019, giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần của Công ty là 11.384 đồng/cổ phần. Sau khi phát hành, chỉ số BV có thể bị pha loãng.

5.4 Rủi ro pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết

Tỷ lệ nắm giữ cũng như quyền biểu quyết của Cổ đông sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà Cổ đông từ chối quyền mua trong đợt phát hành này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm mà Cổ đông có)

6. Rủi ro Quản trị Công ty

Rủi ro Quản trị đối với mỗi doanh nghiệp có thể phát sinh do hai nguyên nhân chính (i) *Sự thiếu hụt chưa được bù đắp kịp thời của một hoặc nhiều cán bộ lãnh đạo chủ chốt* và (ii) *Sự hài hòa lợi ích và trách nhiệm giữa các cấp Quản trị*. Để hạn chế rủi ro Quản trị, Công ty có các quy định về phân quyền và trách nhiệm cụ thể giữa các thành viên trong bộ máy quản lý Công ty và thực hiện tuân thủ đầy đủ các quy định về Quản trị Công ty quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành và áp dụng chế độ báo cáo, công bố thông tin chặt chẽ.

7. Rủi ro khác

Do tính chất HĐKD, Công ty còn có thể chịu những rủi ro khác như sự thay đổi chính sách thuế xuất nhập khẩu, các rủi ro về vận hành. Các rủi ro liên quan đến cháy, nổ và các tổn thất vật lý khác sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản. Việc tiếp xúc với nguồn Năng lượng điện cũng đặt người lao động vào các rủi ro về an toàn lao động. Vì vậy người lao động tại các nhà máy điện phải luôn trang bị đầy đủ chuyên môn, kinh nghiệm cũng như các biện pháp an toàn lao động nhằm hạn chế tối đa các thiệt hại về con người.

Ngoài ra còn có một số rủi ro mang tính bất khả kháng, ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty như chiến tranh, thiên tai (hạn hán, bão lụt), dịch bệnh, hỏa hoạn... ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất của Công ty như gây thiệt hại về tài sản, con người. Để giảm thiểu rủi ro, Công ty đã thường xuyên kiểm tra, bảo trì và đảm bảo thực hiện tốt công tác phòng cháy chữa cháy, tham gia mua bảo hiểm cho hàng hóa và tài sản.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

Công ty Cổ phần Điện Gia Lai (GEC)

Ông **Tân Xuân Hiến**	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Bà **Nguyễn Thái Hà**	Tổng Giám đốc
Bà **Trần Thị Hồng Thắm**	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản Cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức Tư vấn

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI

Bà **Nguyễn Ngọc Anh** Chức vụ: Giám đốc Khối - Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư

(Giấy ủy quyền số 08/2019/UQ-SSI do Ông Nguyễn Duy Hưng - Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI ký ngày 3/6/2019)

Bản Cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do CTCP Chứng khoán SSI tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với CTCP Điện Gia Lai. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản Cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do CTCP Điện Gia Lai cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản Cáo bạch này có nội dung như sau:

BCTC	Báo cáo Tài chính
BTGĐ	Ban Tổng Giám đốc
CMND	Chứng minh nhân dân
Công ty/GEC/GEG	Công ty Cổ phần Điện Gia Lai
CTCP	Công ty Cổ phần
CTTV	Công ty Thành viên
DT	Doanh thu
DTT	Doanh thu thuần
ĐMT	Điện mặt trời
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng Cổ đông
ĐKKD	Đăng ký kinh doanh
EVN	Tập đoàn Điện lực Việt Nam
GTCL	Giá trị còn lại
HĐKD	Hoạt động kinh doanh
HĐQT	Hội đồng Quản trị
HOSE	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
LN	Lợi nhuận
LNST	Lợi nhuận sau thuế
LNTT	Lợi nhuận trước thuế
MTV	Một thành viên
NHNN	Ngân hàng Nhà nước
NHTMCP	Ngân hàng Thương mại Cổ phần
NLTT	Năng lượng tái tạo
NMTĐ	Nhà máy Thủy điện
PTGĐ	Phó Tổng Giám đốc
ROAA	Tỷ suất Lợi nhuận trên Tổng tài sản bình quân
ROAE	Tỷ suất Lợi nhuận trên Vốn chủ sở hữu bình quân
SXKD	Sản xuất kinh doanh
Thuế VAT	Thuế Giá trị gia tăng
Tổ chức thực hiện phát hành	Công ty Cổ phần Điện Gia Lai
TCP	Tổng Chi phí
TDT	Tổng Doanh thu
TMCP	Thương mại Cổ phần
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TP.HCM	Thành phố Hồ Chí Minh
TSCĐ	Tài sản cố định
TTS	Tổng Tài sản

UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
UBND	Ủy ban Nhân dân
VCSH	Vốn Chủ sở hữu
VĐL	Vốn điều lệ
VND	Việt Nam đồng
VSD	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Giới thiệu chung về Tổ chức phát hành

- Tên gọi Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI
- Tên giao dịch đối ngoại: GIA LAI ELECTRICITY JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: GEC
- Địa chỉ: 114 Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
- Điện thoại: (0269) 382 3604 Fax: (0269) 382 6365
- Trang Web: http://geccom.vn/
- Mã số thuế: 5900181213
- Vốn điều lệ hiện tại: 2.038.916.770.000 đồng
- Giấy Chứng nhận ĐKKD: Số 5900181213 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 9/9/2010; đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 24/6/2019
- Ngành nghề SXKD chủ yếu của Công ty là:

STT	Ngành nghề kinh doanh	Mã Ngành
1	Sản xuất điện	3511 (chính)
2	Truyền tải và phân phối điện *Chi tiết: Phân phối điện, bán buôn điện, bán lẻ điện*	3512
3	Lắp đặt hệ thống điện	4321
4	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác *Chi tiết: Mua bán xuất nhập khẩu máy móc thiết bị điện, thiết bị cơ điện, thiết bị công nghiệp, động cơ điện, máy biến thế và các vật liệu điện khác, máy móc thiết bị để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, khai khoáng, xây dựng, thiết bị máy văn phòng*	4659
5	Xây dựng công trình đường bộ	4212
6	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác *Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, Thủy điện, xây dựng đập đê, đắp đường và các công trình khác*	4299
7	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
8	Xây dựng nhà để ở	4101
9	Xây dựng nhà không để ở	4102
10	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan *Chi tiết:* - *Tư vấn khảo sát, thiết kế, thi công các công trình Thủy điện vừa và nhỏ* - *Tư vấn lập dự án, khảo sát, thiết kế thi công đường dây và trạm biến áp (có cấp điện áp từ 110KV trở xuống)* - *Giám sát thi công xây dựng công trình Thủy điện vừa và nhỏ, đường dây và trạm biến áp (có cấp điện áp từ 110 KV trở xuống)* - *Tư vấn quản lý dự án xây dựng công trình (trừ dịch vụ tư vấn kỹ thuật liên quan đến*	7110

STT	Ngành nghề kinh doanh	Mã Ngành
	khảo sát địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn, khảo sát môi trường, khảo sát kỹ thuật phục vụ quy hoạch phát triển đô thị - nông thôn, quy hoạch phát triển ngành)	
11	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (trong phạm vi khoản 3, điều 11 Luật Kinh doanh bất động sản)	6810
12	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật *Chi tiết:* - *Thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện, nhà máy điện, đường dây và trạm biến áp đến 110KV, dây chuyền công nghiệp* - *Thí nghiệm vật liệu cách điện, các loại mẫu dầu cách điện và dầu công nghiệp* - *Kiểm định thiết bị điện, dụng cụ an toàn điện và dây cáp điện nhưng không bao gồm kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường và không bao gồm việc kiểm định và cấp giấy chứng nhận cho phương tiện vận tải (Ngoại trừ việc kiểm định và cấp giấy chứng nhận cho phương tiện vận tải; ngoại trừ việc tiếp cận một số khu vực địa lý vì lý do an ninh quốc gia)*	7120
13	Hoạt động tư vấn quản lý *Chi tiết: Tư vấn quản lý doanh nghiệp (Không bao gồm tư vấn pháp luật, thuế, kế toán, kiểm toán, lập trình máy vi tính, quảng cáo, nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận, môi giới lao động, giới thiệu việc làm, dịch vụ hỗ trợ giáo dục)*	7020
14	Sửa chữa thiết bị điện *Chi tiết: Sửa chữa và bảo dưỡng các loại máy móc, thiết bị điện; máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động của các nhà máy điện (không bao gồm sửa chữa máy vi tính, thiết bị ngoại vi, thiết bị liên lạc, thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng, đồ dùng cá nhân và gia đình khác)*	3314
15	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
16	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
17	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu *Chi tiết: Cung cấp dịch vụ tư vấn về công nghệ như tư vấn về kỹ thuật điện, tư vấn quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các nhà máy điện, máy móc, thiết bị điện (trừ dịch vụ tư vấn kỹ thuật liên quan đến khảo sát địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn, khảo sát môi trường, khảo sát kỹ thuật phục vụ quy hoạch phát triển đô thị - nông thôn, quy hoạch phát triển ngành)*	7490
18	Cho thuê xe có động cơ *Chi tiết: Cho thuê xe có động cơ không có lái xe đi kèm*	7710
19	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác *Chi tiết: Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng kèm người điều khiển*	4390

1.2 Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Thời gian	Những cột mốc phát triển quan trọng
1989	• Tiền thân là Công ty Thủy điện Gia Lai Kon Tum, được thành lập ngày 1/6/1989 • Vốn kinh doanh: 1,8 tỷ đồng

Thời gian	Những cột mốc phát triển quan trọng
	• Bắt đầu xây dựng NMTĐ đầu tiên: Ia Đrăng 2 - 1,2 MW
1992	• 22/12/1992: UBND Tỉnh đổi tên thành Xí nghiệp Thủy điện Ia Đrăng 2
1994	• 20/4/1994: Đổi tên thành Công ty Thủy điện Tỉnh Gia Lai
1995	• 24/10/1995: Đổi tên thành Công ty Điện Gia Lai
2010	• 9/9/2010: IPO thành công 26.143.593 cổ phần trên HOSE • Chuyển đổi thành CTCP Điện Gia Lai • VĐL: 262 tỷ đồng
2011	• Trở thành Công ty đại chúng theo chấp thuận của UBCKNN số 4454/UBCL-QLPH ngày 22/12/2011
2013	• 18/1/2013: Chính thức trở thành Thành viên của Tập đoàn TTC - Tập đoàn kinh tế tư nhân đa ngành. GEC được xác định là đơn vị tiên phong, hạt nhân của Tập đoàn TTC trong lĩnh vực Năng lượng
2016	• 30/6/2016: Tổ chức Tài chính Quốc tế IFC - Ngân hàng Thế giới và Quỹ Năng lượng sạch Armstrong - Singapore chính thức trở thành Cổ đông chiến lược nước ngoài của GEC với tỷ lệ 36,01%. • Hỗ trợ GEC mở rộng sang loại hình NLTT của kiểu mẫu của Việt Nam • Sở hữu 14 NMTĐ với tổng công suất là 84,1 MW
2017	Chính thức giao dịch trên Sàn Upcom của HNX
2018	• Chào bán thành công 97.091.275 cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1:1 • Chính thức vận hành hai Nhà máy ĐMT đầu tiên của Việt Nam tại Huế và Gia Lai với tổng công suất 117 MWp • VĐL: 1.942 tỷ đồng, TTS: 4.361 tỷ đồng, DTT: 559 tỷ đồng, LNTT: 207 tỷ đồng • Danh mục Dự án hoạt động: 14 NMTĐ - 84,1 MW, 2 Nhà máy ĐMT - 117 MWp
2019	• Nâng công suất NMTĐ Đăk Pi Hao 2 lên 10 MW • Đưa vào vận hành thương mại thêm 03 Nhà máy ĐMT Đức Huệ 1 - 49 MWp, Hàm Phú 2 - 49 MWp và Trúc Sơn - 44,4 MWp • Chuyển sàn thành công 204 triệu cổ phiếu niêm yết lên HOSE • Thành công M&A dự án Điện Gió V.P.L Bến Tre giai đoạn 1 có công suất 30 MW. • Danh mục Dự án hoạt động: 14 NMTĐ - 85,1 MW; 5 Nhà máy ĐMT - 260 MWp.
6 tháng năm 2020	• Thành công chuyển nhượng NMTĐ Kênh Bắc có công suất 1 MW nhằm mục đích tập trung nguồn lực nhân sự, tài chính cho các dự án NLTT tiềm năng • Danh mục Dự án đang vận hành: 13 NMTĐ - 84,1 MW; 5 Nhà máy ĐMT - 260 MWp. • VĐL: 2.039 tỷ đồng, TTS: 6.782 tỷ đồng, DTT: 605 tỷ đồng, LNTT: 143 tỷ đồng

1.3 Các thành tích đạt được

Qua hơn 31 năm phát triển và đổi mới, tại ngày 30/06/2020 GEC có VĐL 2.038.916.770.000 đồng và TTS đạt gần 6.782 tỷ đồng, Công ty đang sở hữu trực tiếp và gián tiếp 13 NMTĐ vừa và nhỏ với tổng công suất 84,1 MW, trong đó 93% công suất tập trung tại khu vực Tây Nguyên và 7% công suất còn lại tập trung ở khu vực Bắc Trung Bộ. Cụ thể, Công ty hiện đang vận hành 70 MW Thủy

điện, tương đương 83% tổng công suất Thủy điện đang hoạt động của GEC và chiếm khoảng 17% tỷ trọng các dự án Thủy điện vừa và nhỏ đang vận hành tại khu vực tỉnh Gia Lai. Ngoài ra, ghi nhận 8,1 MW tại Tỉnh Lâm Đồng, 6 MW tại Huế, chiếm lần lượt 10% và 7% tổng công suất Thủy điện của GEC. Tại Lâm Đồng, GEC chiếm khoảng 14% công suất Thủy điện vừa và nhỏ đang vận hành và tại Huế GEC đang chiếm tỷ trọng 8%. Ngoài ra, với 5 Nhà máy ĐMT tổng công suất 260 MWp đã hòa lưới quốc gia, GEC đang chiếm khoảng 5% thị phần ĐMT tại Việt Nam. Bên cạnh đó, GEC còn thực hiện xây dựng, nâng cấp nhiều tuyến đường dây, trạm biến áp và các công trình Năng lượng khác. Đến nay, các dự án do Công ty thực hiện đã đi vào hoạt động và phát huy hiệu quả. Công tác Nghiên cứu và Phát triển (R&D) - hỗ trợ giải pháp năng lượng tối ưu và Đầu tư phát triển công nghệ - gia tăng hiệu quả hoạt động luôn được chú trọng và không ngừng phát triển trong những năm qua.

Công ty đã nghiên cứu chế tạo và cung cấp cho các NMTĐ nhiều sản phẩm như tủ bảng điện, tủ nạp Acquy và các hệ thống điều khiển tự động, phát triển thêm lĩnh vực thí nghiệm điện đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005 đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng cấp Chứng nhận Hợp chuẩn (VILAS 878). Kể từ khi thành lập đến nay, GEC đã đầu tư hàng chục tỷ đồng cho việc nâng cấp các nhà máy cụ thể như thay thế bánh xe công tác để nâng hiệu suất phát điện, cải tạo hệ thống tự động hóa SCADA/HMI để giám sát hoạt động các nhà máy ngay Trung tâm điều độ tại Công ty… Các nghiên cứu cải tiến hợp lý hóa sản xuất như hệ thống kích từ, điều tốc; hệ thống nguồn tự dùng DC; thiết bị giám sát sự cố lưới 35kV… đã được đưa vào ứng dụng. Việc làm chủ các công nghệ trọng yếu này giúp giảm thiểu tối đa việc ngừng hoạt động SXKD và tiết kiệm thời gian khắc phục khi có các sự cố xảy ra.

Về đầu tư phát triển công nghệ, những Dự án chính là thay thế hệ thống Rơle bảo vệ và hệ thống điều khiển phân tán (DCS) tại NMTĐ Ayun Hạ đều đã hoàn thành. Đặc biệt, Khối Kỹ thuật đã chế tạo và sản xuất thành công sản phẩm Robot lau pin mặt trời cho các nhà máy ĐMT, hoàn thành thiết kế dây chuyền sản xuất Robot tại Diên Phú. Sản phẩm sẽ được đăng ký thương quyền, đánh giá chất lượng TUV để đảm bảo tính pháp lý và năng lực cạnh tranh của sản phẩm đối với đối tác bên ngoài. Cuối năm 2019, GEC không chỉ tiến hành thương mại hóa sản phẩm cho các Dự án của GEC nói riêng, Tập đoàn TTC nói chung, mà cho cả những Khách hàng trang trại ĐMT trên thị trường.

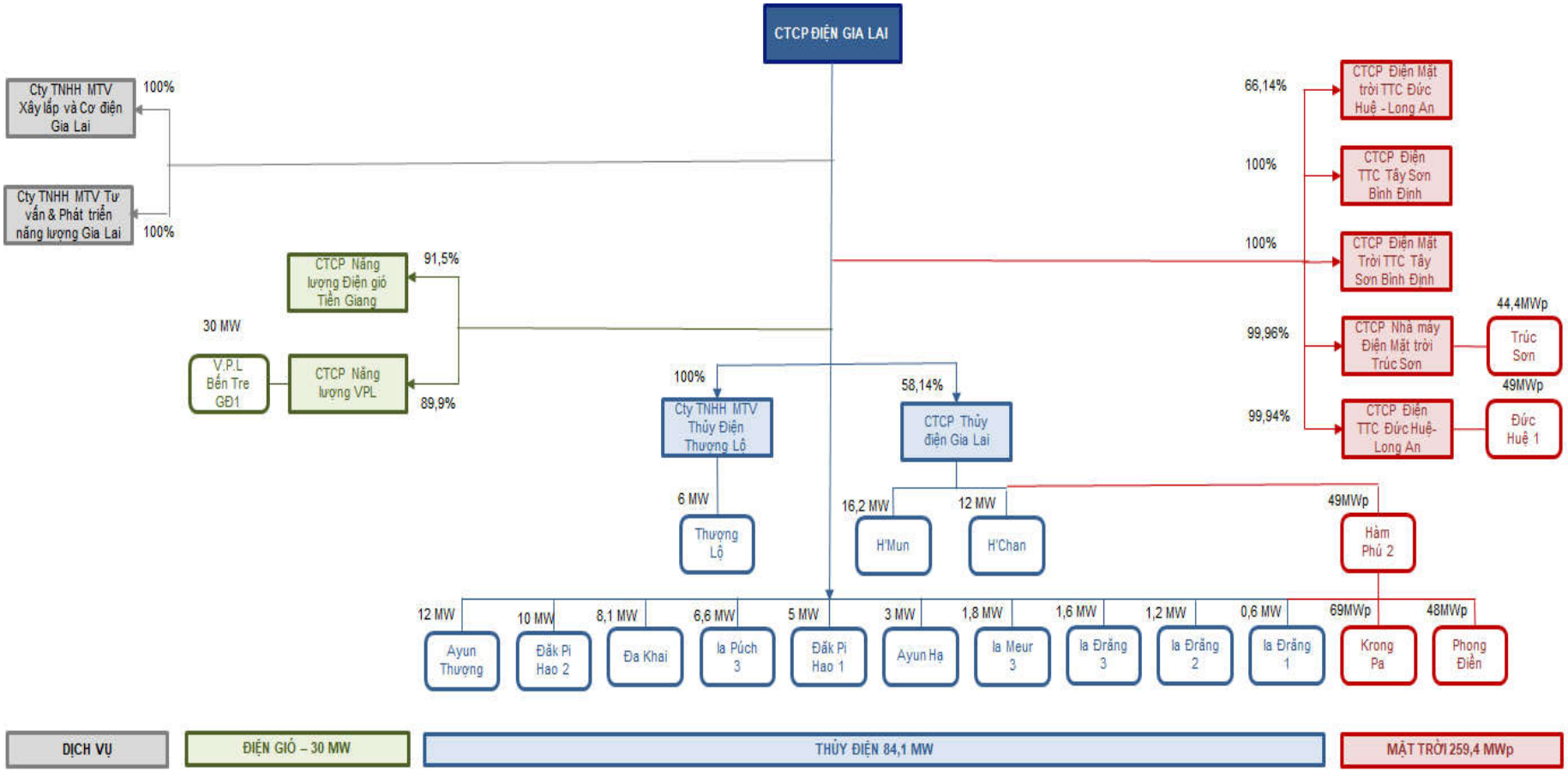
Thương hiệu GEC đang từng bước khẳng định uy tín trên thị trường Năng lượng Việt Nam ở nhiều khía cạnh, từ quy mô đầu tư nguồn NLTT, cập nhật xu thế Năng lượng sạch, công nghệ và thiết bị trên thế giới cho đến tốc độ đầu tư phát triển dự án Năng lượng sạch, tuy nhiên vẫn tuân thủ đầy đủ những trách nhiệm đối với Xã hội. Trong năm 2019, nhiều thế mạnh của GEC đã được phát huy, từ việc triển khai thành công nhiều dự án ĐMT đến chính thức bước chân vào lĩnh vực Điện Gió. Bên cạnh đó, hoạt động nghiên cứu và phát triển liên tục thành công trong việc chế tạo những thiết bị, hệ thống mới tối ưu hóa sản lượng Điện sản xuất trong thực tế, hỗ trợ trực tiếp vào tăng

trưởng DT. GEC đã nghiên cứu phát triển thành công và vận hành thử nghiệm sản phẩm mới *Hệ thống ĐMT tự động xoay theo hướng mặt trời (Solar tracking system)* nhằm tối ưu hóa hoạt động của các dự án ĐMT. GEC cũng đã nghiệm thu đề tài lắp đặt *Hệ thống ĐMT nổi (Floating Solar system),* thành quả của việc áp dụng công nghệ mới trong cả thiết kế và thi công. *Phát triển ứng dụng IoT trong lĩnh vực quan trắc khí tượng thủy văn tại các NMTĐ, Hệ thống Giám sát tình trạng làm việc của các dãy tấm Panel Năng lượng Mặt trời (String PV)* đã được ứng dụng trong năm vừa qua.

GEC luôn tự hào là một trong những doanh nghiệp hàng đầu của Tỉnh Gia Lai và Khu vực Tây Nguyên. Năm 2017, Công ty đã được nhận giải thưởng Thương hiệu mạnh Việt Nam do Thời báo Kinh tế Việt Nam tín nhiệm và bầu chọn. Tháng 7 năm 2019, Báo cáo thường niên của GEC đã vinh dự đạt được Giải Bạc, xếp thứ 3 Ngành Năng lượng trong hệ thống giải thưởng Báo cáo thường niên Vision Award 2018 trên phạm vi toàn cầu do Hiệp hội Truyền thông Chuyên nghiệp Mỹ (LACP) tổ chức hàng năm. GEC đồng thời là đơn vị duy nhất của Ngành Năng lượng Việt Nam đạt giải thưởng quốc tế này.

2. Cơ cấu sở hữu Công ty

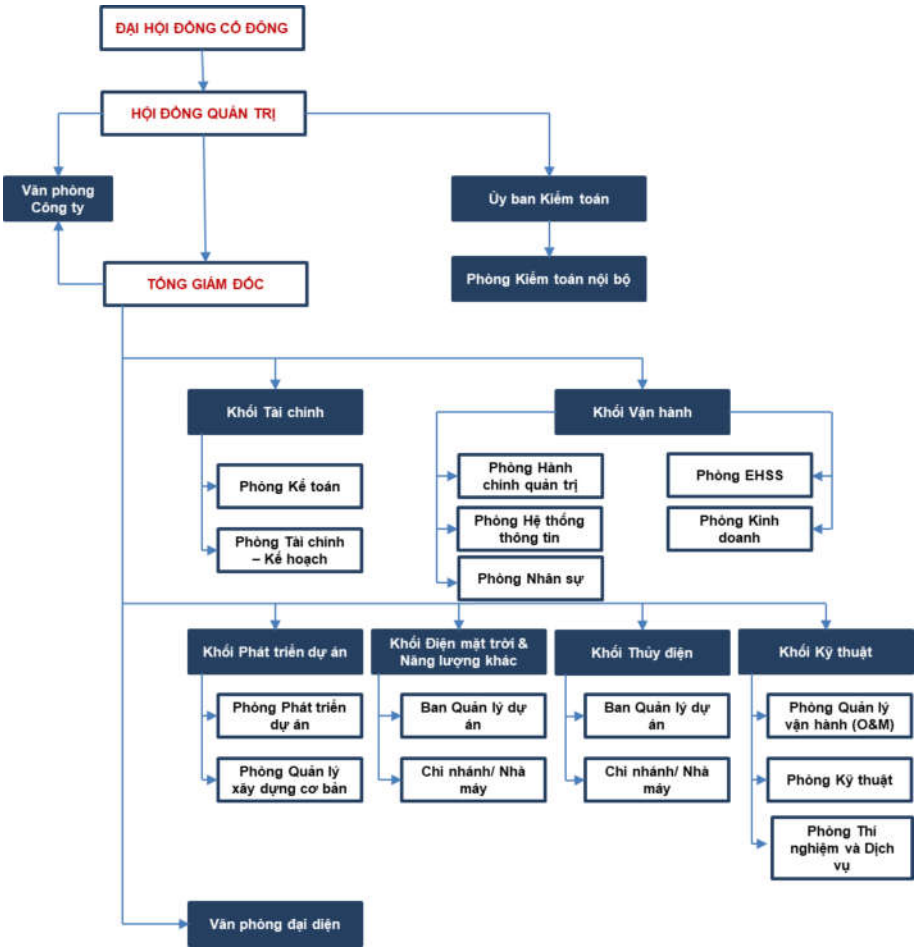
Hình 5: Cơ cấu Sở hữu Công ty



Nguồn: GEC

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Hình 6: Cơ cấu Bộ máy Quản lý của Công ty



Nguồn: GEC

GEC được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty.

Đại hội đồng Cổ đông

Gồm tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, có quyền và nhiệm vụ thông qua định hướng phát triển, quyết định các phương án, nhiệm vụ SXKD; quyết định sửa đổi, bổ sung VĐL của Công ty; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT, Ủy ban Kiểm toán; quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty và các quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Hội đồng Quản trị

HĐKD và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của HĐQT. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định.

Danh sách Hội đồng Quản trị của Công ty

1	Ông **Tân Xuân Hiến**	Chủ tịch HĐQT
2	Ông **Deepak C.Khanna**	Thành viên HĐQT không điều hành
3	Ông **Andrew Mark Affleck**	Thành viên HĐQT không điều hành
4	Ông **Phạm Hồng Dương**	Thành viên độc lập HĐQT
5	Bà **Nguyễn Thùy Vân**	Thành viên độc lập HĐQT
6	Bà **Phạm Thị Khuê**	Thành viên độc lập HĐQT

Ban Tổng Giám đốc và Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng

Công ty có 1 (một) TGĐ, 3 (ba) PTGĐ, 1 (một) Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng và các chức danh khác do HĐQT quyết định và bổ nhiệm. TGĐ Công ty là người quản lý điều hành mọi hoạt động SXKD của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về trách nhiệm quản lý điều hành Công ty. Các PTGĐ và Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng hỗ trợ TGĐ thực hiện các công việc theo sự phân công.

Danh sách Ban Tổng Giám đốc và Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng của Công ty

1	Bà **Nguyễn Thái Hà**	TGĐ
2	Ông **Lê Thanh Vinh**	PTGĐ thường trực
3	Ông **Hà Nguyên Hoàng**	PTGĐ
4	Ông **Nguyễn Lê Hùng**	PTGĐ
5	Bà **Trần Thị Hồng Thắm**	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng

Chức năng và nhiệm vụ của các Đơn vị trực thuộc

STT	Tên đơn vị	Lĩnh vực phụ trách	Chức năng, nhiệm vụ
1	Ủy ban Kiểm toán	Kiểm toán nội bộ	Ủy ban Kiểm toán là đơn vị trực thuộc HĐQT, có vai trò tham mưu cho HĐQT các công việc sau: - Giám sát việc quản lý điều hành Công ty; - Tổ chức thực hiện kiểm soát đối với việc quản lý điều hành Công ty.
2	Văn phòng Công ty	Trợ lý - thư ký HĐQT	- Cầu nối giữa các cơ quan: HĐQT, Ủy ban Kiểm toán, BTGĐ, các Doanh nghiệp mà Công ty có vốn góp (nếu có), các Cơ quan bên ngoài; - Tham mưu cho HĐQT về các chức năng Quản trị; - Tổ chức thực hiện các nghiệp vụ hành chính và thư ký cho HĐQT.
		Trợ lý - thư ký BTGĐ	- Đầu mối thông tin giữa BTGĐ với các Đơn vị trong Công ty; - Tham mưu các vấn đề thuộc thẩm quyền điều hành của BTGĐ; - Tổ chức, thực hiện nghiệp vụ thư ký/trợ lý cho BTGĐ.

STT	Tên đơn vị	Lĩnh vực phụ trách	Chức năng, nhiệm vụ
		Chính sách	- Lập kế hoạch văn bản lập quy hàng năm; - Phối hợp với các Đơn vị xây dựng hoặc giám sát, hướng dẫn việc xây dựng văn bản lập quy; - Thẩm định tính hệ thống, hình thức các dự thảo văn bản pháp quy; - Quản lý, phân phối, lưu trữ văn bản lập quy; - Phối hợp phổ biến nội dung các văn bản lập quy.
		Quản lý Cổ đông và Quan hệ Nhà đầu tư	- Quản lý Cổ đông, cổ phần, cổ phiếu; - Hoạt động Quan hệ Nhà đầu tư.
		Pháp chế	- Tư vấn và phổ biến pháp luật; - Đại diện tố tụng và ngoài tố tụng cho Công ty; - Tham mưu xây dựng Hệ thống phân công - phân quyền/ủy quyền.
3	Khối Tài chính	Tài chính - Kế hoạch	- Quản lý tài chính; - Đầu tư tài chính; - Hoạch định, quản lý và điều phối kế hoạch của toàn Công ty; - Tham mưu các vấn đề về hoạch định, theo dõi, đánh giá hoặc điều phối kế hoạch.
		Kế toán	- Quản lý những công việc thuộc nghiệp vụ kế toán theo đúng quy định pháp luật; - Tham mưu cho Ban Lãnh đạo về công tác Kế toán Quản trị của Công ty; - Quản lý ngân quỹ, chứng từ có giá.
4	Khối vận hành	Nhân sự	- Hoạch định, tuyển dụng và quản lý nguồn nhân lực; - Tham mưu cho Ban Lãnh đạo về công tác thiết lập các chính sách liên quan đến nguồn nhân lực. - Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực
		Hành chính quản trị	- Quản lý văn thư, y tế, thương hiệu, chi phí và tài sản thuộc văn phòng, tòa nhà, bất động sản; - Công tác lễ tân; - Công tác hành chính phục vụ; - Quản lý hoạt động mua sắm của Công ty; - Bảo vệ mục tiêu an ninh; - Quản lý sử dụng xe;
		Hệ thống thông tin	- Nghiên cứu và phát triển các giải pháp công nghệ thông tin phục vụ cho nhu cầu phát triển của Công ty; - Xây dựng - triển khai và vận hành các hệ thống công nghệ thông tin của Công ty; - Quản lý - khai thác - bảo mật các hệ thống thông tin của Công ty; - Phối hợp với các bộ phận khác trong việc xây dựng - áp dụng - đánh giá và cải tiến các quy trình hoạt động của các bộ phận; - Phối hợp với các bộ phận khác trong việc định hướng, xây dựng, triển

STT	Tên đơn vị	Lĩnh vực phụ trách	Chức năng, nhiệm vụ
			khai và áp dụng các chương trình - chủ trương cải tiến - đổi mới trong Công ty; - Phối hợp với các bộ phận khác trong việc thu thập dữ liệu, thông tin về hiệu quả và năng suất của các lĩnh vực nghiệp vụ và hoạt động bên trong Công ty, từ đó đề xuất xây dựng các chương trình, hành động cải tiến đổi mới nhằm tăng năng suất hoạt động trong Công ty.
		Môi trường, Sức khỏe, An toàn, Xã hội (EHSS)	- Điều phối, thực hiện và giám sát các hoạt động liên quan đến Môi trường, Sức khỏe, An toàn, Xã hội (EHSS); - Đảm bảo các quy định liên quan đến EHSS của Việt Nam và tiêu chuẩn quốc tế mà Công ty đã cam kết.
		Kinh doanh	- Quản lý hoạt động bán điện cho EVN; - Quản lý kinh doanh điện toàn Công ty; - Quản lý kinh doanh các dịch vụ làm phát sinh DT của Công ty.
5	Khối Phát triển dự án	Phát triển dự án	- Công tác M&A các dự án; - Hợp tác phát triển dự án; - Khảo sát và xin chủ trương thực hiện dự án; - Tư vấn quản lý dự án; - Quản lý việc phát hành chứng chỉ NLTT.
		Quản lý xây dựng cơ bản	- Xây dựng định mức nội bộ trong công tác xây dựng cơ bản của Công ty; - Thực hiện việc lập, thẩm tra dự toán, quyết toán; - Thực hiện công tác quản lý, triển khai dự án đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty; - Thực hiện công tác quản lý, triển khai sửa chữa hạng mục công trình xây dựng cơ bản.
6	Khối Thủy điện, Khối ĐMT và Năng lượng khác	Ban Quản lý dự án	- Quản lý dự án theo Quy chế tổ chức hoạt động của từng Ban.
		Vận hành nhà máy điện	- Các Ban Quản lý dự án; - Sản xuất điện năng; - Bảo dưỡng, sửa chữa; - Quản lý nhân sự vận hành.
		Hành chính, tổng hợp	- Công tác hành chính, nhân sự; - Kế toán Đơn vị trực thuộc.
		Kinh doanh bán lẻ điện (Chi nhánh TTC Chư Prông)	- Kinh doanh bán lẻ điện; - Điều độ, quản lý đường dây; - Quản lý vật tư phục vụ bán lẻ điện.
6	Khối Kỹ	Quản lý	- Quản lý vận hành các nhà máy ĐMT và Điện Gió.

STT	Tên đơn vị	Lĩnh vực phụ trách	Chức năng, nhiệm vụ
	thuật	vận hành (O&M)	
		Kỹ thuật	- Quản lý vận hành NMTĐ; - Quản lý kỹ thuật; - Thực hiện công tác quản lý sửa chữa các hạng mục cơ, điện; - Nghiên cứu các giải pháp về thiết bị và công nghệ cho Nhà máy điện.
		Thí nghiệm và Dịch vụ	- Thí nghiệm; - Dịch vụ kỹ thuật điện; - Kiểm định kỹ thuật an toàn.
11	Văn phòng đại diện	Hành chính, tổng hợp	- Hành chính, tổng hợp tại Đơn vị trực thuộc.

4. Danh sách Cổ đông nắm giữ từ trên 5% Vốn Cổ phần của Công ty; Danh sách Cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu Cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại

4.1 Danh sách Cổ đông nắm giữ từ trên 5% Vốn Cổ phần của Công ty tại ngày 29/5/2020

Bảng 1: Danh sách Cổ đông nắm giữ từ trên 5% Vốn Cổ phần của GEC

STT	Tên Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
1	CTCP Đầu tư Thành Thành Công	36.947.296	18,12%
2	CTCP Xuất nhập khẩu Bến Tre	39.280.580	19,27%
3	IFC	28.514.582	13,99%
4	AVH Pte. Ltd	39.057.174	19,16%
	Tổng cộng	**143.799.632**	**70,54%**

Nguồn: Danh sách Cổ đông VSD chốt ngày 29/5/2020

4.2 Danh sách Cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Theo quy định tại Khoản 4 Điều 119 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 có hiệu lực từ ngày 1/7/2015 thì: *"Các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của Cổ đông sáng lập được bãi bỏ sau thời hạn 3 năm, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp. Các hạn chế của quy định này không áp dụng đối với cổ phần mà Cổ đông sáng lập có thêm sau khi đăng ký thành lập doanh nghiệp và cổ phần mà Cổ đông sáng lập chuyển nhượng cho người khác không phải là Cổ đông sáng lập của Công ty."*

Công ty được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp năm 2010, do vậy đến thời điểm hiện nay, các hạn chế chuyển nhượng của Cổ đông sáng lập đều hết hiệu lực.

4.3 Cơ cấu Cổ đông tại thời điểm 29/5/2020

Bảng 2: Cơ cấu Cổ đông tại thời điểm 29/5/2020

STT	Danh mục	Số lượng (Người)	Số cổ phần nắm giữ	% Tỷ lệ sở hữu/ Vốn Điều lệ
I	**Cổ đông trong nước**	**2.123**	**128.552.225**	**63,05**
1	Cá nhân	2.097	38.204.899	18,74
2	Tổ chức	26	90.347.326	44,31
II	**Cổ đông nước ngoài**	**45**	**75.339.452**	**36,95**
1	Cá nhân	30	224.395	0,11
2	Tổ chức	15	75.115.057	36,84
III	**Cổ phiếu quỹ**	**-**	**-**	**-**
IV	**TỔNG CỘNG**	**2.168**	**203.891.677**	**100**

Nguồn: Danh sách Cổ đông VSD chốt ngày 29/5/2020 để tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2019

5. Danh sách những Công ty Mẹ và Công ty Con của Tổ chức Phát hành, những Công ty mà Tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành

5.1 Công ty Mẹ

Không có.

5.2 Công ty Con

Các Công ty Con đang hoạt động:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu trên vốn thực góp (%)	Tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ (%)
1	CTCP Thủy Điện Gia Lai (GHC)	114 Trường Chinh, Phường Phù Đổng, TP Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Sản xuất và phân phối điện	205.000	58,14	58,14
2	Công ty TNHH MVT Thủy Điện Thượng Lộ (GTLC)	189 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, TP Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Sản xuất và phân phối điện	70.000	100	100
3	Công ty TNHH MTV Xây lắp & Cơ điện Gia Lai (GCC)	114 Trường Chinh, Phường Phù Đổng, TP Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Xây dựng các công trình thủy điện vừa và nhỏ; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	17.000	100	100
4	CTCP Điện TTC Tây Sơn - Bình Định	Xóm 2, Thôn Kiên Ngãi, Xã Bình Thành, Huyện Tây Sơn, Tỉnh Bình Định	Sản xuất và phân phối điện	207.000	100	51
5	CTCP Điện Mặt Trời TTC Tây Sơn - Bình Định	Xóm 2, Thôn Kiên Ngãi, Xã Bình Thành, Huyện Tây Sơn, Tỉnh Bình Định	Sản xuất và phân phối điện	207.000	100	51
6	CTCP Điện TTC Đức Huệ - Long An	90 đường 838, Khu phố 2, Thị trấn Đông Thành, Huyện Đức Huệ, Tỉnh Long An	Sản xuất và phân phối điện	324.000	99,94	99,94
7	CTCP Điện Mặt Trời TTC Đức Huệ - Long An	90 đường 838, Khu phố 2, Thị trấn Đông Thành, Huyện Đức Huệ, Tỉnh Long An	Sản xuất và phân phối điện	324.000	66,14	51
8	Công ty TNHH MTV Tư vấn và Phát triển Năng lượng Gia Lai	114 Trường Chinh, Phường Phù Đổng, TP Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	1.500	100	100
9	CTCP Nhà máy Điện	Thôn 1, Xã Tâm Thắng, Huyện Cư Jut,	Sản xuất và phân phối điện	302.000	99,96	99,96

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu trên vốn thực góp (%)	Tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ (%)
	mặt trời Trúc Sơn	Tỉnh Đăk Nông				
10	CTCP Năng Lượng VPL	Số 1, Ấp An Hòa, Xã An Hiệp, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre	Sản xuất và phân phối điện	200.000	99,90	99,90
11	CTCP Năng lượng Điện gió Tiền Giang	Số 8, Đường 30/4, Phường 1, TP Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang	Sản xuất và phân phối điện	200.000	91,50	99,15

Nguồn: BCTC Hợp nhất Soát xét 6 tháng năm 2020

***Các* công ty con đã thành lập nhưng chưa góp vốn**

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn Điều lệ (Triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu trên VĐL (%)
1	Công ty TNHH MTV Điện mặt trời Phong Điền	189 Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, TP Huế, Thừa Thiên Huế	Sản xuất truyền tải và phân phối điện	120.000	100
2	CTCP Điện gió Ia Bang	114 Trường Chinh, Phường Phù Đổng, TP Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Sản xuất truyền tải và phân phối điện	200.000	99
3	Công ty Cổ phần Hợp tác phát triển NLTT VI-JA	253 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, TP HCM	Sản xuất điện	150.000	99

Nguồn: BCTC Hợp nhất Soát xét 6 tháng năm 2020

5.3 Công ty Liên kết

Không có.

6. Quá trình tăng Vốn Điều lệ

Cùng với sự phát triển trong HĐKD của Công ty, VĐL của GEC thay đổi như sau:

Đơn vị: Đồng

Thời điểm	Lần tăng	Giá trị vốn tăng thêm	VĐL sau khi tăng	Hình thức tăng vốn	Ghi chú
Tháng 6/2012	Lần 1	261.435.930.000	522.871.860.000	Phát hành riêng lẻ cho đối tác chiến lược	- Giá phát hành: 12.000 đồng/ cổ phiếu - Số lượng Cổ đông được phân phối cổ phiếu: 4 - Hình thức góp vốn: bằng tiền mặt
Tháng 8/2014	Lần 2	78.430.420.000	601.302.280.000	- Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức - Phát hành cổ phiếu thưởng cho Cổ đông hiện hữu	- Số lượng Cổ đông được phân phối cổ phiếu: 250 - Hình thức góp vốn: bằng tiền mặt
Tháng 8/2015	Lần 3	120.258.690.000	721.560.970.000	- Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức - Phát hành cổ phiếu thưởng cho Cổ đông hiện hữu	- Số lượng Cổ đông được phân phối cổ phiếu: 212 - Hình thức góp vốn: bằng tiền mặt
Tháng 11/2015	Lần 4	23.342.420.000	744.903.390.000	Phát hành cổ phiếu để hoán đổi	- Số lượng Cổ đông được phân phối cổ phiếu: 119 - Hình thức góp vốn: bằng cổ phiếu
Tháng 6/2017	Lần 5	148.979.850.000	893.883.240.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	- Số lượng Cổ đông được phân phối cổ phiếu: 302 - Hình thức góp vốn: bằng cổ phiếu
Tháng 10/2017	Lần 6	77.029.510.000	970.912.750.000	Phát hành cổ phiếu để hoán đổi	- Số lượng Cổ đông được phân phối cổ phiếu: 1.163 - Hình thức góp vốn: bằng cổ phiếu
Tháng 10/2018	Lần 7	970.912.750.000	1.941.825.500.000	Phát hành cho Cổ đông hiện hữu	- Số lượng Cổ đông được phân phối cổ phiếu: 1.533 - Hình thức góp vốn: bằng tiền mặt

Đơn vị: Đồng

Thời điểm	Lần tăng	Giá trị vốn tăng thêm	VĐL sau khi tăng	Hình thức tăng vốn	Ghi chú
Tháng 6/2019	Lần 8	97.091.270	2.038.916.770.000	Phát hành cho cán bộ nhân viên	- Số lượng Cổ đông được phân phối cổ phiếu: 63 - Hình thức góp vốn: bằng tiền mặt

Nguồn: GEC

7. Hoạt động kinh doanh

7.1 Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

7.1.1 Sản xuất và kinh doanh điện

Hệ thống Nhà máy Thủy điện

Qua hơn 31 năm đầu tư xây dựng và vận hành các dự án Thủy điện, hiện GEC sở hữu trực tiếp và gián tiếp 13 NMTĐ tiềm năng với quy mô vừa và nhỏ có tổng công suất 84,1 MW tại khu vực Miền Trung - Tây Nguyên. Với bề dày kinh nghiệm lâu năm trong đầu tư, quản lý và vận hành, GEC đang khai thác các NMTĐ hiệu quả.

Bảng 3: Danh sách hệ thống Nhà máy Thủy điện

STT	Nhà máy	Vị trí	Năm vận hành	Diện tích Nhà máy (m^2)	Công suất (MW)	Nguồn nước sử dụng và lưu lượng nước	Dung tích hồ chứa (triệu m^3)	Hiệu suất sử dụng (giờ/năm)	Sản lượng trung bình (GWh/ năm)	Đặc điểm nổi bật của Nhà máy
1	Ia Đrăng 1	Xã Ia Đrăng, Xã Ia Phìn, Huyện Chư Prông, Tỉnh Gia Lai	2002	41.929	0,6	Suối Ia Đrăng	0,05	5.500	3,4	- Được gắn lưới bán lẻ với giá điện tương đối cao bình quân khoảng 1,700 đồng/kWh và giá bán buôn thỏa thuận - Đây là cụm nhà máy duy nhất ở Việt Nam thuộc doanh nghiệp tư nhân được phép bán lẻ trực tiếp đến các đối tượng tiêu dùng
2	Ia Đrăng 2	Xã Ia Đrăng, Huyện Chư Prông, Tỉnh Gia Lai	1989	66.082	1,2	Suối Ia Đrăng	0,012	5.416	6,5	

3	Ia Đrăng 3	Xã Ia Bòong, Xã Ia O, Huyện Chư Prông, Tỉnh Gia Lai	2005	24.690	1,6	Suối Ia Đrăng	0,4	5.800	8,8	
4	Ia Meur 3	Xã Ia Bòong, Xã Ia O, Huyện Chư Prông, Tỉnh Gia Lai	2005	63.888	1,8	Suối Ia Mơ	0,021	4.333	7,8	
5	Ia Púch 3	Xã Ia O, Huyện Chư Prông, Tỉnh Gia Lai	2009	147.148	6,6	Suối Púch	0,117	4.638	30,61	
6	Ayun Hạ	Xã Ayun Pa, Huyện Phú Thiện, Tỉnh Gia Lai	2001	6.069	3	Sông Ayun, lưu lượng qua tuabin 23,4 m^3/s	253	6.600	20	- Tận dụng nguồn nước từ đập Thủy Lợi Ayun Hạ để phát điện nên lượng nước có đều quanh năm - Thuộc 2 Nhà máy có hiệu suất sử dụng cao nhất hệ thống (số giờ vận hành lớn nhất) - Nhà máy có quy mô vừa và nhỏ nên được ký hợp đồng theo biểu giá Chi phí Tránh được (Biểu giá ưu đãi cho lĩnh vực NLTT)
7	Đăk Pi Hao 1	Xã Kon Chiêng, Huyện Mang Yang, Tỉnh Gia Lai	2014	66.082	5	Suối ĐăkPiHao, lưu lượng trung bình năm 3,16 m^3/s	-	4.200	21	- Nhà máy có lưu lượng nước vào mùa khô ổn định. - Nhà máy có quy mô vừa và nhỏ nên được ký hợp đồng theo biểu giá Chi phí Tránh được (Biểu giá ưu đã cho lĩnh vực NLTT)
8	Đăk Pi Hao 2	Xã Chơ Long, Huyện Ia Pa, Tỉnh Gia Lai	2008	106.183	10	Nguồn nước sử dụng là Suối Đăk Pi Hao (nhánh	0,195	4.161	36,96	- Nhà máy có lưu lượng nước vào mùa khô ổn định - Nhà máy có quy mô vừa và nhỏ nên được ký hợp đồng theo biểu giá Chi phí Tránh được (Biểu

						cấp I của Sông Ba) với lưu lượng trung bình năm 4,45 m^3/s				giá ưu đã cho lĩnh vực NLTT)
9	Thượng Lộ	Xã Thượng Lộ, Huyện Nam Đông, Tỉnh Thừa Thiên Huế	2015	44.284	6	Sông Ba Ran, lưu lượng trung bình năm 12,9 m^3/s	4,03	3.000	18	- Tận dụng được tối đa lưu lượng nguồn nước vào công tác phát điện giờ cao điểm tăng hiệu quả DT - Nhà máy có quy mô vừa và nhỏ nên được ký hợp đồng theo biểu giá Chi phí Tránh được (Biểu giá ưu đã cho lĩnh vực NLTT)
10	Đa Khai	Xã Đar Sa-Đa Nhim, Huyện Lạc Dương, Tỉnh Lâm Đồng	2010	32.000	8,1	Nguồn nước thuộc lưu vực Sông Đa Nhim, lưu lượng trung bình năm 2,77 m^3/s	9,95	4.568	37	- Là Nhà máy duy nhất trong hệ thống có hồ chứa với dung tích hữu ích lớn, thuận lợi trong việc khai thác tối đa hiệu quả vận hành theo biểu giá Chi phí Tránh được và là NMTĐ có hiệu quả vận hành cao nhất hệ thống (tính theo mỗi MW đầu tư) - Nhà máy có quy mô vừa và nhỏ nên được ký hợp đồng theo biểu giá Chi phí Tránh được (Biểu giá ưu đã cho lĩnh vực NLTT)
11	Ayun Thượng	Xã Lơ Pang, Huyện Mang Yang, Tỉnh Gia Lai	2011	642.696	12	Thuộc lưu vực Sông Auyn	4,54	4.200	50,4	- Thuộc nhóm Nhà máy có công suất lớn nhất hệ thống, được xây dựng tại khu vực có lưu lượng nước tốt, số giờ vận hành lớn - Nhà máy đều quy mô vừa và nhỏ nên được ký hợp đồng theo biểu giá Chi phí Tránh được (Biểu giá ưu đã cho lĩnh vực NLTT)
12	H'Chan	Xã Đê Ar,	2006	14.181	12	Thuộc lưu	0,768	4.700	56,4	- Thuộc nhóm Nhà máy có công suất lớn nhất hệ

		Huyện Mang Yang, Tỉnh Gia Lai				vực Sông Auyn				thống, được xây dựng tại khu vực có lưu lượng nước tốt, số giờ vận hành lớn - Nhà máy có quy mô vừa và nhỏ nên được ký hợp đồng theo biểu giá Chi phí Tránh được (Biểu giá ưu đã cho lĩnh vực NLTT)
13	H'Mun	Xã Bar Măih, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai	2010	19.493	16,2	Thuộc lưu vực Sông Auyn	0,868	4.100	66,42	- Nhà máy có công suất lớn nhất hệ thống, được xây dựng tại khu vực có lưu lượng nước tốt, số giờ vận hành lớn - Nhà máy có quy mô vừa và nhỏ nên được ký hợp đồng theo biểu giá Chi phí Tránh được (Biểu giá ưu đã cho lĩnh vực NLTT)
	Tổng cộng	**NA**		**1.290.840**	**84,1**	**NA**	**268,383**	**NA**	**363,3**	**NA**

Nguồn: GEC

Các Nhà máy đã tập trung công tác điều tiết nước tối ưu, đảm bảo công tác vận hành liên tục, giảm thiểu tối đa thời gian xử lý các sự cố. Đồng thời, công tác sửa chữa định kỳ được hoàn thành đúng kế hoạch, trong quá trình thực hiện luôn bám sát thực tế vận hành nhằm tối ưu hóa chi phí sửa chữa.

- **Hệ thống Nhà máy Điện mặt trời**

Nhu cầu về Năng lượng điện luôn xu hướng tăng cao khi nền kinh tế không ngừng phát triển mạnh, để đáp ứng nhu cầu cho tất cả thành phần kinh tế và góp phần đảm bảo an ninh Năng lượng. Hiểu rõ Năng lượng là nhu cầu, GEC đang từng bước trở thành một trong những đơn vị tư nhân dẫn đầu trong việc phát triển NLTT đa dạng, xanh, sạch và thân thiện với môi trường tại Việt Nam.

Cuối năm 2018, GEC đã đưa vào vận hành thương mại Nhà máy ĐMT Phong Điền 48 MWp - Tỉnh Thừa Thiên Huế và Nhà máy ĐMT Krông Pa 69 MWp - Tỉnh Gia Lai. Giá bán điện được hưởng mức ưu đãi tại thời điểm giao nhận điện là 9,35 Uscent/kWh, được áp dụng trong vòng 20 năm kể từ ngày vận hành thương mại. Năm 2019, 3 (ba) CTTV trực thuộc đã triển khai thi công 3 (ba) Nhà máy ĐMT với tổng công suất 142,4 MWp và lần lượt đưa vào vận hành vào tháng 4 và tháng 6 năm 2019 để được hưởng cơ chế ưu đãi của Chính phủ đối với các dự án ĐMT. Các Nhà máy ĐMT đang triển khai của GEC và các CTTV hầu hết được thi công theo hình thức EPC và tổng thầu thực hiện là các nhà thầu đến từ Nhật Bản với công nghệ hiện đại, đáp ứng tiêu chuẩn Nhật Bản và Châu Âu. Đáng chú ý là Nhà

máy ĐMT Trúc Sơn - 44,4 MWp tại Tỉnh Đăk Nông là dự án đầu tiên mà GEC tự thực hiện công tác tổng thầu với kinh nghiệm đúc kết được khi thực hiện vai trò người tiên phong trong lĩnh vực ĐMT tại Việt Nam năm 2018. Nhà máy Trúc Sơn thi công với thời gian kỷ lục là 3 tháng, phát điện tháng 6/2019 và nhận được mức giá bán điện ưu đãi 9,35 Uscent/kWh.

Bảng 4: Danh sách hệ thống Nhà máy Điện Mặt trời

STT	Nhà máy	Vị trí	Năm vận hành	Diện tích nhà máy (Ha)	Công suất (MWp)	Số giờ nắng (Giờ/năm)	Tiềm năng năng lượng/ bức xạ mặt trời	Sản lượng trung bình (GWh/năm)	Công nghệ	Đặc điểm của Nhà máy	
1	Phong Điền	Thôn Mỹ Hòa, Xã Điền Lộc, Phong Điền, Thừa Thiên Huế	10/2018	44,8	48	1.700 - 2.000	4,6 kWh/m^2/ngày	59,7	Công nghệ đa tinh thể có công suất 330Wp của hãng sản xuất SHARP	- Có điều kiện thi công thuận lợi nhất trong số các dự án đã triển khai - Được miễn tiền thuê đất 15 năm đầu tiên	2 (Hai) Nhà máy ĐMT có quy mô lớn nhất Việt Nam tại thời điểm hòa lưới và được hưởng đầy đủ chính sách ưu đãi đối với lĩnh vực ĐMT
2.	Krông Pa	Xã Chư Gu, Huyện Krông Pa, Tỉnh Gia Lai	12/2018	70,2	69	1.900 - 2.200	4,8 - 5,2 kWh/m^2/ngày	103	- Pin Polycrystalline đa tinh thể thuộc hãng Astronergy - Inverter thuộc hãng Tmeic có chức năng điều chỉnh công suất cực đại (*MPPT*), điều chỉnh P,Q (*cos φ từ -0,85 đến 0,85*)	- Có vị trí thuộc các khu vực có bức xạ tốt nhất tại Việt Nam - Được miễn toàn bộ tiền thuê đất suốt vòng đời Dự án	

3.	Hàm Phú 2	Xã Hàm Phú, Huyện Hàm Thuận Bắc, Tỉnh Bình Thuận	4/2019	54,2	49	2.520	5,3 kWh/m^2/ngày	77	- Công nghệ đa tinh thể có công suất 330Wp của hãng sản xuất SHARP - Nhật Bản - Inverter trung tâm TMEIC công suất 2x2550kW của Toshiba and Mitsubishi Electric - Nhật Bản	- Có vị trí thuộc các khu vực có bức xạ tốt nhất tại Việt Nam - Được miễn tiền thuê đất 15 năm đầu tiên
4.	Đức Huệ 1	Xã Mỹ Thạnh Bắc, Huyện Đức Huệ, Tỉnh Long An	4/2019	58,0	49	2.445	4,93 kWh/m^2/ngày	73	- Photovoltaic - Polycrystal line silicon (*Tấm pin mặt trời đa tinh thể*) - 72 cells 330Wp (*PV module*) - Cung cấp bởi Solargiga theo công nghệ của Sharp	Được miễn toàn bộ tiền thuê đất suốt vòng đời Dự án
5	Trúc Sơn	Thôn 5, Xã Trúc Sơn, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông	6/2019	49,5	44,4	2.500	5,09 kWh/m^2/Ngày	67,8	Photovoltaic - Monocrystal line silicon: Tấm pin mặt trời đơn tinh thể - 72 cells 345Wp của SHARP	- Có vị trí thuộc các khu vực có bức xạ tốt nhất tại Việt Nam - Được miễn tiền thuê đất 15 năm đầu tiên
	Tổng cộng	**NA**	**NA**	**276,7**	**259,4**	**NA**	**NA**	**380,5**	**NA**	**NA**

Nguồn: GEC

Thời tiết nắng nóng kéo dài trong năm 2019 đã ảnh hưởng không tốt đến tình hình sản xuất của các NMTĐ. Tuy nhiên, các nhà máy ĐMT sẽ được hưởng lợi lớn vì tại các Tỉnh Bình Thuận, Đăk Nông, Gia Lai, Long An mà GEC đang hoạt động lại là những nơi có bức xạ nắng tốt nhất Việt Nam. Các dự án ĐMT mang lại nguồn thu ổn định suốt 20 năm, do đó đây được xem là bước đi phù hợp của Công ty trong chiến lược đa dạng hóa các loại hình Năng lượng phù hợp với các điều kiện thời tiết. Thêm vào đó, nhờ vào việc sử dụng các thiết bị theo tiêu chuẩn Nhật Bản như tấm pin mặt trời, inverter cùng với công tác bảo dưỡng hiệu quả, hầu hết các nhà máy ĐMT khi đi vào hoạt động đều đạt được hiệu suất tốt.

Cơ cấu sản lượng điện của các Nhà máy qua các năm

Bảng 5: Cơ cấu sản lượng điện thương phẩm của các Nhà máy

STT	NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN	SẢN LƯỢNG (kWh)		
		Năm 2018	Năm 2019	6 tháng 2020
1	Nhà máy Ia Đrăng 1	3.169.908	2.641.845	383.296
2	Nhà máy Ia Đrăng 2	6.185.351	5.196.993	635.601
3	Nhà máy Ia Đrăng 3	8.040.753	6.597.300	813.254
4	Nhà máy Ia Meur 3	7.491.810	5.781.659	142.092
5	Nhà máy Ia Púch 3	28.799.921	22.612.149	791.237
6	Nhà máy Kênh Bắc (*)	6.342.588	3.663.934	-
7	Nhà máy Ayun Hạ	21.085.935	14.178.231	5.172.636
8	Nhà máy Đăk Pi Hao 1	20.783.785	16.087.911	3.081.923
9	Nhà máy Đăk Pi Hao 2	34.878.176	27.645.535	5.297.716
10	Nhà máy Thượng Lộ	8.795.446	9.911.464	2.310.944
11	Nhà máy Đa Khai	30.599.740	35.235.335	12.658.255
12	Nhà máy Ayun Thượng	52.347.185	34.958.832	6.417.286
13	Nhà máy H'Chan	56.936.843	39.376.894	6.977.985
14	Nhà máy H'Mun	70.409.813	47.434.918	8.098.128
15	Điện mua từ EVN	6.696.559	7.630.298	10.172.443
	Tổng	**362.563.814**	**278.953.297**	**62.952.796**
STT	**NHÀ MÁY ĐIỆN MẶT TRỜI**	**SẢN LƯỢNG (kWh)**		
		Năm 2018	**Năm 2019**	**6 tháng 2020**
1	Nhà máy Phong Điền	11.928.251	68.389.055	35.227.491
2	Nhà máy Krông Pa	5.786.109	104.617.214	57.238.554
3	Nhà máy Hàm Phú 2	-	54.603.703	41.113.596
4	Nhà máy Đức Huệ 1	-	51.953.632	38.255.629
5	Nhà máy Trúc Sơn	-	33.819.374	37.481.016
6	Điện áp mái		155.721	157.947
	Tổng	**17.714.360**	**313.538.699**	**209.474.233**

Nguồn: GEC

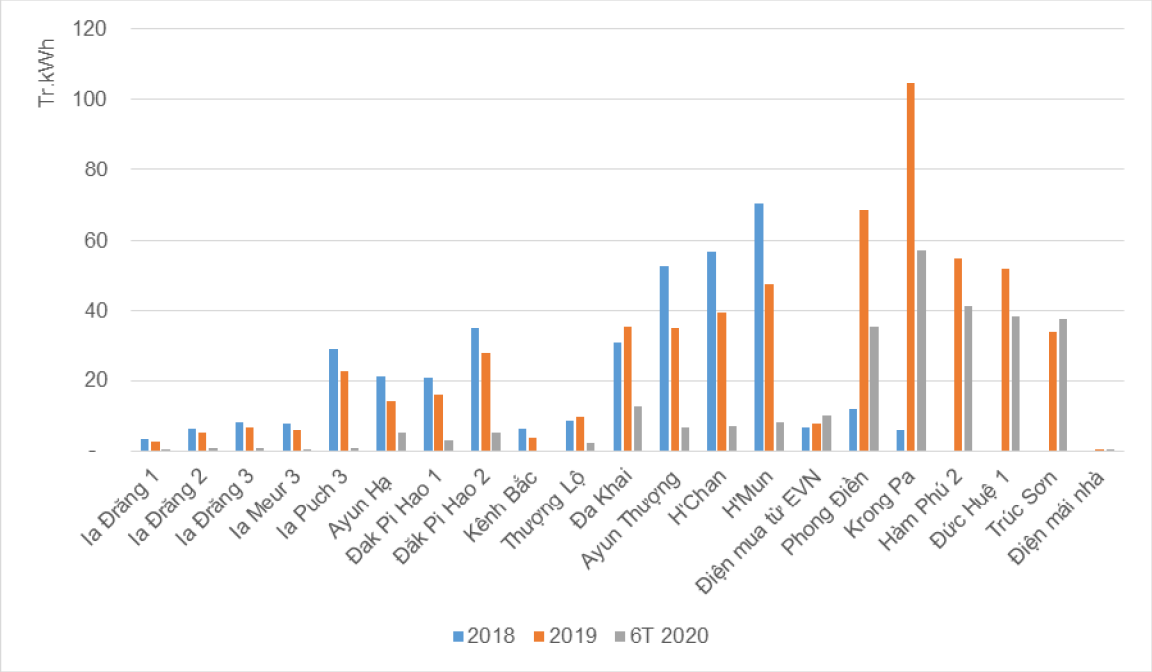
(*) GEC đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần sở hữu tại CTCP Thủy điện Kênh Bắc - Ayun Hạ từ tháng 2/2020

Trước sự biến đổi khí hậu ngày càng phức tạp, GEC chủ động đa dạng hóa nguồn thu bằng cách mở rộng sang các loại hình Năng lượng mới. Đó là việc đẩy mạnh nghiên cứu, chuẩn bị cho quá trình phát triển ĐMT từ rất nhiều năm trước. Cuối năm 2018, GEC đã gặt hái những trái ngọt khi lần lượt đưa vào vận hành 2 Nhà máy đầu tiên tại Việt Nam là Phong Điền - Huế với công suất 48 MWp và Krông Pa - Gia Lai với công suất 69 MWp. Tổng sản lượng điện trung bình của 2 Nhà máy ước tính khoảng 163 triệu kWh/năm. Với thời gian vận hành thực tế không nhiều nên 2 Nhà máy chỉ mới sản xuất được xấp xỉ 18 triệu kWh trong năm 2018.

Năm 2019, do tình hình hạn hán khiến sản lượng sản xuất của các NMTĐ chỉ ở mức gần 279 triệu kWh, đạt khoảng gần 79% so với kế hoạch, song sản lượng của các Nhà máy ĐMT lên tới gần 313

triệu kWh, vượt hơn 32% so với kế hoạch. Nhờ đó mà Công ty vẫn đạt được kế hoạch sản lượng điện đã đề ra. Tình hình khô hạn kéo dài từ cuối năm 2019 và tiếp tục diễn ra trong những tháng đầu năm 2020 đã ảnh hưởng đến hoạt động của các NMTĐ, tuy nhiên lại mang đến cơ hội cho ĐMT. Lũy kế 6 tháng đầu năm 2020, tổng sản lượng Điện thương phẩm đạt 272 triệu kWh, tăng trưởng 36%, trong đó chiếm tỷ trọng lớn nhất là ĐMT với 77% và Thủy điện 23%.

Hình 7: Cơ cấu sản lượng điện thương phẩm của các Nhà máy



Nguồn: GEC

7.1.2 Doanh thu của Công ty qua các năm

GEC có hai nguồn thu chủ yếu đến từ HĐKD chính là kinh doanh điện và hoạt động cung cấp dịch vụ kỹ thuật và xây dựng xây lắp. Trong giai đoạn năm 2015 - 2019, giá trị và tỷ trọng của DT và LN từ HĐKD cốt lõi theo xu hướng tăng dần và trội hơn so với DT và LN từ hoạt động tài chính. Điều này cho thấy HĐKD chính của GEC có sự ổn định và tăng trưởng tốt qua từng năm.

Đem lại nguồn thu trong HĐKD chính của GEC là từ hoạt động kinh doanh và sản xuất điện. Năm 2017, sau khi sáp nhập Công ty con - CTCP Điện Tây Nguyên vào GEC, DT hoạt động tài chính của GEC có sự thay đổi, chủ yếu nhờ cổ tức hàng năm đến từ CTCP Thủy điện Gia Lai (GHC) - (GEC sở hữu 11.919.364 cổ phiếu, tương ứng 58,14% VĐL của GHC). GHC hiện đang vận hành 2 NMTĐ H'Mun và H'Chan với tổng công suất 28,2 MW và nhà máy ĐMT Hàm Phú 2 có công suất 49 MWp, đem về DT và LN ổn định hàng năm cho GHC để đảm bảo việc chia cổ tức cho Cổ đông.

Bảng 6: Cơ cấu Doanh thu thuần của Công ty mẹ

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		6 tháng 2020	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	DT bán điện	304.589	96,8%	606.004	80,9%	287.061	74,8%
2	DT bán hàng hóa	-	-	110.089	14,7%	86.034	22,4%
3	DT cung cấp dịch vụ	10.225	3,2%	32.715	4,4%	10.842	2,8%
Tổng cộng		**314.814**	**100%**	**748.808**	**100%**	**383.937**	**100%**

Nguồn: BCTC Công ty mẹ Kiểm toán 2018, 2019 và BCTC Soát xét 6 tháng 2020

Bảng 7: Cơ cấu Doanh thu thuần hợp nhất của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		6 tháng 2020	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	DT bán điện	483.456	86,4%	1.056.885	91,2%	584.762	96,6%
2	DT bán hàng hóa	-	-	47.679	4,1%	5.526	0,9%
3	DT xây lắp	56.675	10,1%	29.084	2,5%	9.852	1,6%
4	DT cung cấp dịch vụ	19.357	3,5%	25.726	2,2%	5.279	0.9%
	Tổng cộng	**559.488**	**100,0%**	**1.159.374**	**100,0%**	**605.419**	**100%**

Nguồn: BCTC Hợp nhất Kiểm toán 2018, 2019 và BCTC Soát xét 6 tháng 2020

Chứng minh hiệu quả hoạt động ổn định qua nhiều năm liền khi cuối năm 2018, DTT của Công ty đạt gần 560 tỷ đồng, tăng 4% so với năm 2017, đến từ các hoạt động cốt lõi bao gồm bán điện, cung cấp dịch vụ và xây lắp. DT năm 2018 đóng góp chủ yếu từ mảng kinh doanh chủ lực là sản xuất và cung ứng điện của 13 NMTĐ tại Gia Lai, Lâm Đồng và Huế với tổng công suất thiết kế đạt 85,1 MW là 446 tỷ đồng, chiếm 80% trong cơ cấu DTT. Ngoài ra, 2 Nhà máy ĐMT Phong Điền - Huế và Krông Pa - Gia Lai với tổng công suất thiết kế đạt 117 MWp mặc dù chỉ hoạt động trong tháng 10 và tháng 12/2018 nhưng đã đóng góp hơn 37 tỷ đồng, chiếm khoảng 7% trong cơ cấu DTT.

DTT năm 2019 của Công ty đạt hơn 1.159 tỷ đồng, vượt 16% so với kế hoạch và tăng 107% so với cùng kỳ. Ngoài doanh số từ các NMTĐ đã vận hành trước đây, việc đưa vào vận hành thêm 3 nhà máy ĐMT là Đức Huệ 1, Hàm Phú 2, Trúc Sơn đã nâng TDT ĐMT lên hơn 677 tỷ đồng. Nhờ đó mà GEC đã giảm sự phụ thuộc gần như 80% vào Thủy điện trong năm 2018 và tăng tỷ trọng DT ĐMT lên 58% trong năm 2019. DTT 6 tháng đầu năm 2020 đạt 605 tỷ đồng, tăng 18% so với cùng kỳ và phần lớn đến từ DT ĐMT chiếm 75,3%, Thủy điện 21,3% và 3,4% từ các hoạt động khác như Bán hàng, Xây lắp và Dịch vụ. Cùng kỳ năm ngoái, cơ cấu DT ghi nhận là ĐMT 52%, Thủy điện 33% và hoạt động khác là 15%.

Hoạt động sản xuất kinh doanh điện

Các dự án ĐMT của GEC sẽ đem lại nguồn DT ổn định trong suốt 20 năm vòng đời của Dự án. Từ khi Quyết định 11/2017 của Thủ tướng về tăng giá ĐMT lên 9,35 Uscent/kWh tương đương 2.086 đồng/kWh có hiệu lực từ 1/6/2017 đến 30/6/2019 đã mở ra nhiều cơ chế khuyến khích cho các doanh nghiệp. Trong khi đó, giá bán điện đang áp dụng theo Biểu phí Tránh được cho các Thủy điện vừa và nhỏ, nếu giờ cao điểm mùa khô có thể đạt 11 Uscent/kWh, còn lại các khung giờ khác xấp xỉ khoảng 3 Uscent/kWh. Mảng hoạt động này cũng từng ngày được cải tiến chất lượng khi phải đáp ứng các quy định ngày càng cao của Cơ quan quản lý Ngành về việc vận hành Thủy điện như các quy định quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

Bảng 8: Cơ cấu doanh thu mảng sản xuất kinh doanh điện theo từng Nhà máy

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	6 tháng 2020
THỦY ĐIỆN				
1	Nhà máy Ia Đrăng 1	5.251	5.153	3.880
2	Nhà máy Ia Đrăng 2	9.928	10.704	6.418
3	Nhà máy Ia Đrăng 3	14.712	13.256	8.226
4	Nhà máy Ia Meur 3	8.352	7.221	552
5	Nhà máy Ia Púch 3	32.627	27.718	2.746
6	Nhà máy Kênh Bắc (*)	6.351	3.926	6.327
7	Nhà máy Ayun Hạ	20.708	15.063	6.896
8	Nhà máy Đăk Pi Hao 1	24.922	19.826	12.158
9	Nhà máy Đăk Pi Hao 2	43.224	34.372	-
10	Nhà máy Thượng Lộ	16.426	17.209	6.072
11	Nhà máy Đa Khai	42.433	49.113	23.539
12	Nhà máy Ayun Thượng	65.043	49.994	15.458
13	Nhà máy H'Chan	68.997	56.731	16.675
14	Nhà máy H'Mun	87.094	69.474	20.254
	Tổng Thủy điện	**446.068**	**379.760**	**129.200**
ĐIỆN MẶT TRỜI				
1	Nhà máy Phong Điền	25.416	147.565	76.500
2	Nhà máy Krông Pa	11.972	225.688	124.023
3	Nhà máy Hàm Phú 2	-	118.033	89.286
4	Nhà máy Đức Huệ 1	-	112.326	84.025
5	Nhà máy Trúc Sơn	-	73.182	81.389
6	Điện áp mái		331	339
	Tổng Điện Mặt trời	**37.388**	**677.125**	**455.562**
	Tổng cộng	**483.456**	**1.056.885**	**584.762**

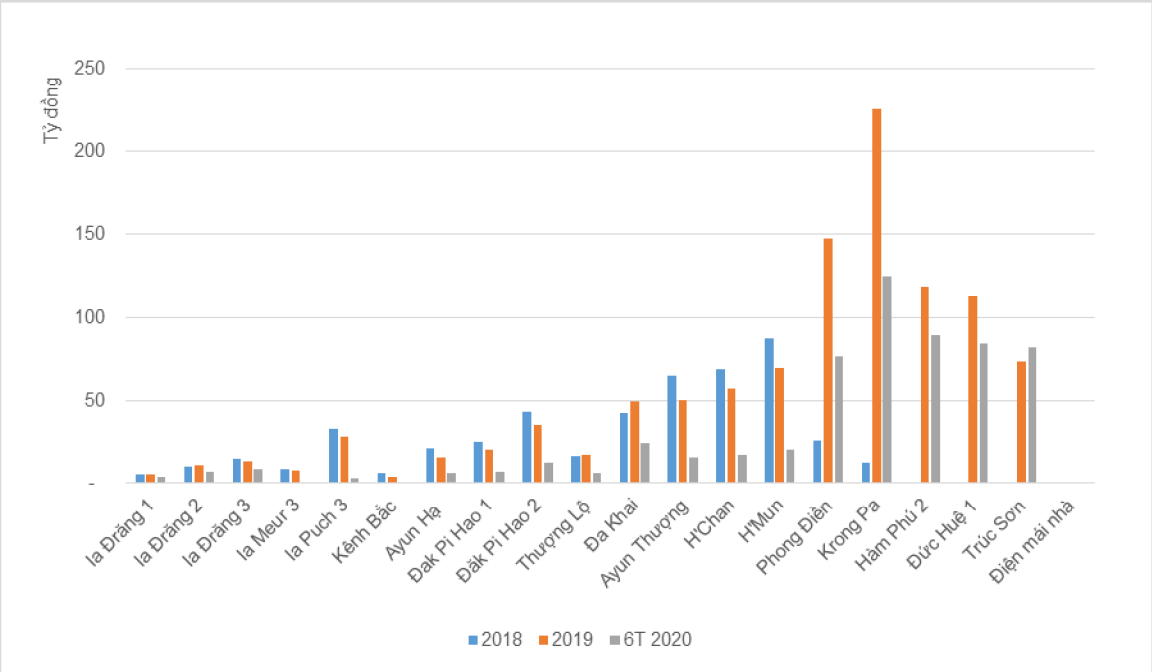
Nguồn: GEC

(*) GEC đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần sở hữu tại CTCP Thủy điện Kênh Bắc - Ayun Hạ từ tháng 2/2020

Năm 2018, DT từ Thủy điện có giảm nhẹ, đạt hơn 446 tỷ đồng chiếm 80% DTT song đã kịp thời được bù đắp bởi 2 Nhà máy ĐMT được đưa vào vận hành vào tháng 10 và tháng 12, tạo ra DT hơn 37 tỷ đồng, chiếm 6,6% DTT, phần còn lại tới từ các hoạt động dịch vụ và xây lắp khác.

Tuy mới chỉ được đưa vào vận hành vào những tháng cuối của Quý II/2019, nhưng 3 nhà máy ĐMT mới đã hoạt động tương đối ổn định, đóng góp tới 45% DT từ ĐMT. Có thể thấy, sang năm 2019, tỷ trọng DTT đã có sự dịch chuyển rõ rệt khi DT từ ĐMT đã tăng mạnh, chiếm tới 58% tỷ trọng, trong khi Thủy điện chỉ đóng góp 33% với gần 379 tỷ đồng. Thời tiết khô hạn vào những tháng đầu năm 2020 đã ảnh hưởng đến hoạt động của các NMTĐ, tuy nhiên lại mang lại cơ hội cho các nhà máy ĐMT, theo đó DT ĐMT và Thủy điện lần lượt đóng góp 75,3% và 21,3% tỷ trọng DTT.

Hình 8: Cơ cấu Doanh thu mảng sản xuất kinh doanh điện theo từng Nhà máy



Nguồn: GEC

Trong các NMTĐ, cụm Chi nhánh Chư Prông bao gồm các Nhà máy Ia Puch 3, Ia Meur 3, Ia Đrăng 3, Ia Đrăng 2 và Ia Đrăng 1, hiện là cụm Nhà máy duy nhất ở Việt Nam thuộc doanh nghiệp tư nhân được phép bán lẻ điện trực tiếp đến các đối tượng tiêu dùng. Giá bán lẻ điện cho Khách hàng được Bộ Công thương ban hành với giá bán bình quân tương đối cao khoảng 1.700 đồng/kWh. Cụm Nhà máy này bán điện thông qua 2 hình thức là ưu tiên bán lẻ điện cho Khách hàng và sản lượng điện còn lại bán cho EVN với giá thỏa thuận.

Hoạt động cung cấp dịch vụ

Ngoài các hoạt động dịch vụ đã được duy trì qua các năm như cung cấp các dịch vụ về xây lắp và tư vấn, năm 2019 GEC mở rộng thêm dịch vụ quản lý vận hành nhà máy ĐMT với các hoạt động (1) *Giám sát và điều khiển từ xa các hoạt động của nhà máy*, (2) *Giám sát hiệu suất và phân tích các dự báo*, (3) *Bảo trì phòng ngừa và bảo trì sửa chữa*, (4) *Cung cấp các dịch vụ chuyên biệt như quét ảnh nhiệt toàn bộ nhà máy*, (5) *Các công nghệ tiên tiến trong giám sát và phân tích các hoạt động của nhà máy ĐMT*.

Năm 2019 kết thúc, GEC cũng đã gặt hái những kết quả tích cực ban đầu trong việc thương mại hóa Robot lau các tấm pin Năng lượng Mặt trời cho các đơn vị bên ngoài. Đặc biệt, với mục tiêu tối ưu hóa sản lượng Điện sản xuất trong thực tế, hoạt động nghiên cứu của GEC thiết kế và vận hành thử nghiệm sản phẩm mới Hệ thống giá đỡ xoay một trục với công nghệ cảm ứng thông minh nhằm tối ưu hóa hoạt động của các dự án ĐMT khi đưa tấm pin xoay theo ánh sáng mặt trời chiếu để tận dụng nguồn Năng lượng tối đa trong ngày. Công ty cũng nghiệm thu đề tài lắp đặt Hệ phao nổi Năng lượng Mặt trời - ĐMT Nổi trên mặt nước tại Hồ Thủy điện Ayun Thượng. Nhờ vào diện tích và môi trường trao đổi nhiệt tốt hơn, hiệu suất tấm pin lắp trên Hệ phao nổi Năng lượng Mặt trời dự kiến sẽ đạt sản lượng cao hơn 14%. GEC kỳ vọng sớm đưa vào triển khai đại trà các hệ thống này, mở ra một hướng phát triển mới trong lĩnh vực NLTT, tối đa hóa các dạng nguồn thu cho GEC. Hiện nay, cơ cấu DTT 6 tháng đầu năm 2020 đến từ hoạt động Bán điện 96,6%, Xây lắp 1,6%, cung cấp dịch vụ 0,9% và Bán hàng hóa 0,9%.

Hoạt động đầu tư và phát triển dự án

Nhằm chuyên nghiệp hóa công tác tìm kiếm và phát triển các dự án tiềm năng, đầu năm 2019, Bộ phận Phát triển dự án được thành lập với nhiệm vụ chính là tìm kiếm, phân tích cơ hội đầu tư, thẩm định và đề xuất phương án M&A các dự án có tính khả thi; đồng thời tìm kiếm các đối tác tiềm năng đáp ứng các tiêu chí hợp tác phát triển. Ngoài việc đánh giá các dự án từ chủ đầu tư bên ngoài, Bộ phận cũng lập kế hoạch và thực hiện khảo sát, đánh giá tổng thể các vị trí phát triển dự án mới khả thi và xin chủ trương thực hiện.

Kết quả ban đầu cho thấy, GEC đã có một năm hoạt động hiệu quả trong công tác tìm kiếm và phát triển dự án, điển hình là việc hoàn tất M&A Dự án ĐMT Trúc Sơn có công suất 44,4 MWp vào cuối tháng 2/2019. Bên cạnh đó, một bước ngoặt mới trong quá trình phát triển ở lĩnh vực NLTT là vào tháng 11/2019, GEC đã chính thức mở rộng danh mục đầu tư sang lĩnh vực Điện Gió thông qua việc M&A Dự án Điện Gió V.P.L Bến Tre với công suất lắp máy giai đoạn 1 - 30 MW. Dự án của GEC dự kiến vận hành trước tháng 11/2021 để hưởng giá bán điện ưu đãi ngoài khơi 9,8 Uscent/kWh, tương đương 2.223 VND/kWh, điều chỉnh theo tỷ giá trung tâm. Đây cũng là giá bán điện tốt nhất trên thị trường hiện nay dành cho tất cả các loại hình NLTT.

Bên cạnh dự án V.P.L Bến Tre đã được Bổ sung Quy hoạch giai đoạn 1, GEC cũng đang khẩn trương hoàn tất các công tác Bổ sung Quy hoạch, lập và thẩm định hồ sơ thiết kế kỹ thuật cho các

dự án Điện Gió tại các vị trí ưu tiên khác tại Bến Tre, Gia Lai, Tiền Giang. Tốc độ gió trung bình các trạm quan trắc bình quân trong năm luôn ở mức rất tiềm năng để phát triển các nhà máy Điện Gió lớn khi tại Bến Tre khoảng 6,75 m/s, Tiền Giang 6,41 - 7,18 m/s và Gia Lai 7,31 m/s.

7.1.3 Lợi nhuận gộp của Công ty qua các năm

Bảng 9: Cơ cấu Lợi nhuận gộp của Công ty mẹ

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018			Năm 2019			6 tháng 2020		
		Giá trị	Tỷ trọng LN Gộp	LN Gộp/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng LN Gộp	LN Gộp/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng LN Gộp	LN Gộp/ DTT
1	LN gộp bán điện	172.762	98,2%	54,9%	350.683	93,0%	46,8%	158.999	93,7%	41,4%
2	LN bán hàng hóa	-	-	0,0%	4.496	1,2%	0,6%	6.381	3,8%	1,7%
3	LN gộp cung cấp dịch vụ	3.144	1,8%	1,0%	21.910	5,8%	2,9%	4.289	2,5%	1,1%
Tổng cộng		**175.905**	**100%**	**55,9%**	**377.089**	**100%**	**50,4%**	**169.669**	**100,0%**	**44,2%**

Nguồn: BCTC Công ty mẹ Kiểm toán 2018, 2019 và BCTC Soát xét 6 tháng 2020

Bảng 10: Cơ cấu Lợi nhuận gộp hợp nhất của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018			Năm 2019			6 tháng 2020		
		Giá trị	Tỷ trọng LN Gộp	LN Gộp/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng LN Gộp	LN Gộp/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng LN Gộp	LN Gộp/ DTT
1	LN gộp bán điện	288.538	94,3%	51,6%	636.501	98,0%	54,9%	347.230	97,9%	57,4%
2	LN gộp bán hàng	-	-	-	888	0,1%	0,1%	784	0,2%	0,1%
3	LN gộp xây lắp	5.587	1,8%	1,0%	3.738	0,6%	0,3%	1.547	0,4%	0,3%
4	LN gộp cung cấp dịch vụ	11.876	3,9%	2,1%	8.536	1,3%	0,7%	5.246	1,5%	0,9%
Tổng cộng		**306.001**	**100%**	**54,7%**	**649.663**	**100%**	**56,0%**	**354.807**	**100,0%**	**58,7%**

Nguồn: BCTC Hợp nhất Kiểm toán 2018, 2019 và BCTC Soát xét 6 tháng 2020

Một trong những yếu tố khiến cho mảng NLTT thu hút sự quan tâm của nhiều Nhà đầu tư trong nước và quốc tế bên cạnh xu hướng phát triển xanh, sạch, bền vững đó là khả năng sinh lời tương đối cao. Trong 4 năm trở lại đây, Biên LN gộp và ròng của GEC luôn được duy trì ở mức tốt, lần lượt trên 50%.

Năm 2018, LN gộp Hợp nhất của GEC là 306 tỷ đồng, giảm 2% so với năm 2017 chủ yếu do giảm 12,3 tỷ đồng LN gộp bán điện, đây cũng là hoạt động có tỷ suất LN gộp cao nhất trong hoạt động của Công ty tính tại thời điểm hoạt động. Năm 2018 tình hình thời tiết không thuận lợi, làm ảnh hưởng đến DT mảng Thủy điện trong khi mảng DT từ ĐMT mới đi vào hoạt động vào cuối năm 2018 chưa đủ bù đắp kịp cho sự sụt giảm DT này. Tuy nhiên, với chiến lược đa dạng hóa các loại hình Năng lượng từ Thủy điện, Điện Gió và đặc biệt là ĐMT, Công ty sẽ tận dụng được sự biến động bất thường của thời tiết để đảm bảo được kết quả HĐKD của Công ty luôn ổn định.

Năm 2019, LN gộp hợp nhất của GEC đạt 650 tỷ tăng 112% so với năm 2018, chủ yếu do tăng LN gộp bán điện. LN gộp từ hiệu quả hoạt động của các NMTĐ, đã được đóng góp thêm LN gộp từ 3 nhà máy ĐMT Trúc Sơn, Hàm Phú 2, Đức Huệ 1 đã đưa vào hoạt động trong năm 2019. LN gộp hợp nhất 6 tháng đầu năm 2020 đạt 355 tỷ đồng, biên LN gộp lên tới 58,6%. Biên LN gộp của Công ty luôn duy trì ở mức cao lên tới 50% - 60% và liên tục được cải thiện khi biên LN gộp của các nhà máy ĐMT đạt cao hơn so với NMTĐ, với 63% - 68%.

7.2 Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh của tổ chức phát hành

7.2.1 Báo cáo tình hình đầu tư của tổ chức phát hành

Khoản đầu tư và hệ thống nhà máy ĐMT

Tiếp nối thành công trong việc đưa vào vận hành 02 nhà máy ĐMT đầu tiên tại Việt Nam là Phong Điền - 48 MWp và Krong Pa - 69 MWP, GEC mở rộng danh mục đầu tư với việc đưa vào vận hành thêm 3 nhà máy ĐMT Đức Huệ 1 - 49 MWp, Hàm Phú 2 - 49 MWp và Trúc Sơn - 44,4 MWp, nâng tổng công suất ĐMT mà GEC và các đơn vị trực thuộc đang sở hữu lên gần 260 MWp với 5 nhà máy hoạt động đa dạng khu vực địa lý khác nhau từ Huế, Gia Lai đến Long An, Bình Thuận và Đắk Nông.

Khoản đầu tư cho dự án Điện Gió

Một bước ngoặt mới trong quá trình phát triển ở lĩnh vực NLTT là vào tháng 11/2019, GEC đã chính thức mở rộng danh mục đầu tư sang lĩnh vực Điện Gió thông qua việc M&A Dự án Điện Gió V.P.L Bến Tre với công suất lắp máy cho giai đoạn 1 - 30 MW.

- Dự án đã được phê duyệt Bổ sung Quy hoạch và phê duyệt thiết kế cơ sở, các thỏa thuận chuyên ngành, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường;
- Hoàn thành việc thỏa thuận mua bán điện với Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) và thỏa thuận đấu nối đường dây 110kV của dự án vào lưới điện Quốc gia;

- Dự án đã hoàn tất việc ký kết hợp đồng với nhà thầu tư vấn quản lý dự án và nhà thầu EPC;

Bên cạnh dự án Điện Gió V.P.L Bến Tre giai đoạn 1 - 30 MW, GEC cũng đang triển khai các dự án Điện Gió tại các khu vực khác tại các tỉnh Tiền Giang, Gia Lai,...

7.2.2 Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của tổ chức phát hành

Đóng vai trò là một trong những hoạt động cốt lõi, công tác vận hành các NMTĐ luôn được chú trọng với việc điều tiết nguồn nước tối ưu cũng như đảm bảo hiệu quả phát điện. Năm 2019 là năm chịu tác động El-Nino, tổng lượng nước tích được trong các hồ Thủy điện trong năm 2019 trên toàn quốc chỉ đạt hơn 24 tỷ m^3, thiếu hụt khoảng trên 11 tỷ m^3 so với mực nước dâng bình thường. Đối mặt với những ảnh hưởng chung của thời tiết, đây cũng là nguyên nhân chính khiến cho Sản lượng và DT Thủy điện GEC chỉ đạt 79% và 89% kế hoạch.

Bên cạnh đó, với thời tiết nắng nóng kéo dài, việc đưa vào vận hành vượt tiến độ các Nhà máy ĐMT trong năm 2019 là bước đi đúng đắn trong chiến lược đa dạng hóa các loại hình Năng lượng phù hợp với sự biến đổi của thời tiết, hỗ trợ Công ty bù đắp nguồn thu thiếu hụt từ các NMTĐ một cách hợp lý.

Sau 1 năm, cơ cấu DT đã dịch chuyển hiệu quả theo hướng đa dạng hóa các loại hình NLTT với sự phát triển mạnh mẽ của ĐMT. GEC giảm sự phụ thuộc gần như 80% vào Thủy điện trong năm 2018 thành tăng tỷ trọng DT ĐMT lên 58%. Tăng trưởng mạnh nhất 119% là DT đến từ hoạt động bán Điện bao gồm ĐMT và Thủy điện, trong đó tất cả các nhà máy ĐMT đều vượt kế hoạch với tổng sản lượng đạt 314 triệu KWh, hoàn thành 132% kế hoạch, theo đó DT ĐMT ghi nhận 677 tỷ đồng, vượt 34% kế hoạch.

7.3 Hoạt động Marketing

Là doanh nghiệp SXKD loại hàng hóa đặc biệt là điện năng nên hoạt động Marketing của Công ty tập trung và các mục tiêu chủ yếu sau:

- Tăng cường công tác tuyên truyền động viên tập thể cán bộ, nhân viên Công ty chung sức, chung lòng, củng cố niềm tin cùng nỗ lực hoàn thành các mục tiêu mà Công ty đã đề ra;
- Tập trung sử dụng mọi thế mạnh sẵn có của Công ty, của các Đơn vị Thành viên để chú trọng phát triển lĩnh vực mũi nhọn là SXKD điện năng, đồng thời mở rộng phát triển các lĩnh vực khác như tư vấn quản lý dự án, đầu tư xây dựng điện, cơ khí điện lực, kinh doanh dịch vụ và một số lĩnh vực liên quan khác;
- Hướng về cộng đồng dân cư nơi có hoạt động của các công trình, nhà máy:
  - Thực hiện tốt các quy định của pháp luật về giải phóng mặt bằng, hỗ trợ di dời và tái định cư cho người dân khu vực ảnh hưởng của công trình nhà máy điện;
  - Góp phần tích cực trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng tại địa phương nơi các nhà máy hoạt động;
- Tăng cường quảng bá hình ảnh doanh nghiệp, xây dựng hình ảnh thân thiện của GEC đối với xã hội, môi trường…

- Bên cạnh hoạt động phát triển kinh doanh, GEC song hành chú trọng quan tâm và phát triển cộng đồng địa phương nơi những dự án mang thương hiệu GEC được triển khai, góp phần chung tay cải thiện đời sống người dân tại đây;
- Đặc thù ngành nghề hoạt động các dự án của GEC thường phát triển tại các khu vực vùng sâu vùng xa, kinh tế kém phát triển. Với mong muốn thúc đẩy kinh tế địa phương, GEC luôn quan tâm tạo điều kiện tối đa để người dân nơi đây có cơ hội tham gia vào dự án như: ưu tiên tuyển dụng lao động bản địa cho giai đoạn xây dựng; công bố thông tin tuyển dụng tại trụ sở UBND để tạo cơ hội cho lao động bản địa có chuyên môn vận hành dự án;
- Bảo vệ môi trường hướng đến mục tiêu Phát triển bền vững đang nhận được sự quan tâm lớn của toàn xã hội và đặc biệt là sự quản lý chặt chẽ về mặt pháp luật. Nhận thức được trách nhiệm và tầm quan trọng của công tác bảo vệ môi trường, GEC luôn chú trọng các hoạt động tuân thủ, không chỉ những tiêu chuẩn trong nước mà còn chuẩn mực quốc tế, đóng góp xây dựng một cuộc sống tươi đẹp cho cộng đồng và xã hội.

7.4 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

GEC đã hoàn thành dây chuyền sản xuất Robot lau pin Năng lượng Mặt trời nhằm mục tiêu hướng đến sản xuất đại trà cung cấp cho các đối tác trong và ngoài nước. Các dòng sản phẩm GECBots R1, R2, R3, R4 đang được đẩy nhanh việc nộp hồ sơ, đăng ký thương hiệu bản quyền với Cục Sở hữu trí tuệ.

7.5 Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 11: Danh sách các hợp đồng lớn

STT	Tên Khách hàng	Nội dung hợp đồng	Hiệu lực hợp đồng	Giá trị (Tỷ đồng)
	HỢP ĐỒNG MUA HÀNG			
1	Liên danh Tập đoàn Sharp, Công ty TNHH Sharp Solar Solution Asia và CTCP Xây dựng và Công nghiệp NSN	Hợp đồng EPC (Phong Điền)	Tháng 10/2018	789
2	JGC Việt Nam	Hợp đồng EPC (Krong Pa)	Tháng 11/2018	1.245
3	Công ty TNHH Sharp Solar Solultion Asia (Đức Huệ 1)	Cung cấp tấm quang điện (PV)	Tháng 12/2018	9
4	Công ty TNHH Nhất Nước (HP2)	Mua sắm thiết bị và xây dựng Đường dây 110kV đấu nối	Tháng 1/2019	13
5	Sharp Solar Solution Asia Co., LTD (Đức Huệ 2)	Cung cấp tấm quang điện (PV)	Tháng 6/2019	380

STT	Tên Khách hàng	Nội dung hợp đồng	Hiệu lực hợp đồng	Giá trị (Tỷ đồng)
6	Liên doanh SESJ - SSSA - NSN (Hàm Phú 2)	Thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình	Tháng 6/2019	876
7	CTCP Hawee Xây Dựng Công Nghiệp (Đức Huệ 1)	Hợp đồng Cung cấp hàng hóa	Phụ thuộc tiến độ dự án	331
	HỢP ĐỒNG BÁN HÀNG			
1	Tổng Công ty Điện Lực Miền Trung	Hợp đồng mua bán điện Nhà máy Ia Đrăng 2 và Ia Meur 3	20 năm kể từ ngày vận hành thương mại	DT bán điện chốt tại thời điểm cuối tháng
2	Tổng Công ty Điện Lực Miền Trung	Hợp đồng mua bán điện Nhà máy Đăk Pi Hao 1	20 năm kể từ ngày vận hành thương mại	DT bán điện chốt tại thời điểm cuối tháng
3	Tổng Công ty Điện Lực Miền Trung	Hợp đồng mua bán điện Nhà máy Đăk Pi Hao 2	20 năm kể từ ngày vận hành thương mại	DT bán điện chốt tại thời điểm cuối tháng
4	Tổng Công ty Điện Lực Miền Trung	Hợp đồng mua bán điện Nhà máy Ia Puch 3	30 năm kể từ ngày vận hành thương mại	DT bán điện chốt tại thời điểm cuối tháng
5	Tổng Công ty Điện Lực Miền Trung	Hợp đồng mua bán điện Nhà máy Ayun Hạ	20 năm kể từ ngày vận hành thương mại	DT bán điện chốt tại thời điểm cuối tháng
6	Tổng Công ty Điện Lực Miền Trung	Hợp đồng mua bán điện nhà máy Ayun Thượng	20 năm kể từ ngày vận hành thương mại	DT bán điện chốt tại thời điểm cuối tháng
7	Tổng Công ty Điện Lực Miền Trung	Hợp đồng mua bán điện Nhà máy Ia Đrăng 1 và Ia Đrăng 2	20 năm kể từ ngày vận hành thương mại	DT bán điện chốt tại thời điểm cuối tháng
8	Tổng Công ty Điện Lực Miền Nam	Hợp đồng mua bán điện Nhà máy Đa Khai	20 năm kể từ ngày vận hành thương mại	DT bán điện chốt tại thời điểm cuối tháng
9	Tổng Công ty Điện Lực Miền Trung	Hợp đồng mua bán điện Nhà máy H'Chan	20 năm kể từ ngày vận hành	DT bán điện chốt tại thời

STT	Tên Khách hàng	Nội dung hợp đồng	Hiệu lực hợp đồng	Giá trị (Tỷ đồng)
			thương mại	điểm cuối tháng
10	Tổng Công ty Điện Lực Miền Trung	Hợp đồng mua bán điện Nhà máy H'Mun	20 năm kể từ ngày vận hành thương mại	DT bán điện chốt tại thời điểm cuối tháng
11	Tổng Công ty Điện Lực Miền Trung	Hợp đồng mua bán điện Nhà máy Thượng lộ	20 năm kể từ ngày vận hành thương mại	DT bán điện chốt tại thời điểm cuối tháng
12	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Hợp đồng mua bán điện Nhà máy ĐMT Phong Điền	20 năm kể từ ngày vận hành thương mại	DT bán điện chốt tại thời điểm cuối tháng
13	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Hợp đồng mua bán điện Nhà máy ĐMT Krông Pa	20 năm kể từ ngày vận hành thương mại	DT bán điện chốt tại thời điểm cuối tháng
14	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Hợp đồng mua bán điện Nhà máy ĐMT Đức Huệ 1	20 năm kể từ ngày vận hành thương mại	DT bán điện chốt tại thời điểm cuối tháng
15	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Hợp đồng mua bán điện nhà máy ĐMT Hàm Phú 2	20 năm kể từ ngày vận hành thương mại	DT bán điện chốt tại thời điểm cuối tháng
16	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Hợp đồng mua bán điện Nhà máy ĐMT Trúc Sơn	20 năm kể từ ngày vận hành thương mại	DT bán điện chốt tại thời điểm cuối tháng

Nguồn: GEC

8. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

8.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

8.1.1 Kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng 12: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm	6 tháng năm 2020
1	Tổng giá trị tài sản	3.909.383	4.548.125	16,34%	4.582.318
2	Vốn chủ sở hữu	2.167.807	2.338.999	7,90%	2.381.568
3	Doanh thu thuần	314.814	748.808	137,86%	383.937
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	137.178	220.784	60,95%	44.234
5	Lợi nhuận khác	11.909	523	-95,61%	935
6	Lợi nhuận trước thuế	149.087	221.307	48,44%	45.169
7	Lợi nhuận sau thuế	138.292	217.250	57,10%	44.810
8	Tỷ lệ LNST trên VCSH	6,38%	9,29%	45,60%	1,88%

Nguồn: BCTC Công ty mẹ Kiểm toán 2018, 2019 và BCTC Soát xét 6 tháng 2020

Bảng 13: Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm	6 tháng năm 2020
1	Tổng giá trị tài sản	4.360.559	6.763.219	55,1%	6.782.255
2	Vốn chủ sở hữu	2.407.935	2.579.628	7,1%	2.694.979
3	Doanh thu thuần	559.488	1.159.374	107,2%	606.419
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	207.093	304.290	46,9%	141.537
5	Lợi nhuận khác	(154)	(342)	122,2%	1.287
6	Lợi nhuận trước thuế	206.939	303.948	46,9%	142.824
7	Lợi nhuận sau thuế	187.267	290.516	55,1%	141.548
8	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	72,59%	56,15%	-22,7%	NA
9	Tỷ lệ LNST trên VCSH	7,8%	11,3%	44,8%	5,3%

Nguồn: BCTC Hợp nhất Kiểm toán 2018, 2019 và BCTC Soát xét 6 tháng 2020

DTT hợp nhất năm 2019 đạt gần 1.159 tỷ đồng, tăng 107% so với cùng kỳ, theo đó tỷ lệ tăng trưởng kép của DTT trong 5 năm 2015-2019 đạt 35%, đảm bảo tốc độ tăng trưởng ổn định hàng năm. DTT 2019 chủ yếu đến từ 2 lĩnh vực chính là DT Điện chiếm 91%, DT Bán hàng chiếm 4%, còn lại là DT đến từ Cung cấp dịch vụ và xây lắp. Cơ cấu DT Điện trong năm 2019 đã có sự chuyển dịch mạnh mẽ khi nguồn thu đến từ các nhà máy ĐMT chiếm đến 64% tỷ trọng trong cơ cấu trong khi năm 2018, DT Thủy điện chiếm đến 92%. LNTT hợp nhất năm 2019 đạt 304 tỷ đồng, tăng 47% so với cùng kỳ và Tốc độ tăng trưởng kép trong 5 năm đạt 20%

Việc đưa 3 nhà máy ĐMT mới đóng điện thành công đã góp phần đưa TTS năm 2019 của GEC tăng thêm 55% đạt 6.763 tỷ đồng, trong đó Tài sản cố định đạt gần 5.259 tỷ đồng, tăng 83% so với thời điểm đầu năm 2019. Việc hoàn tất công tác phát hành cổ phiếu ESOP cho Người lao động

vào cuối Quý II/2019 đã đưa VCSH đạt gần 2.580 tỷ đồng, tăng 7% so với cuối năm 2018.Tỷ lệ tăng trưởng kép của TTS, Tài sản cố định và VCSH trong giai đoạn 2015 - 2019 lần lượt đạt 38%, 44% và 22%. Tại ngày 30/6/2020, TTS của GEC đạt 6.782 tỷ đồng, tăng nhẹ so với đầu kỳ. Trong đó, tiền và các khoản tương đương tiền giảm do Công ty tăng các khoản chi cho các dự án NLTT, VCSH của GEC tăng thêm 4%, ghi nhận 2.695 tỷ đồng. DTT 6 tháng 2020 đạt 605 tỷ đồng, tăng 18% so với cùng kỳ và phần lớn đến từ DT ĐMT chiếm 75,3%, Thủy điện 21,3% và 3,4% từ các hoạt động khác như Bán hàng, Xây lắp và Dịch vụ

8.1.2 Các chỉ tiêu khác: Không có

8.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

Năm 2019, El Nino đã có tác động rõ rệt đến khu vực Miền Trung, Tây Nguyên và một số khu vực làm cho lượng mưa thấp hơn nhiều so với trung bình nhiều năm. Theo thông tin từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), đến cuối năm 2019, tổng lượng nước tích được trong các hồ Thủy điện chỉ đạt 24,3 tỷ m^3, thiếu hụt khoảng 11,3 tỷ m^3 so với mực nước dâng bình thường. Công tác vận hành tại các NMTĐ hiện hữu trong năm 2019 không đạt như kỳ vọng do thời tiết khô hạn kéo dài, lượng nước về không đảm bảo cho công tác phát điện. Tuy nhiên, phần thiếu hụt DT Thủy điện đã được bù đắp từ DT ĐMT và DT Cung cấp dịch vụ, bên cạnh đó các khoản chi phí hoạt động được kiểm soát tốt nên Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch mà ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 đã đề ra.

TDT của GEC năm 2019 đạt 847,1 tỷ đồng vượt 28% so với kế hoạch. LNST 2019 đạt 217,3 tỷ đồng vượt 54% so với kế hoạch. TDT hợp nhất năm 2019 đạt 1.184,6 tỷ đồng vượt 104% so với năm 2018. LNST 2019 hợp nhất đạt 290,5 tỷ đồng, vượt 55% so với 2018 do các nhà máy ĐMT được đưa vào vận hành (Hàm Phú 2, Đức Huệ 1, Trúc Sơn).

Ngoài ra, một số nhân tố khác tác động đến hoạt động SXKD chính của Công ty, chi tiết như sau:

- Cho đến thời điểm này, biểu giá bán điện cho EVN được Nhà nước ban hành từng năm và phụ thuộc nhiều vào chính sách điều hành vĩ mô của Nhà nước;
- Chính sách và khung điều tiết để khuyến khích sử dụng NLTT hiện nay chưa cụ thể và đủ để tạo ra động lực cần thiết thúc đẩy ngành NLTT tại Việt Nam làm cho tính kinh tế của nguồn NLTT chưa thực sự hấp dẫn các nhà đầu tư.

Mặc dù đối mặt với những thử thách nêu trên, nhưng GEC vẫn có sự tăng trưởng ổn định do Công ty chủ động đưa ra các giải pháp trọng tâm.

Lĩnh vực	Chiến lược phát triển năm 2020 - 2021
Thủy điện	- Hoàn thiện các quy trình vận hành phù hợp, hướng đến tối ưu hóa hoạt động sản xuất - Kiểm soát chi phí vận hành, sửa chữa theo thứ tự ưu tiên các hạng mục để tối ưu hiệu quả sản xuất điện - Đầu tư nâng cấp, gia tăng hiệu quả hoạt động NMTĐ H'Chan, H'Mun - Phát huy tối đa công suất giờ cao điểm, gia tăng DT, tiết giảm chi phí sửa chữa, đảm bảo an

	toàn máy hoạt động - Phối hợp cùng với Hội đồng Khoa học các công trình thủy công xác định các kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng theo đúng lịch định kỳ, để tối ưu chi phí, bảo đảm chất lượng, nâng cao hiệu quả hoạt động - Thanh hoán cụm 4 Nhà máy ở Chư Prông với tổng công suất 5,2 MW, mức giá chào bán 165 tỷ đồng
Điện mặt trời	- ***Các dự án đã đi vào vận hành:*** ✓ Hoàn thiện các quy trình, cẩm nang quản lý vận hành hiệu quả các Nhà máy ✓ Đầu tư các hệ thống công nghệ thông tin quản lý tự động ✓ Phối hợp hiệu quả với các chuyên gia nước ngoài xây dựng đội ngũ kỹ sư quản lý vận hành (O&M) lành nghề, đảm bảo các Nhà máy vận hành tự động ✓ Tích cực, chủ động đánh giá để đưa ra các giải pháp phòng ngừa rủi ro có thể phát sinh ✓ Kết hợp với các kỹ sư có chuyên môn kỹ thuật cao để khắc phục các sự cố phát sinh trong thời gian sớm nhất ✓ Giám sát liên tục thông qua hệ thống SCADA để phân tích dữ liệu, cảnh báo cũng như đánh giá về các rủi ro tương lai - ***Các dự án đang trong giai đoạn triển khai:*** ✓ Bám sát tiến độ Bổ sung quy hoạch của Bộ Công Thương đối với danh mục dự án đang phát triển ✓ Tự triển khai các dự án ĐMT, ĐMT Áp mái hoặc thông qua các nhà thầu EPC trong trường hợp đảm bảo tính cạnh tranh về chi phí, chất lượng công trình và các điều khoản thanh toán thương mại
Điện Gió	- Triển khai thi công giai đoạn 1 dự án Điện Gió công suất 30 MW tại Bến Tre - Hợp tác với các tổ chức trong và ngoài nước thông qua các hình thức hợp tác đầu tư, hỗ trợ tài chính kết hợp thi công tổng thầu… nhằm huy động các nguồn lực tài chính, kinh nghiệm quản lý, công nghệ… từ các tổ chức, nhà thầu quốc tế
Khoa học kỹ thuật và dịch vụ kỹ thuật	- Đảm bảo công tác quản lý vận hành hiệu quả tại các nhà máy NLTT thông qua kiểm soát và duy trì ở mức cao nhất các chỉ tiêu về hiệu suất hệ thống và an toàn thiết bị, đảm bảo việc vận hành ổn định và xuyên suốt, hướng đến việc tự động hóa quản lý vận hành các dự án sau khi hoàn thành - Tự chủ hoạt động thi công các dự án NLTT, hiện tại là Thủy điện và ĐMT, trong tương lai là Điện Gió; định hướng cung cấp dịch vụ tổng thầu EPC cho các nhà đầu tư trong lĩnh vực NLTT - Phát huy hoạt động dịch vụ thí nghiệm cho GEC và các CTTV, tiếp tục cải tiến và tối ưu sản phẩm Robot lau pin thành sản phẩm đặc thù cho thương hiệu GEC

9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng Ngành

9.1 Thị trường điện năng

Trong những năm tới, Ngành Điện tiếp tục xây dựng kế hoạch đầu tư, sản xuất và phát triển với mức tăng trưởng từ 9-11% mỗi năm. Ngày 8/10/2013, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 63/2013/QĐ-TTg quy định về lộ trình, các điều kiện và cơ cấu Ngành Điện để hình thành

và phát triển các cấp độ thị trường Điện lực tại Việt Nam. Theo đó, thị trường Điện lực tại Việt Nam được hình thành và phát triển qua 3 cấp độ:

Cấp độ 1
Thị trường phát điện cạnh tranh

- Thí điểm 2009-2012
- Trong 6 năm vận hành 2012-2018:
  - Số lượng nhà máy tăng gấp 3 lần
  - Công suất tăng 2,8 lần
  - 87 nhà máy điện, tổng công suất 23 GW
- Bán điện: Các nhà máy điện công suất > 30 MW ngoại trừ:
  - Dự án BOT
  - NLTT trừ Thủy điện
- Mua điện: Duy nhất EVN
- Cổ phần hóa các đơn vị phát điện của EVN
- Đơn vị tư nhân có thể sản

Cấp độ 2
Thị trường bán buôn cạnh tranh

- Thí điểm 2017-2019
- Vận hành 2019-2021 sau 1 năm thử nghiệm
- Bán điện: Các nhà máy điện công suất > 30 MW ngoại trừ:
  - ĐMT
  - Điện Gió
  - Điện nhập khẩu
- Mua điện: 5 Tổng Công ty thuộc EVN và Khách hàng lớn trên thị trường điện
- Khu Công nghiệp có thể trực tiếp

Cấp độ 3
Thị trường bán lẻ cạnh tranh

- Thí điểm 2021-2013
- Vận hành chính thức 2023
- Người tiêu dùng có thể mua điện từ nhiều đơn vị bán buôn điện khác nhau

Nguồn: Quyết định của Thủ tướng Chính phủ 2013

Theo đúng lộ trình Thị trường Bán buôn điện cạnh tranh (VWEM) đã chính thức vận hành toàn diện từ 1/1/2019 và hiện đã có 90 nhà máy điện với tổng công suất đạt 23.054 MW, chiếm 42% tổng công suất lắp đặt của hệ thống điện tính đến cuối năm 2019. Đại diện Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia - A0 nhận định, thị trường mới đã làm thay đổi rõ rệt về mặt nhận thức và tổ chức công việc của các Tổng Công ty Điện lực, đem lại lợi ích lớn cho người sử dụng điện. Bởi khi có thêm nhiều người bán, nhiều người mua, thị trường sẽ có sự cạnh tranh và giá điện được phản ánh sát thực tế. Các đơn vị cung cấp điện sẽ chủ động hơn trong vận hành, rút ngắn thời gian bảo trì, sửa chữa, cắt giảm chi phí. Bên cạnh đó, Bộ Công Thương cũng đang cố gắng hoàn thiện hành lang pháp lý cho thị trường VWEM, đồng thời chỉ đạo các đơn vị hoàn thiện cơ sở hạ tầng, tổ chức các khóa đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ vận hành… đảm bảo thị trường VWEM vận hành minh bạch và hiệu quả.

Song song với công tác củng cố và phát triển Thị trường phát điện cạnh tranh, Bộ Công Thương đã và đang chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị triển khai các công tác chuẩn bị cho Thị trường bán buôn điện cạnh tranh. Công tác vận hành thử nghiệm thị trường bán buôn điện đã tiếp tục được thực hiện trong năm 2017 và các tháng đầu năm 2018. Đặc biệt, từ ngày 1/1/2018, thị trường bán buôn điện thí điểm đã chuyển sang giai đoạn thực hiện thanh toán thật thay vì tính toán mô phỏng như các giai đoạn trước đây. Sự phát triển thị trường phát điện cạnh tranh đã giúp tăng

tính minh bạch, công bằng trong việc lập lịch, huy động các nhà máy điện, góp phần tối ưu toàn hệ thống, tạo động lực và sự tin tưởng để thu hút các Nhà đầu tư.

Hiện nay chỉ có duy nhất EVN là đơn vị độc quyền trung gian mua bán điện. EVN cũng đang chiếm gần 54% tổng công suất nguồn phát toàn hệ thống và nắm giữ toàn bộ hệ thống truyền tải và là Công ty mua bán điện duy nhất. Đối với nguồn phát trong vài năm trở lại đây đã có sự tham gia của hai đơn vị lớn là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chiếm khoảng 8% và Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam chiếm khoảng 3%. Tình trạng thiếu điện vẫn thường xuyên xảy ra, đặc biệt vào mùa khô. Đồng thời hàng năm, Việt Nam phải tiếp tục nhập khẩu điện để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng tại một số khu vực.

9.2 Vị thế của Công ty trong Ngành

GEC nằm trong nhóm các CTCP và Nhà đầu tư khác trong hệ thống cung cấp nguồn phát điện hiện nay (các nhóm nhà đầu tư lớn là EVN, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam). Về quy hoạch ***Thủy điện bậc thang trên các dòng sông lớn***, Ngành Điện hiện *đã vận hành phát điện* 74 công trình - 15.386 MW, *đang thi công xây dựng* 24 dự án 1.605 MW, *đang nghiên cứu đầu tư* 18 dự án - 1.759 MW và 3 dự án - 128 MW *chưa nghiên cứu đầu tư.* Đối với quy hoạch ***Thủy điện vừa và nhỏ***, đến nay *đã vận hành phát điện* 290 công trình - 4.500 MW, *đang thi công xây dựng* 138 dự án - 1.793 MW, *đang nghiên cứu đầu tư* 299 dự án - 3.297 MW và *chưa nghiên cứu đầu tư* 67 dự án - 412 MW. Hiện nay, các NMTĐ lớn nhất cả nước như Sơn La - 2.400 MW, Hòa Bình - 1.920 MW, Lai Châu - 1.200 MW... vẫn thuộc quản lý trực tiếp của EVN. Bên cạnh đó, đã có nhiều công ty Thủy điện được niêm yết trên thị trường chứng khoán với số lượng gần 30 đơn vị như Thác Mơ (TMP), Vĩnh Sơn Sông Hinh (VSH), Hủa Na (HNA), A Vương (AVC), Hương Sơn (GSM)... Tính đến cuối năm 2019, với công suất các NMTĐ nhỏ là 84,1 MW so với 290 công trình của 4.500 MW toàn quốc, GEC chiếm 2% thị phần.

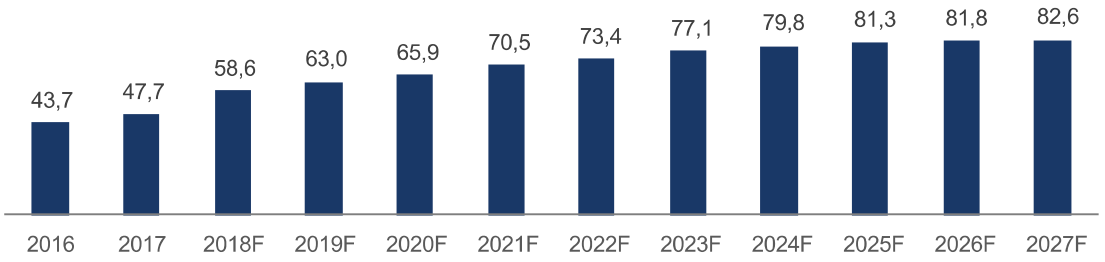
Năm 2019, đã có 89 nhà máy ĐMT, với tổng công suất khoảng 4.450 MW đã được Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia kiểm tra điều kiện và đóng điện thành công, nguồn ĐMT đã chiếm tỷ lệ 8,3% công suất đặt của hệ thống điện Việt Nam. Các dự án ĐMT hoạt động của GEC đa phần đều là những dự án đầu tiên đóng điện tại địa bàn có tỷ lệ bức xạ mặt trời tương đối tốt từ 4,6 - 5,3 kWh/m^2/ngày với số giờ nắng từ 1.700 - 2.544 giờ/năm. Ước tính, thị phần ĐMT của GEC tại 5 Tỉnh đang lần lượt là 100% tại Huế, 79% Gia Lai, 26% Long An, 43% Đăk Nông và 4% Bình Thuận và chiếm 5% thị phần ĐMT của cả nước.

9.3 Triển vọng phát triển của Ngành

Việt Nam sẽ là một trong những thị trường điện phát triển nhanh nhất ở châu Á trong thập kỷ tới, về nhu cầu, công suất và sản xuất. Nền tảng kinh tế vĩ mô mạnh mẽ, được thúc đẩy bởi lĩnh vực sản xuất mở rộng, sẽ đảm bảo tăng trưởng cho Ngành Năng lượng. Theo báo cáo của BMI, Ngành Điện sẽ có tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm là 5,8% từ năm 2018 đến năm 2027, đạt tổng công suất là 82,6 GW vào năm 2027.

Hình 9: Dự báo tổng công suất Ngành Điện của Việt Nam

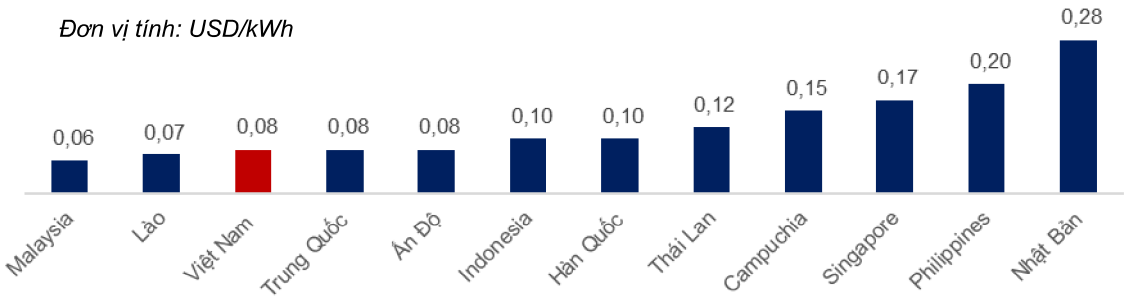
Đơn vị tính: GW



Nguồn: BMI

Dựa trên thống kê của Global Petrol Prices đến thời điểm tháng 6/2019, giá điện bình quân của Việt Nam ở mức 0,08 USD/kWh ~ 1.845 đồng/kWh, chỉ bằng một nửa so với bình quân giá điện của các nước trên thế giới là 0,14 USD/kWh ~ 3.229 đồng/kWh theo tỷ giá trung tâm thời điểm cuối tháng 6/2019. Một số Quốc gia trong Khu vực Châu Á có giá điện cao hơn Việt Nam như Nhật Bản, Philippines, Singapore, Campuchia, Thái Lan, Hàn Quốc, Indonesia; thậm chí nếu so với Campuchia thì giá điện của Việt Nam cũng chỉ bằng 53%.

Hình 10: Giá điện bình quân của một số nước trong Khu vực đến cuối thời điểm tháng 06/2019

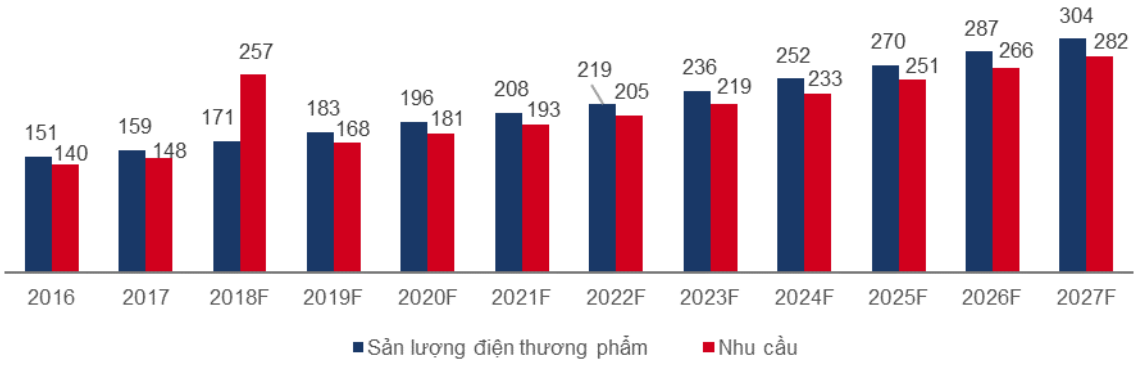


Nguồn: Globalpetrolprices

Tiêu thụ điện năng tại Việt Nam dự báo sẽ tăng nhanh trong giai đoạn dự báo 10 năm đến năm 2027, tăng trung bình hàng năm là 6,6% từ năm 2018 đến năm 2027. Đây sẽ là một trong những mức tăng trưởng tiêu thụ điện năng nhanh nhất ở Khu vực châu Á. Tăng trưởng nhu cầu điện sẽ được dẫn dắt bởi tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ. Dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) mạnh mẽ, hoạt động sản xuất định hướng xuất khẩu tăng và ngành dịch vụ nổi được hỗ trợ bởi ngành du lịch đang phát triển nhanh và mức thu nhập tăng sẽ là động lực chính của nền kinh tế. Đặc biệt, các ngành công nghiệp và sản xuất sử dụng nhiều Năng lượng đã phát triển nhanh chóng, góp phần tăng nhu cầu điện năng trong nước.

Hình 11: Dự báo nhu cầu và sản lượng điện thương phẩm của Việt Nam

Đơn vị tính: TW



Nguồn: BMI

Ngày 18/3/2016, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 428/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011-2020 có xét đến năm 2030 (gọi tắt là Quy hoạch Điện VII điều chỉnh), theo đó đến năm 2020 nguồn điện sẽ được quy hoạch như sau:

Bảng 14: Quy hoạch phát triển điện Quốc gia

Mục tiêu	ĐVT	2020	2025	2030
Điện thương phẩm	**Tỷ kWh**	**235-245**	**352-379**	**506-559**
Ưu tiên phát triển NLTT	**%**	**7%**		**10%**
Công suất các nguồn điện				
Thủy điện	MW	21.600	24.600	27.800
Điện Gió	MW	800	2.000	6.000
Điện sinh khối	MW	600	1.158	2.720
Năng lượng Mặt trời	MW	850	4.000	12.000
Nhiệt điện khí	MW	9.000	15.000	19.000
Nhiệt điện than	MW	26.000	47.600	55.300
Điện hạt nhân	MW	-	-	4.600
Cơ cấu nguồn điện				
Thủy điện	%	30,1	21,1	16,9
Nhiệt điện than	%	42,7	49,3	42,6
Nhiệt điện khí	%	14,9	15,6	14,7
Năng lượng tái tạo	%	9,9	12,5	21,0
Nhập khẩu	%	2,4	1,5	1,2
Điện hạt nhân	%	-	-	3,6

Nguồn: Quyết định 428/QĐ-TTg ngày 18/3/2016 điều chỉnh Quy hoạch phát triển Điện lực quốc gia giai đoạn 2011-2020 có xét đến năm 2030

Theo đó đến năm 2020, công suất phát và sản lượng điện thương phẩm tăng cao so với thời điểm cuối 2015, trong đó nhiệt điện than vẫn có tốc độ phát triển nhanh và chiếm thị phần lớn trong cơ

cấu sở hữu nguồn điện. Song song đó tỷ trọng nguồn phát Thủy điện sẽ giảm dần và bổ sung nguồn phát từ NLTT và hạt nhân.

9.4 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của Ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Đông Nam Á là một trong những khu vực có nhu cầu tiêu thụ điện tăng trưởng nhanh nhất thế giới với tốc độ tăng trưởng trung bình 6%/năm trong giai đoạn 2000 - 2018. Tổng nhu cầu Năng lượng sơ cấp ở Đông Nam Á đã tăng hơn 80%, tăng trung bình 3,4% mỗi năm, vượt xa mức tăng trung bình của toàn cầu là 2% và sự tăng trưởng này đã được đáp ứng bằng cách tăng gấp đôi tỷ lệ sử dụng nhiên liệu hóa thạch. Dầu là nguyên liệu được sử dụng nhiều nhất trong các tất cả các loại nhiên liệu, sau đó là Than - nhiên liệu được sử dụng phần lớn cho sản xuất điện

Hầu hết các hệ thống điện ở Đông Nam Á được thiết lập theo cơ chế chủ yếu một người mua và chiếm tỷ trọng nguồn phát điện phần lớn là từ các nhà máy Nhiệt điện chạy bằng Than và Khí đốt. So với năm 2000, Nhiệt điện than đã tăng gấp đôi tỷ trọng, chiếm 40% trong cơ cấu công suất nguồn phát điện tại Khu vực. Điện từ NLTT cũng bắt đầu được chú trọng khi đã có sự mở rộng Thủy điện ở Tiểu vùng Sông Mê Kông (Việt Nam, Lào, Thái Lan, Myanma), Indonesia và Malaysia, Địa nhiệt ở Indonesia (một trong những thị trường hàng đầu thế giới về tài nguyên này) và Năng lượng Sinh học (Thái Lan). Tiềm năng to lớn của Năng lượng Mặt trời và Gió cũng đã bắt đầu được khai thác. Một số quốc gia cũng đưa ra mục tiêu cụ thể nhằm thúc đẩy phát triển NLTT, điển hình như Singapore gia tăng công suất ĐMT lên đến 350 MW vào năm 2020 và tăng hơn 1 GW - 1.000 MW sau năm 2020; tại Thái Lan tăng tỷ trọng tiêu thụ NLTT lên 30% vào cuối năm 2036; tại Philippines tăng gấp 3 công suất lắp đặt của NLTT lên 15,3 GW - 15.300 MW vào năm 2030…, theo Cơ quan năng lượng Quốc tế (IEA) thống kê năm 2019.

Tại Việt Nam, theo thống kê của EVN đến cuối năm 2019 thì tổng công suất lắp đặt nguồn điện toàn hệ thống đạt 54.880 MW, tăng 6.320 MW so với năm 2018, do sự phát triển bùng nổ của các loại hình NLTT, điển hình là điện mặt trời. Ngành NLTT cũng đang được Chính phủ quan tâm và thúc đẩy phát triển, Chính phủ đã có nhiều chính sách khuyến khích các loại hình nguồn điện NLTT qua các cơ chế Biểu giá chi phí tránh được áp dụng cho các NMTĐ nhỏ có công suất dưới 30 MW, Cơ chế Giá FiT cho Điện Sinh khối, ĐMT, Điện Gió. Nhờ đó, trong những năm gần đây, các NĐT trong và ngoài nước đã xúc tiến xây dựng nhiều dự án, đưa tỷ lệ các nguồn điện NLTT tăng lên nhanh chóng.

Với mục tiêu chiến lược trở thành Tổng Công ty thuộc khối Tư nhân hoạt động trong lĩnh vực NLTT sở hữu danh mục dự án lớn nhất tại Việt Nam đến 2025, GEC hiện không ngừng mở rộng quy mô SXKD điện năng trên cơ sở khai thác tối đa chuỗi giá trị của Ngành Điện bao gồm Thủy điện, ĐMT, Điện Gió,.... Gắn liền hiệu quả kinh tế với lợi ích chung của cộng đồng xã hội, bảo vệ môi trường

sống được xem là kim chỉ nam cho mọi hoạt động của GEC đặc biệt với sự cam kết đồng hành từ 2 Cổ đông chiến lược là những tổ chức uy tín quốc tế IFC và Armstrong.

GEC cũng thực hiện chiến lược M&A xuyên suốt bằng việc tiếp tục tìm kiếm các dự án NLTT tiềm năng. GEC cũng tìm kiếm cơ hội đầu tư vào các dự án Thủy điện tại Lào đón đầu chính sách sẽ nhập khẩu điện từ Nam Lào thông qua các đường dây 220 KV hiện hữu với công suất đến 1.000 MW; Điện Gió tại các khu vực tiềm năng của Tây Nam Bộ và Tây Nguyên và ĐMT tại các khu vực có giá bán điện cao. Định hướng đến 2025, GEC hoàn thiện tối đa chuỗi giá trị Ngành Điện trong lĩnh vực NLTT với danh mục đầu tư đa dạng từ Thủy điện, ĐMT, Điện Gió… - vốn là những loại hình không dễ triển khai tại Việt Nam vì đòi hỏi rất cao về chuyên môn, kỹ thuật, kinh nghiệm cho đến tài chính.

Với chiến lược phát triển nói chung và kế hoạch SXKD nói riêng, nếu Công ty chủ động bám sát các chỉ tiêu kế hoạch từng năm đặt ra, điều hành quyết liệt linh hoạt, có trọng điểm, chủ động ứng phó trước những biến động, hạn chế thấp nhất những ảnh hưởng tiêu cực và khai thác tốt cơ hội từ thị trường, phát huy tối đa năng lực hiện có thì kế hoạch kinh doanh là khả thi. Phương án đầu tư và chiến lược của doanh nghiệp phù hợp với định hướng của Ngành, chính sách Nhà nước và xu thế chung của thế giới.

10. Chính sách đối với người lao động

10.1 Số lượng và cơ cấu người lao động trong công ty

Tổng số lao động của Công ty đến thời điểm 31/12/2019 là 407 người (tại ngày 01/01/2019 là 349 người). Cơ cấu trình độ lao động trong Công ty, chi tiết như sau:

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	**Theo giới tính**		
1	Nam	337	82.80
2	Nữ	70	17.20
II	**Theo trình độ**		
1	Số lao động có trình độ trên Đại học	17	4.18
2	Số lao động có trình độ Đại học	183	44.96
3	Số lao động có trình độ Cao đẳng, Trung cấp	146	35.87
4	Số lao động có trình độ khác	61	14.99
III	**Phân theo loại hợp đồng**		
1	Lao động không thuộc diện ký hợp đồng lao động		
2	Hợp đồng không thời hạn	207	50.86
3	Hợp đồng thời hạn từ 1-3 năm	164	40.29
4	Hợp đồng thời vụ	36	8.85

Nguồn: GEC

10.2 Chính sách nhân sự

Chính sách tuyển dụng và đào tạo

Cơ sở cho hoạt động tuyển dụng của Công ty chính là quy trình tuyển dụng công khai, công bằng đối với tất cả các ứng viên. Để tận dụng tối đa thế mạnh về nguồn nhân lực, Công ty luôn chú trọng xây dựng chế độ, chính sách đối với người lao động cũng như môi trường làm việc phù hợp nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho người lao động phát huy khả năng và yên tâm gắn bó lâu dài với Công ty. Công ty áp dụng các chế độ đãi ngộ đối với những nhân sự làm việc xa xứ nhằm động viên, khích lệ tinh thần làm việc của Cán bộ nhân viên. Đặc biệt, Công ty chú ý phát triển nguồn nhân lực địa phương với ưu điểm ổn định cũng như đạt được mục đích tạo thêm việc làm cho con em địa phương. Bên cạnh công tác tuyển dụng nhân sự truyền thống, hiện nay, Công ty thực hiện chính sách thu hút nhân tài thông qua các hoạt động tuyển sinh, phối hợp với các đơn vị đào tạo vận hành nhà máy, nhằm phục vụ cho đội ngũ nhân sự làm việc tại các Ban quản lý dự án.

Thế mạnh của GEC là thu hút được một đội ngũ nhân sự trung thành và gắn bó, thế mạnh này sẽ tiếp tục phát huy để đảm bảo tính hoạt động liên tục cũng như hiệu suất công việc của từng nhân sự. Lương, thưởng, đãi ngộ của Cán bộ nhân viên được xác định dựa trên những công việc thực hiện, năng lực, trách nhiệm, vị trí, thâm niên công tác, bằng cấp chuyên môn, kết quả, mức độ hoàn thành nhiệm vụ và chính sách hỗ trợ của Công ty trong từng thời kỳ.

Chính sách lương thưởng và phúc lợi

Công ty đã xây dựng chính sách đãi ngộ công bằng, xét nâng lương định kỳ, trả lương theo năng lực, thưởng theo thành tích, hiệu quả công việc và mức độ đóng góp vào sự phát triển của Công ty, xây dựng môi trường cạnh tranh lành mạnh, tạo động lực phấn đấu cho tất cả Cán bộ nhân viên Công ty. Ngoài tiền lương hàng tháng, Công ty còn thực hiện chi trả lương tháng 13, thưởng hiệu quả cuối năm, thưởng vượt kế hoạch, tặng quà vào các ngày lễ trong năm cho Cán bộ nhân viên. Đồng thời, thường xuyên soát xét và cải tiến chính sách lương, thưởng cho phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo tính cạnh tranh trong thị trường lao động.

Ngoài việc nỗ lực duy trì chế độ phúc lợi cho Cán bộ nhân viên theo đúng quy định của Công ty và Pháp luật hiện hành, trong năm 2019, GEC đã xây dựng một số chính sách về lương, thưởng nhằm khuyến khích, động viên và thúc đẩy tinh thần cống hiến của Cán bộ nhân viên:

- Ban hành Quy định chế độ làm việc cho Cán bộ nhân viên làm việc tại các dự án Năng lượng. Chính sách này là một sự hỗ trợ kịp thời bằng vật chất cho các nhân sự tham gia các dự án, góp phần nâng cao hiệu quả làm việc, đẩy nhanh tiến độ công việc tại các Dự án;
- Xây dựng phương án tính tiền lương mới đối với Khối ĐMT, bao gồm ~50% lương chức danh cố định và ~50% lương khoán DT, đảm bảo mức lương ổn định tối thiểu phục vụ cuộc sống và một phần tiền lương khuyến khích năng suất lao động. Dự kiến phương án tính lương này sẽ được áp dụng cho toàn bộ các đơn vị sản xuất trong Công ty trong năm 2020 vì có nhiều ưu điểm;

- Chính sách thưởng hiệu quả công việc đối với các gói thầu của Phòng thí nghiệm, khuyến khích Cán bộ nhân viên trong việc tạo nên và gia tăng DT;
- Ban hành Quy định khen thưởng cho công tác phát triển Dự án ĐMT, Điện Gió; khuyến khích Cán bộ nhân viên hoàn thành tiến độ dự án, tiết kiệm chi phí và tăng chất lượng công việc;
- Nghiên cứu phát triển các chính sách phúc lợi nhằm nâng cao đời sống về vật chất, tinh thần cho Cán bộ nhân viên, theo đó cấu trúc đãi ngộ được chia làm hai hướng: Trực tiếp như Lương, thưởng, phúc lợi bằng hiện kim như tháng lương thứ 13 và ESOP; Gián tiếp như Chế độ nghỉ phép/bù, bảo hiểm (bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm tai nạn), an toàn lao động (khám sức khỏe định kỳ), phúc lợi người thân, dịch vụ khác (cơm trưa, quà tặng sinh nhật, quà Tết, nghỉ mát)…

Hoạt động đào tạo người lao động

Chất lượng nguồn nhân lực luôn được đánh giá là lợi thế hàng đầu của doanh nghiệp, góp phần quan trọng trong việc duy trì và thúc đẩy phát triển bền vững thông qua năng suất lao động ngày một cải thiện. Nhận thức được tầm quan trọng trong công tác đào tạo đội ngũ Cán bộ nhân viên, Công ty đã xây dựng kế hoạch tổng thể đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao: Đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng đối với cán bộ, chuyên viên và đào tạo phát triển công nhân kỹ thuật lành nghề, công nhân chuyên ngành phù hợp với ngành nghề kinh doanh của Công ty. Chú trọng công tác đào tạo nội bộ, đồng thời thường xuyên cử Cán bộ nhân viên tham gia các khóa đào tạo bên ngoài nhằm đảm bảo Cán bộ nhân viên có đủ năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Bên cạnh đó, Ban Lãnh đạo Công ty chú trọng đến công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực đặc biệt công tác xây dựng lực lượng kế thừa có đủ năng lực và trình độ chuyên môn để phát huy hiệu quả hoạt động của Công ty, để chuẩn bị kịp thời nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu hội nhập phát triển trong thời đại mới. Hàng năm, Phòng Nhân sự phối hợp với các đơn vị, triển khai đánh giá năng lực CBNV, xây dựng danh sách nhân sự kế thừa theo từng vị trí, từng đơn vị.

GEC còn tổ chức các lớp Kỹ năng mềm nhằm phát triển mối quan hệ trong công việc, đảm bảo quản lý có kỹ năng, điều hành công việc hiệu quả, phân công đúng người, đúng việc. GEC luôn khuyến khích các cấp quản lý chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm với nhân viên, tạo sự gần gũi cao nhất trong mối quan hệ giữa cấp trên và nhân viên. Các khóa đào tạo nội bộ về chuyên môn được chia sẻ bởi các nhân sự trong nội bộ Phòng ban như đào tạo kiến thức chuyên môn về lĩnh vực điện, nghiệp vụ quản lý Cổ đông, công bố thông tin, nghiệp vụ thư ký, trợ lý, các buổi sinh hoạt chuyên môn về nghiệp vụ kế toán…

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Công ty có những chính sách đảm bảo duy trì các quyền lợi chính đáng cho người lao động, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của người sử dụng lao động đối với người lao động theo quy định hiện

hành của Pháp luật lao động như: trích nộp đầy đủ các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn; mua bảo hiểm sức khỏe cho cán bộ quản lý, bảo hiểm tai nạn và kết hợp con người cho cán bộ nhận viên.

Công ty phối hợp với Công đoàn, Đoàn thanh niên, Ban nữ công tổ chức Hội thao truyền thống, Giao lưu văn nghệ và tạo điều kiện cho người lao động tham gia, vừa góp phần nâng cao sự gắn kết giữa các CBNV, vừa phục vụ đời sống tinh thần. Đối với các trường hợp phải làm ca đêm, Công ty còn có các chế độ bồi dưỡng thực tế nhằm bồi dưỡng sức khỏe, tinh thần cũng như tạo tâm lý tốt nhất cho người lao động trong quá trình làm việc.

Với ngành nghề kinh doanh đặc thù sản xuất và cung cấp điện năng, GEC đặt công tác An toàn lao động - Vệ sinh Môi trường lên hàng đầu vì đây là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến uy tín và thương hiệu GEC. Cùng với sự hỗ trợ từ 2 Cổ đông chiến lược quốc tế IFC và Armstrong, GEC đang vận hành một hệ thống quản lý An toàn lao động - Vệ sinh Môi trường xuyên suốt giữa các phòng ban/Nhà máy, đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Pháp luật hiện hành và hướng tới tiệm cận các tiêu chuẩn quốc tế. Định kỳ hàng năm, Công ty mời các cơ quan chức năng kiểm tra độ ồn, rung, bụi... để có căn cứ nghiên cứu và trang bị bổ sung thêm phương tiện bảo vệ cá nhân như đồng phục, thiết bị bảo hộ cho nhân viên nhằm hạn chế ảnh hưởng của môi trường đến sức khoẻ người lao động, giảm trừ những yếu tố nguy hiểm, có hại…; từ đó cải thiện môi trường làm việc và đưa ra chế độ phụ cấp độc hại.

Công ty luôn nỗ lực xây dựng môi trường làm việc an toàn, chuyên nghiệp, đảm bảo tiêu chuẩn xanh, sạch, đẹp; trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động, tập huấn công tác an toàn, vệ sinh lao động cho toàn thể cán bộ nhân viên. Ngoài ra, hàng năm Công ty đều tạo điều kiện cho Cán bộ nhân viên được tham gia khám sức khỏe, tham quan nghỉ mát, khuyến khích Cán bộ nhân viên nghỉ phép để phục hồi sức lao động.

11. Chính sách cổ tức

Công ty thực hiện chi trả cổ tức theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, các quy định về chi trả cổ tức trong Điều lệ của Công ty và các văn bản pháp lý liên quan. Kết thúc năm tài chính, HĐQT có trách nhiệm xây dựng Phương án phân phối LN và trích lập các quỹ để trình ĐHĐCĐ. Phương án này được xây dựng trên cơ sở: LNST mà Công ty thu được từ HĐKD trong các năm tài chính từ 2011 đến nay sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác; trích lập các quỹ theo quy định của Pháp luật hiện hành và Điều lệ của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng xét tới kế hoạch và định hướng kinh doanh, chiến lược đầu tư mở rộng HĐKD trong năm tới để đưa ra mức cổ tức hợp lý. Do tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước đã được cổ phần hóa từ năm 2010 nên Công ty trước đây không thực hiện chế độ chi trả cổ tức. Trong những năm tiếp theo, việc chi trả cổ tức được thực hiện căn cứ tình hình thực tế về hoạt động SXKD và quyết định của HĐQT sau khi đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Bảng 15: Tỷ lệ cổ tức thực chi trả qua các năm

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Dự kiến 2020
Tỷ lệ chi trả cổ tức (%/Vốn Điều lệ)	20%	10%	7%	8%	8%

Nguồn: GEC

Với dòng tiền ổn định từ lĩnh vực kinh doanh điện, trong nhiều năm vừa qua, GEC luôn nỗ lực trong việc đảm bảo quyền lợi của Cổ đông và Nhà đầu tư thông qua việc chi trả cổ tức dưới nhiều hình thức, bằng tiền hoặc cổ phiếu với là mức cổ tức hấp dẫn so với mặt bằng chung các công ty niêm yết trên thị trường. Từ năm 2014 đến nay, GEC chủ yếu chia cổ tức với tỷ lệ trung bình là 10%. Trong đó thực hiện chi cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ chi trả 20% và chi trả cổ tức bằng tiền mặt vào năm 2017, 2018 với mức chi trả lần lượt là 10% và 7%. Với mục tiêu tập trung nguồn lực để triển khai các dự án NLTT, đặc biệt là Điện Gió, công ty thực hiện chi trả cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu với tỷ lệ chi trả là 8%. Đây cũng là mức tỷ lệ dự kiến chi trả vào năm 2020.

12. Tình hình hoạt động tài chính

12.1 Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong BCTC bằng Đồng Việt Nam. Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

12.1.1 Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Bảng 16: Vốn điều lệ và Vốn kinh doanh của Công ty mẹ

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/6/2020
Vốn điều lệ	1.941.826	2.038.917	2.038.917
Thặng dư vốn cổ phần	28.964	38.673	38.673
Quỹ đầu tư phát triển	24.928	35.594	36.938
LNST chưa phân phối	172.090	225.815	267.040
Vốn chủ sở hữu	2.167.807	2.338.999	2.381.568

Nguồn: BCTC Công ty mẹ Kiểm toán 2018, 2019 và BCTC Soát xét 6 tháng 2020

Bảng 17: Vốn điều lệ và Vốn kinh doanh hợp nhất của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/6/2020
Vốn góp Chủ sở hữu	1.941.826	2.038.917	2.038.917
Thặng dư vốn cổ phần	28.964	38.673	38.673
Quỹ đầu tư phát triển	60.968	78.813	81.046
LNST chưa phân phối	145.085	164.750	283.101
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	231.093	258.475	253.242
Vốn chủ sở hữu	2.407.935	2.579.628	2.694.979

Nguồn: BCTC Công ty Hợp nhất Kiểm toán 2018, 2019 và BCTC Soát xét 6 tháng 2020

Vốn điều lệ và vốn kinh doanh đã được Công ty triệt để sử dụng một cách hợp lý cho các HĐKD và hoạt động đầu tư xây dựng mới các dự án.

12.1.2 Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được khấu hao/hao mòn theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc: 5 - 48 năm
- Máy móc và thiết bị: 5 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn: 5 - 20 năm
- Thiết bị quản lý: 3 - 10 năm
- Phần mềm máy tính: 3 - 8 năm
- Khác: 2 - 20 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 40 đến 50 năm phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc thời hạn hoạt động của dự án.

Quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không khấu hao.

12.1.3 Mức lương bình quân

Bảng 18: Mức lương bình quân

Năm	Thu nhập bình quân (Đồng/tháng)
2014	9.600.000
2015	10.000.000
2016	10.500.000
2017	13.000.000
2018	14.000.000
2019	16.000.000

Nguồn: GEC

Lương trung bình của người lao động tại GEC cũng ghi nhận sự tăng trưởng ổn định, từ 9,6 triệu/tháng năm 2014 lên đến 16 triệu/tháng năm 2019, tỷ lệ tăng trưởng kép giai đoạn 2014 - 2019 đạt 11%. Đây là mức thu nhập khá so với mức lương bình quân của các doanh nghiệp khác cùng Ngành trên cùng địa bàn.

Bảng 19: Chênh lệch thu nhập Cán bộ nhân viên GEC với mức lương tối thiểu Vùng

Vùng	Khu vực	Mức lương tối thiểu vùng (Đồng)	Chênh lệch thu nhập Cán bộ nhân viên GEC với mức lương tối thiểu Vùng (%)		
			Lao động phổ thông	Nhân viên	Chuyên viên
I	TP HCM	4.180.000	49%	187%	331%
II	TP Huế	3.710.000	48%	81%	196%
III	TP Pleiku	3.250.000	69%	177%	331%
	Phong Điền - Thừa Thiên Huế	3.250.000	38%	192%	362%
IV	Huyện Nam Đông - Thừa Thiên Huế	2.920.000	71%	140%	208%
	Lạc Dương - Lâm Đồng	2.920.000	46%	167%	277%
	Các Huyện thuộc Gia Lai	2.920.000	37%	167%	277%

12.1.4 Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Các khoản nợ đến hạn luôn được Công ty thanh toán đúng hạn và đầy đủ theo hợp đồng hoặc khế ước tiền vay. Công ty không có bất kỳ khoản nợ quá hạn nào tính đến thời điểm lập Bản Cáo bạch này.

12.1.5 Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản Thuế VAT, Thuế Thu nhập doanh nghiệp, Thuế Thu nhập cá nhân và các khoản Thuế khác theo các quy định của Nhà nước.

Bảng 20: Thuế và các khoản phải thu/phải trả nộp Nhà nước của Công ty mẹ

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/6/2020
I	**Các khoản phải thu**			**1.090**
1	Thuế nhà thầu	-	-	1.090
II	**Các khoản phải trả**	**8.460**	**6.748**	**6.968**
1	Thuế Giá trị gia tăng	3.321	1.351	4.788
2	Thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.517	1.657	59
3	Thuế Thu nhập cá nhân	739	1.495	656
4	Thuế Tài nguyên	1.176	1.424	933
5	Các loại Thuế khác	707	821	532

Nguồn: BCTC Công ty mẹ Kiểm toán 2018, 2019 và BCTC Soát xét 6 tháng 2020

So với các lĩnh vực khác, Ngành năng lượng nhận được sự hỗ trợ đáng kể từ Chính phủ, đặc biệt là ở khía cạnh tài chính. Cụ thể các ưu đãi về tiền thuê đất, thuế của NMTĐ, ĐMT như: ưu đãi về thuế xuất nhập khẩu đối với hàng hoá nhập khẩu để tạo tài sản cố định, nguyên liệu, vật tư và bán thành phẩm mà trong nước chưa sản xuất được, ưu đãi miễn/giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất tuỳ thuộc vào vị trí dự án; ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định chung hiện nay đối với thuế thu nhập của các dự án năng lượng thuộc danh mục ưu đãi đầu tư của Chính phủ khi áp dụng thuế suất 10% cho 15 năm đầu, miễn thuế 4 năm đầu tiên và giảm 50% thuế trong 9 năm kế tiếp.

Bảng 21: Thuế và các khoản phải thu/phải trả Nhà nước Hợp nhất của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/6/2020
I	**Các khoản phải thu**	**17**	**608**	**1.664**
1	Thuê và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	608	1.664
II	**Các khoản phải trả**	**15.714**	**15.932**	**11.100**
1	Thuế Giá trị gia tăng	4.512	2.081	5.502
2	Thuế Thu nhập doanh nghiệp	5.762	6.561	2.238
3	Thuế Thu nhập cá nhân	1.680	2.481	835
4	Thuế Tài nguyên	2.157	2.261	1.580
5	Các loại Thuế khác	1.603	2.548	945

Nguồn: BCTC Hợp nhất Kiểm toán 2018, 2019 và BCTC Soát xét 6 tháng 2020

Góp phần đáp ứng nhu cầu năng lượng từ giải pháp năng lượng sạch, ngoài việc tối ưu hóa lợi nhuận cho Công ty, tạo công ăn việc làm và cải thiện thu nhập cho cộng đồng địa phương, bảo đảm lợi ích cho Cổ đông và các bên liên quan; việc làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước cũng được Ban lãnh đạo GEC xem là một trong những sứ mệnh quan trọng của tăng trưởng bền vững. Hoàn thành các nghĩa vụ về Thuế không đơn thuần là tuân thủ pháp luật mà còn là một trong những đóng góp có ý nghĩa to lớn cho sự phát triển của đất nước nói chung và những địa phương nơi GEC đang hoạt động sản xuất cũng như cung cấp dịch vụ nói riêng.

12.1.6 Trích lập các Quỹ theo Luật định

Công ty trích lập và sử dụng các Quỹ theo quy định áp dụng cho các doanh nghiệp là CTCP, theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Mức trích lập cụ thể theo từng năm sẽ do ĐHĐCĐ quyết định dựa trên đề xuất của HĐQT.

Bảng 22: Số dư các Quỹ của Công ty mẹ tại từng thời điểm

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/6/2020
1	Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	8.586	15.468	8.889
2	Quỹ Phát triển khoa học công nghệ	573	590	502
3	Quỹ Đầu tư phát triển	24.928	35.594	36.938
	Tổng cộng	**34.087**	**51.652**	**46.329**

Nguồn: BCTC Công ty mẹ Kiểm toán 2018, 2019 và BCTC Soát xét 6 tháng 2020

Bảng 23: Số dư hợp nhất các Quỹ của Công ty tại từng thời điểm

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/6/2020
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20.790	31.566	25.136
2	Quỹ phát triển khoa học công nghệ	573	590	502
3	Quỹ đầu tư phát triển	60.968	78.813	81.046
	Tổng cộng	**82.331**	**110.969**	**106.684**

Nguồn: BCTC Hợp nhất Kiểm toán 2018, 2019 và BCTC Soát xét 6 tháng 2020

12.1.7 Tổng dư nợ vay

Tại thời điểm 30/6/2020, tổng dư nợ vay của Công ty mẹ là 2.113 tỷ đồng, dư nợ vay trên BCTC Hợp nhất là 3.887 tỷ đồng.

Bảng 24: Tổng dư nợ vay của Công ty mẹ

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/6/2020
1	**Vay ngắn hạn**	**40.661**	**371.935**	**721.560**
	Vay ngân hàng	1	290.400	408.525
	Trái phiếu phát hành đáo hạn trong vòng 1 năm	15.000	15.000	231.000
	Vay dài hạn đến hạn trả	25.660	66.535	82.035
2	**Vay dài hạn**	**1.356.889**	**1.666.461**	**1.391.503**
	Vay ngân hàng	1.075.337	1.181.400	1.139.100
	Phát hành trái phiếu	285.000	489.000	255.000
	Chi phí phát hành trái phiếu	(3.506)	(3.977)	(2.635)
	Vay khác	58	38	38
	Tổng nợ vay	**1.397.550**	**2.038.396**	**2.113.063**

Nguồn: BCTC Công ty mẹ Kiểm toán 2018, 2019 và BCTC Soát xét 6 tháng 2020

Bảng 25: Tổng dư nợ vay hợp nhất của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/6/2020
1	**Vay ngắn hạn**	**106.374**	**553.637**	**907.202**
	Vay ngân hàng	55.943	295.408	415.955
	Vay bên liên quan	-	7.000	7.000
	Trái phiếu phát hành đáo hạn trong vòng 1 năm	15.000	15.000	231.000
	Vay dài hạn ngân hàng đáo hạn trong vòng 1 năm	35.316	236.094	252.119
	Nợ thuê tài chính đáo hạn trong vòng 1 năm	-	-	993
	Vay dài hạn khác đáo hạn trong vòng 1 năm	116	135	135
2	**Vay dài hạn**	**1.420.255**	**3.343.143**	**2.979.772**
	Vay ngân hàng	1.138.703	2.858.081	2.721.409
	Phát hành trái phiếu	285.000	489.000	255.000
	Chi phí phát hành trái phiếu	(3.506)	(3.977)	(2.635)
	Thuê tài chính	-	-	5.960
	Khác	58	38	38
	Tổng nợ vay	**1.526.629**	**3.896.780**	**3.886.974**

Nguồn: BCTC Hợp nhất Kiểm toán 2018, 2019 và BCTC Soát xét 6 tháng 2020

Trong năm 2018, để triển khai các dự án ĐMT, GEC đã tiếp cận với các Tổ chức Tín dụng trong nước nhằm đàm phán và lựa chọn các nguồn vốn ưu đãi dành cho việc đầu tư các dự án năng lượng sạch. Với uy tín của mình, GEC nhận được sự tín nhiệm cao từ các tổ chức tài chính thông qua việc chấp thuận tài trợ vốn đầu tư các dự án ĐMT bởi Ngân hàng Vietcombank và Agribank. Khoản vay và gói trái phiếu hơn 1.200 tỷ đồng là nguyên nhân chính làm tăng dư nợ tại ngân hàng. 2 dự án ĐMT đầu tiên được triển khai trực tiếp dưới Công ty mẹ, do đó dư nợ trên báo cáo riêng và báo cáo hợp nhất gần như tăng tương ứng với nhau. Tương tự như năm 2018, Tổng dư nợ vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty năm 2019 ghi nhận 3.897 tỷ đồng, tăng 2,6 lần so với cùng kỳ trong đó nợ vay từ các tổ chức tín dụng chiếm đến 94%. GEC duy trì mối quan hệ tốt với hệ thống các ngân hàng quốc doanh lớn nhất cả nước gồm Vietcombank, Vietinbank, Agribank với tổng dư nợ vay từ các tổ chức này là 3.657 tỷ đồng để phục vụ vốn cho các các dự án ĐMT đi vào vận hành trước thời hạn trong năm 2019. Ngoài ra, GEC đã phát hành thành công gói Trái phiếu tín chấp thu về 219 tỷ đồng được tư vấn bởi Công ty chứng khoán SSI. Trong bối cảnh thị trường Trái phiếu phát triển mạnh với nhiều công ty phát hành Trái phiếu với lãi suất hấp dẫn hơn thì việc phát hành thành công thể hiện sự quan tâm và tin tưởng của Nhà đầu tư đối với GEC. Số tiền sau đợt phát hành đã được dùng trong việc phát triển danh mục NLTT và bổ sung nguồn vốn lưu động trong các tháng cuối năm 2019. Tính đến ngày 30/06/2020, tổng dư nợ vay hợp nhất của Công ty giảm nhẹ, ghi nhận 3.887 tỷ đồng.

12.1.8 Tình hình công nợ

Các khoản phải thu:

Bảng 26: Các khoản phải thu của Công ty mẹ

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Các chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/6/2020
I	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**100.873**	**309.834**	**515.754**
1	Phải thu ngắn hạn Khách hàng	72.023	102.560	195.744
2	Trả trước người bán ngắn hạn	3.965	25.267	61.138
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn	1.291	130.200	191.290
4	Phải thu ngắn hạn khác	23.591	51.807	67.582
5	Tài sản thiếu chờ xử lý	3	-	
II	**Khoản phải thu dài hạn**	**780**	**568**	**531**
1	Phải thu dài hạn khác	1.271	1.259	1.259
2	Dự phòng phải thu khó đòi	(491)	(691)	(728)
	Tổng cộng	**101.653**	**310.402**	**516.285**

Nguồn: BCTC Công ty mẹ Kiểm toán 2018, 2019 và BCTC Soát xét 6 tháng 2020

Bảng 27: Các khoản phải thu hợp nhất của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Các chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/6/2020
I	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**245.522**	**688.223**	**825.522**
1	Phải thu ngắn hạn Khách hàng	109.562	213.458	250.612
2	Trả trước người bán ngắn hạn	103.336	74.261	221.921
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	157.900	185.290
4	Phải thu ngắn hạn khác	32.850	243.109	168.204
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(229)	(511)	(511)
6	Tài sản thiếu chờ xử lý	3	6	6
II	**Khoản phải thu dài hạn**	**785**	**573**	**7.404**
1	Phải thu Khách hàng dài hạn	1.276	1.264	8.132
2	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(491)	(691)	(728)
	Tổng cộng	**246.307**	**688.796**	**832.926**

Nguồn: BCTC Hợp nhất Kiểm toán 2018, 2019 và BCTC Soát xét 6 tháng 2020

Các khoản phải trả:

Bảng 28: Các khoản phải trả của Công ty mẹ

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/6/2020
I.	**Nợ ngắn hạn**	**381.119**	**539.080**	**805.751**
1	Phải trả người bán ngắn hạn	315.198	16.847	33.101
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	594	1.270	1.157
3	Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	8.460	6.748	6.968
4	Phải trả người lao động	2	7	
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	3.133	4.994	23.902
6	Phải trả ngắn hạn khác	4.485	121.811	10.175
7	Vay và nợ thuê tài chính	40.661	371.935	721.559
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	8.586	15.468	8.889
II.	**Nợ dài hạn**	**1.360.456**	**1.670.045**	**1.395.009**
1	Vay dài hạn	1.356.889	1.666.461	1.391.503
2	Dự phòng phải trả dài hạn	2.994	2.994	2.994
3	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	573	590	502
Tổng cộng		**1.741.575**	**2.209.125**	**2.200.750**

Nguồn: BCTC Công ty mẹ Kiểm toán 2018, 2019 và BCTC Soát xét 6 tháng 2020

Bảng 29: Các khoản phải trả hợp nhất của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/6/2020
I.	**Nợ ngắn hạn**	**528.243**	**836.409**	**1.103.680**
1	Phải trả người bán ngắn hạn	368.214	80.714	97.996
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.341	11.797	8.479
3	Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	15.714	15.932	11.100
4	Phải trả người lao động	1.617	1.530	548
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	4.327	13.694	36.834
6	DT chưa thực hiện ngắn hạn	3	26	244
7	Phải trả ngắn hạn khác	9.863	127.513	16.141
8	Vay và nợ thuê tài chính	106.374	553.637	907.202
9	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20.790	31.566	25.136
II.	**Nợ dài hạn**	**1.424.380**	**3.347.183**	**2.983.596**
1	Phải trả người bán dài hạn	96	0	0
2	Vay dài hạn	1.420.255	3.343.143	2.979.772
3	Dự phòng phải trả dài hạn	3.456	3.450	3.322
4	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	573	590	502
	Tổng cộng	**1.952.623**	**4.183.592**	**4.087.276**

Nguồn: BCTC Hợp nhất Kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC Soát xét 6 tháng 2020

12.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 30: Các chỉ tiêu tài chính của Công ty mẹ

STT	Các chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	6 tháng đầu năm 2020
1	**Chỉ tiêu về khả năng thanh toán**			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn *(Tài sản lưu động/Nợ ngắn hạn)*	2,5	1,2	0,9
	Hệ số thanh toán nhanh *(Tài sản lưu động - Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn)*	2,5	0,8	0,7
2	**Chỉ tiêu về cơ cấu vốn**			
	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,4	0,5	0,5
	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,8	0,9	0,9
3	**Chỉ tiêu về năng lực hoạt động**			
	Vòng quay hàng tồn kho *(Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)*	16,5	3,1	1,05
	Doanh thu thuần/TTS bình quân	0,1	0,2	0,1
4	**Chỉ tiêu về khả năng sinh lời**			
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	43,9%	29,0%	11,7%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	8,3%	9,6%	1,9%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	5,2%	5,1%	1,0%
	Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/ Doanh thu thuần	43,6%	29,5%	11,5%

Nguồn: BCTC Công ty mẹ Kiểm toán 2018, 2019 và BCTC Soát xét 6 tháng 2020

Bảng 31: Các chỉ tiêu tài chính hợp nhất của Công ty

STT	Các chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	6 tháng đầu năm 2020
1	**Chỉ tiêu về khả năng thanh toán**			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn *(Tài sản lưu động/Nợ ngắn hạn)*	2,3	1,4	1,1
	Hệ số thanh toán nhanh *(Tài sản lưu động - Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn)*	2,3	1,0	0,8
2	**Chỉ tiêu về cơ cấu vốn**			
	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,4	0,6	0,6
	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,8	1,6	1,5
3	**Chỉ tiêu về năng lực hoạt động**			
	Vòng quay hàng tồn kho	10,0	3,0	0,9

	(Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)			
	Doanh thu thuần/TTS bình quân	0,2	0,2	0,1
4	**Chỉ tiêu về khả năng sinh lời**			
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	33,5%	25,1%	23,4%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	10,1%	11,6%	5,4%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	6,2%	5,2%	2,1%
	Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	37,0%	26,2%	23,4%
	Thu nhập trên cổ phần (EPS)	1.078	1.146	591

Nguồn: BCTC kiểm toán Hợp nhất năm 2018, 2019 và BCTC Soát xét 6 tháng 2020

c.

13. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ủy Ban Kiểm toán, Kế toán trưởng

Bảng 32: Danh sách Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ủy Ban Kiểm toán, Kế toán trưởng

TT	Tên	Chức vụ	Năm sinh	CMND/ Hộ chiếu
Hội đồng Quản trị				
1	Ông **Tân Xuân Hiến**	Chủ tịch HĐQT	1961	230558115
2	Ông **Deepak C.Khanna**	Thành viên HĐQT không điều hành	1957	Z3793943
3	Ông **Andrew Mark Affleck**	Thành viên HĐQT không điều hành	1966	538877500
4	Ông **Phạm Hồng Dương**	Thành viên độc lập HĐQT	1974	290563876
5	Bà **Nguyễn Thùy Vân**	Thành viên độc lập HĐQT	1980	023339516
6	Bà **Phạm Thị Khuê**	Thành viên độc lập HĐQT	1983	025355887
Ban Tổng Giám đốc				
1	Bà **Nguyễn Thái Hà**	TGĐ	1980	012033277
2	Ông **Lê Thanh Vinh**	PTGĐ thường trực	1975	024919225
3	Ông **Hà Nguyên Hoàng**	PTGĐ	1983	211739931
4	Ông **Nguyễn Lê Hùng**	PTGĐ	1979	052079000206
Ủy ban Kiểm toán				
1	Bà **Nguyễn Thùy Vân**	Chủ tịch	1980	023339516
2	Ông **Deepak C.Khanna**	Thành viên	1957	Z3793943
3	Ông **Phạm Hồng Dương**	Thành viên	1974	290563876
Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng				
1	Bà **Trần Thị Hồng Thắm**	GĐ Tài chính kiêm Kế toán trưởng	1983	231266439

13.1 Hội đồng Quản trị

TT	Họ và tên	Chức danh trong HĐQT	Ghi chú
1	Ông **Tân Xuân Hiến**	Chủ tịch HĐQT	Chủ tịch HĐQT
2	Ông **Deepak C.Khanna**	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành
3	Ông **Andrew Mark Affleck**	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành
4	Ông **Phạm Hồng Dương**	Thành viên độc lập HĐQT	Thành viên độc lập HĐQT
5	Bà **Nguyễn Thùy Vân**	Thành viên độc lập HĐQT	Thành viên độc lập HĐQT kiêm Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán
6	Bà **Phạm Thị Khuê**	Thành viên độc lập HĐQT	Thành viên độc lập HĐQT

a. Ông TÂN XUÂN HIẾN - Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- Họ và tên: TÂN XUÂN HIẾN
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 4/7/1961
- Nơi sinh: Thị xã Tuy Hoà - Tỉnh Phú Yên
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 2 Nguyễn Đường, TP Pleiku, Tỉnh Gia Lai
- Số chứng minh nhân dân: 230558115
- Điện thoại liên hệ: (0269) 382 3604
- Trình độ chuyên môn: - Kỹ sư Điện
  - Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ hiện nay tại GEC: Chủ tịch HĐQT - Người đại diện theo pháp luật
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT - CTCP Thủy điện Trường Phú
- Quá trình công tác:
  - Từ 1992 đến 1998: Phó GĐ - Công ty Điện Gia Lai
  - Từ 1998 đến 2010: GĐ - Công ty Điện Gia Lai
  - Từ 2010 đến 2015: Thành viên HĐQT kiêm TGĐ CTCP Điện Gia Lai
  - Từ 2015 đến 2017: Chủ tịch HĐQT - CTCP Điện Gia Lai
  - Từ 3/2017 đến 2/2018: Phó Chủ tịch HĐQT - CTCP Điện Gia Lai
  - 12/2013 - nay: Chủ tịch HĐQT - CTCP Thủy điện Trường Phú
  - Từ 3/2018 đến nay: Chủ tịch HĐQT - CTCP Điện Gia Lai
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
  - Sở hữu cá nhân: 1.596.058 cổ phần, chiếm 0,78% VĐL
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% VĐL
  - Sở hữu của Người có liên quan:

STT	Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
1	Tân Xuân Hậu	Em ruột	5	0,00%

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao HĐQT theo Nghị quyết ĐHĐCĐ
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

b. Ông DEEPAK CHAND KHANNA - Thành viên Hội đồng Quản trị

- Họ và tên: DEEPAK CHAND KHANNA
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 22/7/1957

- Nơi sinh: Ấn Độ
- Quốc tịch: Ấn Độ
- Địa chỉ thường trú: 32 Anandlok, New Delhi, Ấn Độ
- Số Passport: Z3793943
- Điện thoại liên hệ: +971506502780
- Trình độ chuyên môn: Thạc Sỹ Quản trị kinh doanh
- Chức vụ hiện nay tại GEC: Thành viên HĐQT
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Cố vấn cấp cao tại Africa Pledge Partners
- Quá trình công tác:
  - Từ 1987 đến 1998: Chuyên viên đầu tư tại Công ty IFC, Washington DC
  - Từ 1998 đến 2001: Giám đốc Quốc gia tại Công ty IFC, Hàn Quốc
  - Từ 2001 đến 2005: Giám đốc Vùng Mê Kông tại Công ty IFC, Việt Nam
  - Từ 2005 đến 2019: Giám đốc vùng khu vực Trung Đông và Bắc Phi tại Công ty IFC, Dubai
  - Từ 2016 - 4/2019: Thành viên HĐQT tại CTCP Điện Gia Lai
  - Từ 12/2019 đến nay: Cố vấn cấp cao tại Africa Pledge Partners
  - Từ 6/2020 đến nay: Thành viên HĐQT tại CTCP Điện Gia Lai
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và Người có liên quan:
  - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% VĐL
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% VĐL
  - Sở hữu của Người có liên quan: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao HĐQT theo Nghị quyết ĐHĐCĐ
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

c. Ông ANDREW MARK AFFLECK - Thành viên Hội đồng Quản trị

- Họ và tên: ANDREW MARK AFFLECK
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 18/5/1966
- Nơi sinh: Anh
- Quốc tịch: Anh
- Địa chỉ thường trú: 30 Raffles Place, #10-04 Chevron House, Singapore (048622)
- Số Passport: 538877500
- Điện thoại liên hệ: +65 6922 9790

- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Chức vụ hiện nay tại GEC: Thành viên HĐQT
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: GĐ Điều hành, Armstrong Asset Management Pte. Ltd
- Quá trình công tác:
  - Từ 6/2006 đến 09/2007: TGĐ, Infinity Energy
  - Từ 10/2008 đến 10/2010: GĐ điều hành kiêm Chủ tịch Low Carbon Investor Ltd
  - Từ 1/2018 đến nay: GĐ Điều hành Armstrong Asset Management Pte. Ltd
  - Từ 8/2018 đến nay: Thành viên HĐQT - CTCP Điện Gia Lai
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và Người có liên quan:
  - Sở hữu cá nhân: 200.000 cổ phần, chiếm 0,098% VĐL
  - Sở hữu đại diện: 39.057.174 cổ phần, chiếm 19,16% VĐL
  - Sở hữu của Người có liên quan:

STT	Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
1	AVH PTE. LTD.	Tổ chức có liên quan đến người nội bộ	39.057.174	19,16%

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao HĐQT theo Nghị quyết ĐHĐCĐ
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

d. Ông PHẠM HỒNG DƯƠNG - Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị

- Họ và tên: PHẠM HỒNG DƯƠNG
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 1/6/1974
- Nơi sinh: Lào Cai
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 463 Trưng Nữ Vương, Thái Bình, Châu Thành, Tây Ninh
- Số chứng minh nhân dân: 290563876
- Điện thoại liên hệ: (0269) 382 3604
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hóa, Thạc sĩ quản trị sản xuất, Thạc sĩ kinh tế nông nghiệp
- Chức vụ hiện nay tại GEC: Thành viên HĐQT
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó Chủ tịch thường trực HĐQT CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa
- Quá trình công tác:

▪ Từ 1998 đến 2009:	Cán bộ CTCP Bourbon Tây Ninh
▪ Từ 2009 đến 2011:	Giám đốc nhà máy - CTCP Bourbon Tây Ninh
▪ Từ 2011 đến 2012:	PTGĐ Kỹ thuật - CTCP Bourbon Tây Ninh
▪ Từ 2013 đến nay:	PTGĐ - CTCP Đầu tư Thành Thành Công
▪ Từ 2013 đến 02/2015:	Thành viên HĐQT - CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh
▪ Từ 2/2015 đến 28/10/2019:	Chủ tịch HĐQT - CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa
▪ Từ 28/10/2019 đến nay:	Phó Chủ tịch thường trực HĐQT - CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa
▪ Từ 6/2020 đến nay:	Thành viên HĐQT - CTCP Điện Gia Lai
– Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
– Sở hữu chứng khoán của cá nhân và Người có liên quan:	
▪ Sở hữu cá nhân:	0 cổ phần, chiếm 0% VĐL
▪ Sở hữu đại diện:	0 cổ phần, chiếm 0% VĐL
▪ Sở hữu của Người có liên quan:	Không có
– Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác:	
– Các khoản nợ đối với Công ty:	Không có
– Thù lao và các khoản lợi ích khác	Thù lao HĐQT theo Nghị quyết ĐHĐCĐ
– Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có

e. Bà NGUYỄN THÙY VÂN - Thành viên độc lập HĐQT

– Họ và tên:	NGUYỄN THÙY VÂN
– Giới tính:	Nữ
– Ngày sinh:	11/3/1980
– Nơi sinh:	TP HCM
– Quốc tịch:	Việt Nam
– Địa chỉ thường trú:	108/8 Trần Mai Ninh, Phường 12, Quận Tân Bình, TP HCM
– Số chứng minh nhân dân:	023339516
– Điện thoại liên hệ:	(0269) 382 3604
– Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
– Chức vụ hiện nay tại GEC:	Thành viên HĐQT
– Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Thành viên HĐQT, Trưởng Tiểu ban Kiểm toán CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa Chủ tịch HĐQT CTCP Địa Ốc Sài Gòn Thương Tín
– Quá trình công tác:	
▪ Từ 2004 đến 2007:	Trưởng phòng Tài chính - CTCP Vinamit
▪ Từ 2007 đến 2008:	Trưởng phòng Đầu tư Chi nhánh Công ty Cao su Đăk

	Lăk
▪ Từ 2008 đến 2009:	Trưởng phòng Giao dịch Hàng hóa phái sinh - CTCP Đầu tư Tín Việt
▪ Từ 2009 đến 2011:	PGĐ - CTCP Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín
▪ Từ 2011 đến 2012:	PTGĐ - CTCP Kho vận Thiên Sơn
▪ Từ 2012 đến 2015:	Trưởng BKS - CTCP Đầu tư Thành Thành Công
▪ Từ 2012 đến 2017:	Trưởng BKS - CTCP Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
▪ Từ 2017 đến nay:	Thành viên HĐQT - CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa
▪ Từ 5/2018 đến nay:	Trưởng Tiểu ban Kiểm toán - CTCP Thành Thành Công Biên Hòa
▪ Từ 9/2018 đến nay:	Thành viên HĐQT - CTCP Điện Gia Lai Chủ tịch Uỷ ban Kiểm toán - CTCP Điện Gia Lai
▪ Từ 6/2020 đến nay:	Chủ tịch HĐQT - CTCP Địa Ốc Sài Gòn Thương Tín
– Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
– Sở hữu chứng khoán của cá nhân và Người có liên quan:	
▪ Sở hữu cá nhân:	700.000 cổ phần, chiếm 0,34% VĐL
▪ Sở hữu đại diện:	0 cổ phần, chiếm 0% VĐL
▪ Sở hữu của Người có liên quan:	Không có
– Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác:	Không có
– Các khoản nợ đối với Công ty:	Không có
– Thù lao và các khoản lợi ích khác	Thù lao HĐQT theo Nghị quyết ĐHĐCĐ
– Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có

f. Bà PHẠM THỊ KHUÊ - Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị

– Họ và tên:	PHẠM THỊ KHUÊ
– Giới tính:	Nữ
– Ngày sinh:	4/9/1983
– Nơi sinh:	Bắc Giang
– Quốc tịch:	Việt Nam
– Địa chỉ thường trú:	41/4D Đường 11, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, TP.HCM
– Số CMND:	025355887
– Điện thoại liên hệ:	(0269) 382 3604
– Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế Đông Nam Á, Thạc sĩ Châu Á học
– Chức vụ hiện nay tại GEC:	Thành viên HĐQT
– Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức	• Chủ tịch Hội đồng Thành viên kiêm Giám đốc Công ty

khác:	TNHH Dịch vụ Quản lý Bất động sản Sài Gòn Thương tín (TTC LAND M) • PTGĐ - CTCP Địa ốc Sài Gòn Thương Tín (TTC LAND)
– Quá trình công tác:	
▪ Từ 11/2006 đến 3/2012	Phụ trách bộ phận PR - Marketing tại CTCP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh (Mercedes-Benz Haxaco)
▪ Từ 4/2012 đến 7/2012	Phụ trách Phòng Marketing tại Công ty TNHH Dịch vụ Ôtô Sài Gòn Toyota Tsusho (Toyota Hùng Vương - TTSAMCO)
▪ Từ 8/2012 đến 7/2016	Trợ lý Chủ tịch HĐQT tại CTCP Thương Mại Thành Thành Công (TTC Trading)
▪ Từ 8/2016 đến 1/2020	PTGĐ vận hành tại CTCP Thương Mại Thành Thành Công (TTC Trading)
▪ Từ 8/2018 đến 9/2019	Chánh Văn Phòng kiêm Giám Đốc Khối Hỗ Trợ tại CTCP Y Tế Việt Anh (DHA Medic)
▪ Từ 9/2019 đến 1/2020	Chánh Văn Phòng kiêm Giám Đốc Khối Hỗ Trợ tại CTCP Y Tế DHA (DHA Healthcare)
▪ Từ 1/2020 đến nay	PTGĐ - CTCP Địa ốc Sài Gòn Thương Tín (TTCLand)
▪ Từ 4/2020 đến nay	Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám Đốc - Công ty TNHH DV QL BĐS Sài Gòn Thương Tín (TTC LAND M)
▪ Từ 6/2020 đến nay	Thành viên HĐQT tại CTCP Điện Gia Lai
– Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
– Sở hữu chứng khoán của cá nhân và Người có liên quan:	
▪ Sở hữu cá nhân:	0 cổ phần, chiếm 0% VĐL
▪ Sở hữu đại diện:	0 cổ phần, chiếm 0% VĐL
▪ Sở hữu của Người có liên quan:	
– Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác:	Không có
– Các khoản nợ đối với Công ty:	Không có
– Thù lao và các khoản lợi ích khác	Thù lao HĐQT theo Nghị quyết ĐHĐCĐ
– Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có

13.2 Ban Tổng Giám Đốc

TT	Họ và tên	Chức danh
1	Bà **Nguyễn Thái Hà**	TGĐ
2	Ông **Lê Thanh Vinh**	PTGĐ thường trực
3	Ông **Hà Nguyên Hoàng**	PTGĐ

TT	Họ và tên	Chức danh
4	Ông **Nguyễn Lê Hùng**	PTGĐ

a. Bà NGUYỄN THÁI HÀ - Tổng Giám đốc

- Họ và tên: NGUYỄN THÁI HÀ
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 14/11/1980
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 62/7A Nhất Mai Chi, Phường 13, Quận Tân Bình, TP HCM
- Số chứng minh nhân dân: 012033277
- Điện thoại liên hệ: (0269) 382 3604
- Trình độ chuyên môn: - Thạc sĩ kinh tế phát triển
- Chức vụ hiện nay tại GEC: - TGĐ
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
  - Chủ tịch HĐQT - CTCP Du lịch Đồng Thuận - Việt Nam
  - Thành viên HĐQT - CTCP Thương mại Thành Thành Công - Việt Nam
  - Thành viên HĐQT - CTCP Du lịch Núi Tà Cú - Việt Nam
  - Phó Chủ tịch HĐQT - CTCP Du lịch Thành Thành Công - Việt Nam
  - Thành viên HĐQT, Phó TGĐ - CTCP Đầu tư Thành Thành Công - Việt Nam
- Quá trình công tác:
  - Từ 2001 đến 2002: Kiểm toán viên - Công ty Kiểm toán và Tư Vấn A&C (TP HCM)
  - Từ 2002 đến 2012: Chánh Văn phòng Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (TP HCM)
  - Từ 2012 đến nay: Thành viên HĐQT, PTGĐ CTCP Đầu tư Thành Thành Công
  - Từ 4/2016 đến 4/2017: Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Điện Gia Lai
  - Từ 2016 đến nay: Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Du lịch Thành Thành Công
  - Từ 10/2018 đến nay: TGĐ CTCP Điện Gia Lai
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và Người có liên quan:
  - Sở hữu cá nhân: 1.030.700 cổ phần, chiếm 0,51% VĐL

- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% VĐL
- Sở hữu của Người có liên quan:

STT	Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
1	CTCP Đầu tư Thành Thành Công	Tổ chức có liên quan đến Người nội bộ	36.947.296	18,12%

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Lương theo chính sách Công ty
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

b. Ông LÊ THANH VINH - Phó Tổng Giám đốc thường trực

- Họ và tên: LÊ THANH VINH
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 3/3/1975
- Nơi sinh: Quảng Ngãi
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 147A Trần Văn Quang, P.10, Quận Tân Bình, TP HCM
- Số chứng minh nhân dân: 024919225
- Điện thoại liên hệ: (0269) 382 3604
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế Phát triển
- Chức vụ hiện nay tại GEC: PTGĐ thường trực
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT - CTCP Thủy điện Gia Lai
- Quá trình công tác:
  - Từ 2000 đến 1/2003: Giảng viên Khoa Tài chính - Trường Cao đẳng Tài chính Kế toán IV - TP HCM
  - Từ 1/2003 đến 9/2005: PGĐ Kinh doanh Công ty TNHH Nam Long
  - Từ 9/2005 đến 10/2007: GĐ Đầu tư và Phát triển Kinh doanh Công ty Phát Đạt và Công ty NAI Việt Nam
  - Từ 10/2007 đến 8/2009: TGĐ - Công ty Bất động sản Liên Minh và Quỹ đầu tư Ingate Capital
  - Từ 8/2009 đến 9/2012: PTGĐ - CTCP Địa ốc Sài Gòn Thương Tín
  - Từ 2013 đến 12/2015: PTGĐ - Phụ trách Dự án Bất động sản CTCP Hoa Lâm
  - Từ 1/2016 đến 2/2017: TGĐ - LDG và PTGĐ - KN Group - Phát triển Bất động sản
  - Từ 2017 đến 2019: Chủ tịch HĐQT- CTCP Năng lượng TTC
  - Từ 3/2017 đến nay: PTGĐ - CTCP Điện Gia Lai
  - Từ 6/2020 đến nay: Thành viên HĐQT - CTCP Thủy điện Gia Lai

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và Người có liên quan:
  - Sở hữu cá nhân: 511.630 cổ phần, chiếm 0,25% VĐL
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% VĐL
  - Sở hữu của Người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0 % VĐL
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Lương theo chính sách Công ty
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

c. Ông HÀ NGUYÊN HOÀNG - Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: HÀ NGUYÊN HOÀNG
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 1/1/1983
- Nơi sinh: Bình Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Ân Mỹ, Hoài Ân, Bình Định
- Số chứng minh nhân dân: 211739931
- Điện thoại liên hệ: (0269) 382 3604
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tự động hóa
- Chức vụ hiện nay tại GEC: PTGĐ
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: - Thành viên HĐQT CTCP Thủy điện Gia Lai
  - Giám đốc dịch vụ năng lượng - CTCP Đầu tư Thành Thành Công
  - Chủ tịch - Công ty TNHH MTV Xây lắp và Cơ điện Gia Lai
  - Thành viên HĐQT - CTCP Thủy điện Trường Phú
- Quá trình công tác:
  - Từ 2009 đến 2013: Phó Phòng Kỹ thuật - CTCP Điện Gia Lai
  - Từ 2013 đến 2015: PGĐ - GĐ Trung tâm Phát triển Công nghệ - CTCP Điện Gia Lai
  - Từ 2015 đến 2017: Giám đốc Khối Kỹ thuật - CTCP Điện Gia Lai
  - Từ 2014 đến nay: Thành viên HĐQT - CTCP Thủy điện Gia Lai
  - Từ 2017 đến nay: Giám đốc Dịch vụ Năng Lượng - CTCP Đầu Tư Thành Thành Công
  - Từ 2019 đến nay: Chủ tịch - Công ty TNHH MTV Xây lắp và Cơ điện Gia Lai
  - Từ 2019 đến nay: Thành viên HĐQT - CTCP Thủy điện Trường Phú

▪ Từ 2019 đến nay	PTGĐ - CTCP Điện Gia Lai
– Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
– Sở hữu chứng khoán của cá nhân và Người có liên quan:	
▪ Sở hữu cá nhân:	416.200 cổ phần, chiếm 0,20% VĐL
▪ Sở hữu đại diện:	0 cổ phần, chiếm 0% VĐL
▪ Sở hữu của Người có liên quan:	0 cổ phần, chiếm 0% VĐL
– Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác:	Không có
– Các khoản nợ đối với Công ty:	Không có
– Thù lao và các khoản lợi ích khác	Lương theo chính sách Công ty
– Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không có

d. Ông NGUYỄN LÊ HÙNG - Phó Tổng Giám đốc

– Họ và tên:	NGUYỄN LÊ HÙNG
– Giới tính:	Nam
– Ngày sinh:	26/10/1979
– Nơi sinh:	Bình Định
– Quốc tịch:	Việt Nam
– Địa chỉ thường trú:	B402 Chung cư Conic Đình Khiêm, Huyện Bình Chánh, TP HCM
– Số chứng minh nhân dân/hộ chiếu:	052079000206
– Điện thoại liên hệ:	(0269) 382 3604
– Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư Công nghệ thông tin
– Chức vụ hiện nay tại GEC:	PTGĐ
– Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	PTGĐ - CTCP Năng lượng TTC
– Quá trình công tác:	
▪ Từ 2003 đến 2010	GĐ Trung tâm Dịch vụ Khách hàng - Công ty TNHH Tích hợp hệ thống CMC Sài Gòn
▪ Từ 2011 đến 2016	Chuyên gia - Công ty TNHH Microsoft Việt Nam
▪ Từ 2016 đến 2017	PTGĐ - CTCP Đầu tư Thành Thành Công
▪ Từ 2018 đến nay	PTGĐ - CTCP Điện Gia Lai
▪ Từ 07/2020 đến nay	PTGĐ - CTCP Năng lượng TTC
– Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
– Sở hữu chứng khoán của cá nhân và Người có liên quan:	
▪ Sở hữu cá nhân:	111.800 cổ phần, chiếm 0,055% VĐL
▪ Sở hữu đại diện:	0 cổ phần, chiếm 0% VĐL
▪ Sở hữu của Người có liên quan:	0 cổ phần, chiếm 0% VĐL
– Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty	Không có

khác:

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác Lương theo chính sách Công ty
- Lợi ích liên quan đối với Công ty Không có

13.3 Ủy ban Kiểm toán

Bà NGUYỄN THÙY VÂN - Chủ tịch

Xem mục 13.1e

Ông DEEPAK CHAND KHANNA - Thành viên

Xem mục 13.1b

Ông PHẠM HỒNG DƯƠNG - Thành viên

Xem mục 13.1d

13.4 Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng

Bà TRẦN THỊ HỒNG THẮM - Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng

- Họ và tên: TRẦN THỊ HỒNG THẮM
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 1983
- Nơi sinh: Bình Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Hẻm 43 đường Lê Thánh Tôn, TP Pleiku, Gia Lai
- Số chứng minh nhân dân: 231266439
- Điện thoại liên hệ: (0269) 382 3604
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ hiện nay tại GEC: GĐ Tài chính kiêm Kế toán trưởng
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT - CTCP Thủy điện Trường Phú
- Quá trình công tác:
  - Từ 6/2006 đến 8/2006: Nhân viên Kế toán CTCP Điện Gia Lai
  - Từ 9/2006 đến 7/2007: Nhân viên Kế toán CTCP Ayun Thượng
  - Từ 8/2007 đến 4/2014: Kế toán trưởng CTCP Ayun Thượng
  - Từ 5/2014 đến 10/2016: Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Xây lắp & CĐ GL
  - Từ 11/2016 đến nay: Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng - CTCP Điện Gia Lai
  - Từ 1/2019 đến nay: Thành viên HĐQT CTCP Thủy điện Trường Phú
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và Người có liên quan:

- Sở hữu cá nhân: 327.600 cổ phần, chiếm 0,16% VĐL
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% VĐL
- Sở hữu của Người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% VĐL

– Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có

– Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

– Thù lao và các khoản lợi ích khác Lương theo chính sách Công ty

– Lợi ích liên quan đối với Công ty Không có

14. Tài sản

14.1 Tình hình Tài sản cố định

Bảng 33: Tình hình Tài sản cố định của Công ty mẹ

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	TÊN TÀI SẢN	31/12/2018			31/12/2019			30/06/2020		
		Nguyên giá	GTCL	GTCL/ Nguyên giá (%)	Nguyên giá	GTCL	GTCL/ Nguyên giá (%)	Nguyên giá	GTCL	GTCL/ Nguyên giá (%)
I	**TSCĐ hữu hình**	**2.912.839**	**2.539.816**	**87,2%**	**3.091.566**	**2.561.631**	**82,9%**	**3.094.840**	**2.478.630**	**80,09%**
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	706.659	526.713	74,5%	1.045.988	814.763	77,9%	1.045.988	789.285	75,46%
2	Máy móc, thiết bị	1.871.816	1.745.128	93,2%	1.755.580	1.538.902	87,7%	1.758.854	1.493.289	84,90%
3	Phương tiện vận tải	125.591	72.399	57,6%	208.968	146.563	70,1%	208.968	140.609	67,29%
4	Thiết bị quản lý	35.852	31.365	87,5%	39.725	30.871	77,7%	39.725	27.159	68,37%
6	Tài sản khác	172.921	164.211	95,0%	41.305	30.533	73,9%	41.305	28.288	68,49%
II	**TSCĐ vô hình**	**4.571**	**3.819**	**83,5%**	**9.789**	**8.851**	**90,4%**	**9.861**	**7.984**	**80,97%**
1	Quyền sử dụng đất	3.868	3.581	92,6%	3.868	3.504	90,6%	3.868	3.465	89,57%
2	Phần mềm máy tính	486	158	32,5%	5.704	5.296	92,8%	5.776	4.474	77,46%
3	Tài sản khác	217	80	37,0%	217	51	23,7%	217	45	20,76%
	Tổng	**2.917.410**	**2.543.635**	**87,2%**	**3.101.355**	**2.570.482**	**82,9%**	**3.104.701**	**2.486.614**	**80,09%**

Nguồn: BCTC Công ty mẹ Kiểm toán 2018, 2019 và BCTC Soát xét 6 tháng 2020

Bảng 34: Tình hình Tài sản cố định hợp nhất của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	TÊN TÀI SẢN	31/12/2018			31/12/2019			30/06/2020		
		Nguyên giá	GTCL	GTCL/ Nguyên giá (%)	Nguyên giá	GTCL	GTCL/ Nguyên giá (%)	Nguyên giá	GTCL	GTCL/ Nguyên giá (%)
I	**TSCĐ hữu hình**	**3.494.120**	**2.871.235**	**82,2%**	**6.139.920**	**5.239.716**	**85,3%**	**6.183.204**	**5.122.034**	**82,84%**
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	992.611	711.277	71,7%	1.722.310	1.384.741	80,4%	1.725.157	1.346.649	78,06%
2	Máy móc, thiết bị	2.109.044	1.889.919	89,6%	3.808.511	3.494.064	91,7%	3.840.347	3.426.449	89,22%
3	Phương tiện vận tải	148.109	81.412	55,0%	353.590	277.827	78,6%	355.248	271.092	76,31%

4	Thiết bị quản lý	36.414	31.998	87,9%	85.318	75.782	88,8%	85.270	70.090	82,20%
5	Tài sản khác	207.942	156.679	75,3%	170.192	7.300	4,3%	177.182	7.754	4,38%
II	**Tài sản thuê tài chính**							**8.115**	**8.115**	**100%**
	Máy móc, thiết bị							8.115	8.115	100%
III	**TSCĐ vô hình**	**7.448**	**6.436**	**86,4%**	**21.138**	**19.228**	**91,0%**	**21.251**	**18.025**	**84,82%**
1	Quyền sử dụng đất	6.454	6.061	93,9%	14.173	13.027	91,9%	14.173	12.737	89,87%
2	Phần mềm máy tính	823	295	35,8%	6.794	6.150	90,5%	6.906	5.243	75,92%
3	Tài sản khác	171	80	46,8%	171	51	29,8%	172	45	26,20%
	Tổng	**3.501.568**	**2.877.671**	**82,2%**	**6.161.058**	**5.258.944**	**85,4%**	**6.212.570**	**5.148.174**	**82,87%**

Nguồn: BCTC Hợp nhất Kiểm toán 2018, 2019 và BCTC Soát xét 6 tháng 2020

14.2 Tài sản là quyền sử dụng đất

STT	Địa điểm	Diện tích (m^2)	Hình thức sở hữu		Đơn vị quản lý, sử dụng
1	Nhà máy Ayun Hạ	6.069	Hợp đồng thuê đất 50 năm, trả tiền hàng năm	2049	CTCP Điện Gia Lai
2	Nhà máy Ia Đăng 1	41.929		2051	
3	Nhà máy Ia Đăng 3	24.690		2053	
4	Nhà máy Ia Puch 3	147.148		2054	
5	Nhà máy Đa Khai	105.056		2054	
6	Nhà máy Đăk Pi Hao 2	106.183		2055	
7	Nhà máy Ayun Thượng	642.696		2058	
8	Nhà máy Đăk Pi Hao 1	276.000		2061	
9	Nhà máy Thượng Lộ	44.284		2048	Công ty TNHH MTV Thủy điện Thượng Lộ
10	Nhà máy H'Chan	14.184		2056	CTCP Thủy điện Gia Lai
11	Nhà máy H'Mun	19.493		2056	
12	Nhà máy Phong Điền	449.980		2067	CTCP Điện Gia Lai
13	Nhà máy Krông Pa	702.304		2068	
14	Nhà máy Đức Huệ 1	685.636		2068	CTCP Điện TTC Đức Huệ - Long An
15	Nhà máy Hàm Phú 2	542.213		2068	CTCP Thủy điện Gia Lai
16	Nhà máy Trúc Sơn	495.420		2068	CTCP Nhà máy ĐMT Trúc Sơn

Nguồn: GEC

TSCĐ của Công ty chủ yếu hình thành từ các NMTĐ và ĐMT. Trong Quý IV/2018 và nửa đầu năm 2019, Công ty đã đưa vào vận hành 5 nhà máy ĐMT góp phần nâng TSCĐ hữu hình từ hơn 1.100 tỷ lên hơn 5.300 tỷ đồng.

TSCĐ hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Trong đó, khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng. Tùy vào từng hạng mục, nhìn chung, các dự án Thủy điện và ĐMT được khấu hao từ 18 tới 20 năm, trong đó hầu hết các NMTĐ đã khấu hao phần lớn, điều này góp phần không nhỏ vào việc cải thiện các chỉ số tài chính của Công ty. Ngoài ra, hình thức sở hữu của đất đi liền với dự án đều là hợp đồng thuê trong 50 năm, trả tiền hàng năm. Tuy nhiên, căn cứ theo Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước và Nghị định 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật đầu tư, các dự án NLTT thuộc thuộc ngành nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư và đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, tiền sử dụng đất của các dự án sẽ được miễn giảm tương ứng.

15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo

15.1 Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo

Bảng 35: Kế hoạch kinh doanh của Công ty mẹ giai đoạn 2019 - 2020

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020	%Tăng/ Giảm
Vốn Điều lệ	2.038.917	2.982.935	46%
Tổng doanh thu	847.087	1.031.135	22%
Lợi nhuận trước thuế	221.307	237.389	7%
Lợi nhuận sau thuế	217.250	224.737	3%
LNST/Vốn Điều lệ (%)	11%	8%	-27%
LNST /Doanh thu thuần (%)	29%	25%	-14%
Tỷ lệ cổ tức (%)	8%	8%	0%

Bảng 36: Kế hoạch kinh doanh hợp nhất của Công ty từ giai đoạn 2019 - 2020

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020	%Tăng/ Giảm
Vốn Điều lệ	2.038.917	2.982.935	46%
Tổng doanh thu	1.184.588	1.530.626	29%
Lợi nhuận trước thuế	303.948	320.000	5%
Lợi nhuận sau thuế	290.516	304.000	5%
LNST/Vốn Điều lệ (%)	14%	10%	-29%
LNST /Doanh thu thuần (%)	25%	20%	-20%
Tỷ lệ cổ tức (%)	8%	8%	0%

Nguồn: GEC

Với phương châm "*Quản trị chuẩn mực - Điều hành chuyên nghiệp - Kiểm soát trách nhiệm*", HĐQT GEC năm 2019 đã cụ thể hóa chiến lược kinh doanh đã được ĐHĐCĐ phê duyệt thông qua việc đưa ra những định hướng chiến lược hợp lý theo xu hướng thị trường, tăng cường mối quan hệ với các Cổ đông chiến lược nước ngoài IFC và Armstrong để tăng quy mô Công ty, làm cơ sở vững chắc cho các hoạt động điều hành của BTGĐ. Năm 2019, đánh dấu một thành công mới khi GEC đã thành công trong việc tự phát triển dự án ĐMT Trúc Sơn có thời gian thi công kỷ lục trong vào 3 tháng với chi phí được tiết giảm đáng kể 18%; đồng thời kịp thời nắm bắt các cơ hội trên thị trường để thành công M&A dự án Điện Gió V.P.L Bến Tre - giai đoạn 1 có công suất 30 MW phù hợp với định hướng phát triển chung của ngành. Đến thời điểm Quý I/2020, GEC đang

sở hữu hệ thống 13 NMTĐ và 5 Nhà máy ĐMT với công suất lần lượt 84,1 MW và 260 MWp, tương đương tổng công suất 286,7 MW.

Trong xu thế tác động của hiện tượng El Nino, tình hình nắng nóng được dự báo sẽ tiếp tục kéo dài, điều này có ảnh hưởng tích cực tới hoạt động của các nhà máy ĐMT, được cho là những nhân tố chính đóng góp vào kết quả HĐKD của Công ty trong các năm tới. Thủy điện dự kiến sẽ duy trì mức đóng góp DT khoảng gần 30% hàng năm, 5 nhà máy ĐMT được đưa vào vận hành hết công suất và toàn thời gian trong các năm tiếp theo sẽ đóng góp gần 60% DT hàng năm. Bên cạnh đó, GEC cũng sẽ phấn đấu công suất phát triển Điện Gió phù hợp trong các năm tới để được hưởng cơ chế giá FiT dành cho Điện Gió đến tháng 11/2021 và mở rộng phát triển ĐMT Áp mái trên cơ sở tiếp cận, hợp tác phát triển Điện mái nhà cùng với các hộ kinh doanh nông nghiệp nhằm gắn kết hơn nữa công cuộc phát triển Công ty với kinh tế xã hội địa phương.

Bên cạnh các dịch vụ đã cung cấp ra ngoài thị trường như xây dựng, sửa chữa, triển khai thí nghiệm, quản lý vận hành…. đối với các NMTĐ và ĐMT, đội ngũ kỹ thuật của GEC cũng không ngừng học hỏi, đúc kết kinh nghiệm từ các công nghệ tiên tiến, liên tục cải tiến kỹ thuật, làm chủ công nghệ, nghiên cứu các giải pháp tối ưu và các giải pháp tự động hoá, thử nghiệm, chế tạo các hệ thống mới như hệ thống ĐMT nổi, ĐMT xoay trục, Robot Lau pin thương mại… nhằm đa dạng hóa nguồn DT, tạo ra giá trị gia tăng cho Công ty.

Đồng thời, GEC cũng đang tích cực tìm kiếm các cơ hội phát triển dự án Thủy điện, ĐMT tại các nước lân cận như Lào và Campuchia, để cộng hưởng các cơ hội phát triển chuỗi giá trị Ngành Năng lượng từ khâu *Tìm kiếm và Phát triển dự án, Thực hiện pháp lý và Thiết kế, Tiến hành Thi công xây dựng cho đến Vận hành nhà máy bao gồm cả Kinh doanh thương mại và Bảo trì sửa chữa*. Trong bối cảnh chung của ngành Năng lượng, với nhu cầu tăng trưởng nguồn cung điện 8%-10%/năm phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế, GEC đang xây dựng một kế hoạch ngân sách thận trọng và khả thi cho giai đoạn tiếp theo và nỗ lực cân đối các giải pháp thực sự phù hợp nhằm triển khai tối ưu nhất các mục tiêu được ĐHĐCĐ và HĐQT đề ra, mang lại tối đa lợi ích cho Cổ đông hiện hữu.

15.2 Nêu căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên:

Kinh doanh điện:

- Hoàn thiện các quy trình, cẩm nang quản lý vận hành hiệu quả các nhà máy sản xuất điện;
- Triển khai rà soát tất cả các hiện trạng và xử lý tồn tại của các nhà máy nhằm đảm bảo công tác vận hành an toàn, liên tục, đồng thời nâng cao hiệu suất hoạt động, phát huy tối đa công suất chạy máy, gia tăng DT, tiết giảm chi phí sửa chữa hàng năm;
- Thực hiện tốt công tác bảo trì, bảo dưỡng và sửa chữa định kỳ kết hợp với đầu tư cải tạo, nâng công suất tại một số nhà máy nhằm đảm bảo vận hành liên tục, thông suốt, tối ưu hóa HĐKD điện;

- Nghiên cứu xây dựng các giải pháp để tự động hoá kết hợp tối ưu hoá hoạt động tại các nhà máy NLTT đồng thời đảm bảo công tác kiểm soát chi phí tại các nhà máy;
- Giám sát liên tục thông qua hệ thống SCADA để phân tích dữ liệu, cảnh báo cũng như đánh giá về các rủi ro tương lai và đưa ra các giải pháp phòng ngừa rủi ro có thể phát sinh;
- Tận dụng ưu thế hợp đồng mua bán điện theo Biểu giá chi phí Tránh được đối với các NMTĐ có quy mô dưới 30 MW;
- Tận dụng ưu thế hợp đồng mua bán điện theo giá cố định 9,35 Uscent/kWh của các nhà máy ĐMT theo cơ chế hỗ trợ của Chính phủ.

Hoạt động cung cấp dịch vụ kỹ thuật, quản lý vận hành, tư vấn quản lý dự án:

- Tiếp tục triển khai công tác tư vấn quản lý dự án: Phối hợp các Ban Quản lý dự án thực hiện tư vấn triển khai các hạng mục thi công chính tại các dự án NLTT nhằm đảm bảo chất lượng và tiến độ theo kế hoạch phê duyệt;
- Tăng cường nguồn thu từ công tác cung cấp dịch vụ kỹ thuật: Đẩy mạnh triển khai dịch vụ kỹ thuật, thí nghiệm, cung cấp thiết bị cho các Khách hàng nội bộ và các đơn vị bên ngoài. Đồng thời, tiếp tục cải tiến và tối ưu sản phẩm Robot lau pin thành sản phẩm đặc thù cho thương hiệu GEC;
- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, chế tạo các sản phẩm công nghệ, từng bước đáp ứng nhu cầu phát triển lĩnh vực NLTT giai đoạn 2020-2022;
- Hoàn thiện Hệ thống điều hướng Pin mặt trời (Solar tracking) và tiến hành đầu tư trang bị cho các nhà máy trong hệ thống để tăng sản lượng, gia tăng nguồn thu các dự án ĐMT từ việc bán Chứng chỉ Năng lượng tái tạo (Renewable Energy Certifcate - REC) - công cụ giao dịch được sử dụng để đáp ứng các mục tiêu tiêu thụ NLTT (1 REC = 1 MWh);
- Khai thác tối ưu nguồn lực hiện hữu trên cơ sở kinh nghiệm vận hành các dự án NLTT và tiếp nhận chuyển giao công nghệ từ các nhà thầu quốc tế;

Hoạt động đầu tư phát triển các dự án NLTT

- Phấn đấu đưa dự án Điện Gió V.P.L Bến Tre giai đoạn 1 có công suất 30 MW vào vận hành trước tháng 11/2021 để hưởng cơ chế ưu đãi dành cho các dự án năng lượng gió thông qua hình thức hợp tác với các tổ chức trong và ngoài nước thông qua các hình thức hợp tác đầu tư, hỗ trợ tài chính kết hợp thi công tổng thầu… nhằm huy động các nguồn lực tài chính, kinh nghiệm quản lý, công nghệ… từ các tổ chức, nhà thầu quốc tế;
- Bên cạnh việc tự phát triển dự án, tích cực tìm kiếm, mở rộng danh mục phát triển các dự án NLTT tại các địa bàn tiềm năng và thực hiện các hoạt động M&A các dự án có tiêu chí phù hợp, đảm bảo các tiêu chí về môi trường, an toàn, sức khỏe và xã hội theo tiêu chuẩn của Tổ chức tài chính Quốc tế (IFC) và Quỹ Năng lượng sạch Armstrong;
- Đào tạo đội ngũ lao động có trình độ chuyên môn thông qua các khóa đào tạo trong và ngoài nước, tiếp nhận chuyển giao công nghệ từ các đối tác chiến lược để nghiên cứu chuyên sâu lĩnh vực điện nắng, gió nhằm đảm bảo lựa chọn công nghệ tối ưu với chi phí hợp lý.

Hoạt động tài chính :

- Chuyên nghiệp hóa hoạt động Thị trường vốn và Quan hệ Nhà đầu tư: Nâng cao vị thế cổ phiếu GEG trên thị trường tài chính, thu hút vốn đầu tư nước ngoài; xây dựng cấu trúc vốn tối ưu theo định hướng đa dạng hóa các kênh huy động vốn, cấp tín dụng dài hạn thông qua hình thức cho vay trực tiếp dự án, kêu gọi hợp tác đầu tư với các Nhà đầu tư nước ngoài trên góc độ từng dự án;
- Đảm bảo thanh khoản với tỷ lệ đòn bẩy phù hợp cho từng thời kỳ với mục tiêu: Tỷ lệ tài trợ ban đầu cho các dự án tối thiểu ở mức 70% tổng chi phí đầu tư; nguồn vốn còn lại sử dụng VCSH thông qua việc giữ lại LN tái đầu tư hoặc huy động vốn từ Cổ đông ở những thời điểm phù hợp đáp ứng nhu cầu phát triển.

16. Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, CTCP Chứng khoán SSI đã thu thập thông tin, tiến hành nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về HĐKD của CTCP Điện Gia Lai cũng như xem xét lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang hoạt động.

Dựa trên kết quả kinh doanh của Công ty trong các năm vừa qua, khả năng triển khai và vận hành thành công dự án, tiêu biểu với việc tiên phong 02 (hai) dự án nhà máy ĐMT vào cuối năm 2018 và 03 (ba) nhà máy mới hoạt động trong năm 2019 cùng chiến lược đa dạng hóa các loại hình NLTT nhằm tận dụng ưu thế của từng mảng HĐKD mà Công ty đang hướng đến, chúng tôi nhận thấy kế hoạch LN mà Công ty đưa ra có tính khả thi. Nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến HĐKD thì kế hoạch LN mà Công ty đưa ra là có tính khả thi và Công ty có thể đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức như kế hoạch.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một Tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với Nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

Lưu ý: Những đánh giá và nhận định của Tổ chức tư vấn chỉ mang tính chất tham khảo, không đảm bảo chắc chắn cho kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty cũng như bao hàm hay đảm bảo cho giá cổ phiếu của CTCP Điện Gia Lai.

17. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức

Công ty cam kết đăng ký giao dịch bổ sung số cổ phiếu phát hành thêm của Công ty trên thị trường có tổ chức theo đúng thời hạn quy định của pháp luật.

18. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành

Không có.

19. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán

Không có.

V. CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH

1. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phiếu

3. Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành: 67.284.253 cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán cho Cổ đông hiện hữu: 50.972.919 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành để trả cổ tức: 16.311.334 cổ phiếu

4. Giá chào bán dự kiến:

- Giá chào bán cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu: 10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phiếu

5. Phương pháp tính giá

Giá chào bán cho Cổ đông hiện hữu dự kiến: 10.000 đồng/cổ phiếu

Giá trị sổ sách tại ngày 31/12/2019 theo báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2019 của Công ty là: 11.384 đồng/cổ phiếu.

Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần (BV) = Nguồn VCSH thuộc về Cổ đông/ (Tổng số lượng cổ phiếu đã phát hành - Cổ phiếu quỹ)	**(3)/(6)**	**Đồng/Cổ phiếu**	**11.384**
Vốn chủ sở hữu	(1)	Đồng	2.579.628.329.163
Lợi ích của Cổ đông không kiểm soát	(2)	Đồng	258.475.343.332
Nguồn VCSH thuộc về Cổ đông	(3) = (1-2)	Đồng	2.321.152.985.831
Tổng số lượng cổ phiếu đã phát hành	(4)	Cổ phiếu	203.891.677
Cổ phiếu quỹ	(5)	Cổ phiếu	-
Tổng số lượng cổ phiếu đã phát hành - Cổ phiếu quỹ	(6) = (4-5)	Cổ phiếu	203.891.677

Giá thị trường: bình quân giá đóng cửa của cổ phiếu GEG trong 30 phiên gần nhất (tính đến ngày 08/04/2019) là 21.733 đồng/cổ phần.

Căn cứ vào chiến lược phát triển của Công ty cũng như nhu cầu tăng vốn điều lệ, đồng thời khuyến khích Cổ đông gắn bó và đóng góp cho sự phát triển của Công ty nên GEG chào bán cổ phiếu cho Cổ đông với giá thấp hơn giá trị sổ sách 12,2% và thấp hơn giá thị trường bình quân 30 phiên gần nhất 54,0%.

6. Phương thức phân phối

6.1 Chào bán cho Cổ đông hiện hữu

Hình thức chào bán:	Chào bán thêm cổ phần ra công chúng cho Cổ đông hiện hữu
Đối tượng chào bán:	Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách Cổ đông do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam chốt tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua cổ phần
Số lượng cổ phần chào bán:	Dự kiến 50.972.919 cổ phần
Giá chào bán dự kiến:	10.000 đồng/cổ phần
Tổng giá trị chào bán theo giá chào bán:	509.729.190.000 đồng
Tỷ lệ thực hiện quyền:	Tỷ lệ thực hiện quyền 4:1 (01 cổ phần được hưởng 01 quyền, 04 quyền được mua 01 cổ phần mới) Số cổ phần mỗi Cổ đông được quyền mua sẽ làm tròn xuống đến hàng đơn vị.
Phương án xử lý cổ phần lẻ và cổ phần không chào bán hết trong trường hợp Cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua hoặc thực hiện một phần quyền mua ("Cổ Phần Cần Phân Phối"):	– Chủ tịch HĐQT toàn quyền quyết định về tất cả các vấn đề để xử lý số Cổ Phần Cần Phân Phối với giá không thấp hơn giá chào bán cho Cổ đông hiện hữu cho các nhà đầu tư (bao gồm cả các Cổ đông hiện hữu, người nội bộ của Công ty) có nhu cầu và năng lực tài chính để mua số Cổ Phần Cần Phân Phối này. Trường hợp Nhà đầu tư mua Cổ Phần Cần Phân Phối dẫn tới việc sở hữu tổng số cổ phần có quyền biểu quyết vượt tỷ lệ phải chào mua công khai theo quy định của pháp luật thì không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai. – Số Cổ Phần Cần Phân Phối khi được bán tiếp cho Nhà đầu tư sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 (một) năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành.
Điều kiện hạn chế chuyển nhượng:	Không bị hạn chế chuyển nhượng
Chuyển nhượng quyền mua:	Cổ đông sở hữu quyền mua có thể chuyển nhượng quyền mua cổ phần của mình cho một hoặc nhiều người/tổ chức khác, bên nhận chuyển nhượng quyền mua sẽ không được chuyển nhượng cho bên thứ ba.
Thời gian dự kiến chào bán:	Trong năm 2020 và Quý I/2021, sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.
Địa điểm thực hiện:	– Đối với các Cổ đông đã lưu ký chứng khoán: Phân phối thông qua Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và các thành viên lưu ký. – Đối với các Cổ đông chưa lưu ký chứng khoán: Phân phối tại trụ sở CTCP Điện Gia Lai. Thời điểm cụ thể chốt danh sách Cổ đông được quyền mua cổ phiếu phát hành thêm sẽ được Công ty công bố với Cổ đông trong vòng 7 ngày kể từ ngày Công ty nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng của

	Ủy ban chứng khoán Nhà nước

6.2 Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức

Hình thức phát hành:	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức
Đối tượng phát hành:	Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách Cổ đông do VSD chốt tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện nhận cổ phiếu phát hành thêm
Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành:	16.311.334 cổ phiếu
Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá:	163.113.340.000 đồng
Tỷ lệ thực hiện:	8%/cổ phiếu (người sở hữu 100 cổ phiếu được nhận 8 cổ phiếu mới)
Phương án làm tròn, phương án xử lý cổ phiếu lẻ (nếu có):	Số lượng cổ phiếu phát hành cho mỗi Cổ đông sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Số cổ phiếu lẻ từ việc làm tròn xuống nếu có sẽ được hủy bỏ.
Nguồn vốn	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối được phép chia cuối năm 2019
Thời gian thực hiện	Trong năm 2020, cùng thời gian với đợt chào bán cổ phần cho Cổ đông hiện hữu, sau khi UBCKNN chấp thuận.
Địa điểm thực hiện:	– Đối với chứng khoán lưu ký: Người sở hữu chứng khoán làm thủ tục nhận cổ tức bằng cổ phiếu tại các Thành viên lưu ký (TVLK) nơi mở tài khoản lưu ký. – Đối với chứng khoán chưa lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục nhận cổ tức bằng cổ phiếu tại trụ sở CTCP Điện Gia Lai và xuất trình chứng minh nhân dân

7. Thời gian phân phối cổ phiếu

Công ty sẽ thực hiện đồng thời việc chào bán cổ phần cho Cổ đông hiện hữu và việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức. Cổ đông hiện hữu theo danh sách Cổ đông chốt tại ngày đăng ký cuối cùng sẽ nhận đồng thời quyền mua cổ phiếu và quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu.

Cổ phiếu chào bán cho Cổ đông hiện hữu và cổ phiếu phát hành để trả cổ sẽ được phân phối trong năm 2020 hoặc 2021 và sau khi được UBCKNN cấp giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng theo quy định. Thời gian phân phối cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu dự kiến trong vòng 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán do UBCKNN cấp. Trường hợp do các nguyên nhân khách quan không thể hoàn thành việc phân phối chứng khoán trong thời hạn này, Công ty sẽ xin phép UBCKNN gia hạn việc phân phối chứng khoán nhưng tối đa không quá ba mươi ngày.

Dự kiến thời gian phân phối cổ phiếu như sau:

STT	Nội dung công việc	Thời gian dự kiến thực hiện
1	Nhận giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng của UBCKNN	D
2	Gửi hồ sơ đến VSD, HOSE, thông báo về việc thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm cho Cổ đông và phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, gồm thông tin các ngày cụ thể như: ngày đăng ký cuối cùng, thời gian chuyển nhượng quyền, thời gian đăng ký mua/ thực hiện quyền. (Trong trường hợp này, ngày đăng ký cuối cùng dự kiến là: D+11)	D+1 đến D+3
3	Công bố thông tin theo quy định	D đến D+7
4	Công ty nhận danh sách tổng hợp người sở hữu được phân bổ quyền	D+13
5	Phối hợp cùng với VSD phân bổ quyền mua cổ phiếu, nhận cổ tức bằng cổ phiếu đến các thành viên lưu ký và các Cổ đông chưa lưu ký cổ phiếu	D+19 đến D+26
6	Các Cổ đông tiến hành đăng ký, chuyển nhượng quyền mua và nộp tiền mua cổ phần	D+20 đến D+35
7	Tổng hợp việc thực hiện quyền mua của Cổ đông hiện hữu. Lập báo cáo trình HĐQT để HĐQT quyết định phương thức xử lý đối với số cổ phiếu mà Cổ đông hiện hữu không mua hết	D+36 đến D+40
8	Xử lý cổ phần lẻ và số cổ phần không chào bán hết (nếu cần thiết)	D+40 đến D+45
9	Báo cáo kết quả phát hành và hoàn tất thủ tục lưu ký và niêm yết bổ sung	D+45 đến D+65

(Trong đó, ngày D là ngày làm việc)

8. Đăng ký mua cổ phiếu

- Thời hạn đăng ký mua cổ phiếu:

  Thời gian đăng ký mua cổ phiếu sẽ phụ thuộc vào thời gian phân phối cổ phiếu. Công ty sẽ thông báo thời gian đăng ký cụ thể trong Bản thông báo phát hành và đảm bảo thời hạn đăng ký mua cổ phiếu cho Cổ đông tối thiểu là 20 (hai mươi) ngày theo đúng quy định.

- Số lượng cổ phiếu đăng ký mua:

  Là số lượng cổ phiếu mà Cổ đông hiện hữu được quyền mua theo tỷ lệ hoặc/và số lượng cổ phiếu từ việc nhận chuyển nhượng quyền mua hoặc/và số lượng cổ phiếu không bán hết được HĐQT quyết định phân phối tiếp.

- Phương thức thanh toán, chuyển giao cổ phiếu

  Phương thức thanh toán

  Trong thời hạn ít nhất 20 ngày kể từ ngày quyền mua có hiệu lực, Cổ đông thuộc Danh sách người sở hữu quyền mua sẽ đăng ký thực hiện quyền mua cổ phần và nộp tiền theo tỷ lệ được mua đã quy định. Các Cổ đông mở tài khoản và lưu ký cổ phiếu ở Thành viên Lưu ký nào sẽ đăng ký thực

hiện quyền mua cổ phần tại Thành viên lưu ký đó. Cổ đông chưa thực hiện lưu ký chứng khoán sẽ đăng ký thực hiện quyền mua cổ phần tại trụ sở Công ty và nộp tiền mua cổ phần vào tài khoản phong tỏa.

Chuyển giao cổ phiếu:

Sau khi Công ty hoàn thành đợt chào bán và hoàn thành thay đổi đăng ký chứng khoán; cổ phiếu phát hành thêm sẽ được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán phân bổ vào tài khoản chứng khoán của các Cổ đông đã lưu ký chứng khoán; các Cổ đông chưa lưu ký chứng khoán sẽ nhận được giấy chứng nhận sở hữu cổ phiếu phát hành thêm tại Trụ sở của Công ty, hoặc bổ sung thông tin về số cổ phiếu mới vào Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần đã cấp.

- Quyền lợi của người mua cổ phiếu:

  Cổ phiếu phát hành thêm cho Cổ đông hiện hữu và cổ phiếu phát hành để trả cổ tức là cổ phiếu phổ thông, không bị hạn chế chuyển nhượng.
- Số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu:

  Không giới hạn số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu.
- Thời hạn và cách thức trả lại tiền đặt mua cổ phiếu trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu:

  Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu của đợt chào bán là 70%.

  Trong trường hợp cổ phần không phân phối hết theo dự kiến và số lượng vốn huy động không đạt đủ như dự kiến, HĐQT sẽ cân nhắc huy động các nguồn vốn vay ngân hàng để bù đắp.

9. Phương thức thực hiện quyền

- Điều kiện thực hiện quyền: Các Cổ đông có tên trong Danh sách người sở hữu cuối cùng tại ngày chốt danh sách phân bổ quyền mua và quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu.
- Thời gian thực hiện quyền: Theo thời gian nêu trong lịch trình dự kiến tại mục V.7
- Phương thức thực hiện quyền: Cổ đông đã lưu ký chứng khoán đăng ký mua cổ phần, chuyển nhượng quyền mua cổ phần, thực hiện quyền mua cổ phần tại Thành viên Lưu ký nơi Cổ đông mở tài khoản chứng khoán. Cổ đông chưa thực hiện lưu ký chứng khoán sẽ thực hiện các quyền tương tự trên tại Trụ sở Công ty.
- Quyền lợi người mua cổ phiếu: Cổ đông hiện hữu được quyền mua cổ phiếu, có quyền từ chối quyền mua hoặc chuyển nhượng quyền mua của mình trong thời gian quy định. Các Cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phần của mình (nhưng chỉ chuyển nhượng một lần - không chuyển nhượng cho người thứ ba) cho người khác theo giá thỏa thuận giữa bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng. Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng và thanh toán tiền chuyển nhượng quyền.
- Phương thức xử lý cổ phần chưa phân phối hết

– Đối với số cổ phần chưa chào bán hết cho Cổ đông hiện hữu:

  Số cổ phần còn lại chưa phân phối hết cho Cổ đông hiện hữu bao gồm: (i) *Số cổ phần còn dư do cổ đông không thực hiện quyền mua*; (ii) *Số cổ phần lẻ phát sinh do làm tròn khi phân phối cho Cổ*

đông hiện hữu; (iii) *Số cổ phần lẻ do làm tròn xuống đến hàng đơn vị (sau đây gọi tắt là Cổ Phần Cần Phân Phối")*

Số Cổ Phần Cần Phân Phối sẽ được Chủ tịch HĐQT chào bán cho các nhà đầu tư khác với giá chào bán không thấp hơn giá chào bán cho Cổ đông hiện hữu cho các nhà đầu tư (bao gồm cả các Cổ đông hiện hữu, người nội bộ của Công ty) có nhu cầu và năng lực tài chính để mua số cổ phần. Trường hợp nhà đầu tư mua Cổ Phần Cần Phân Phối dẫn tới việc sở hữu tổng số cổ phần có quyền biểu quyết vượt tỷ lệ phải chào mua công khai theo quy định của pháp luật thì không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai.

Số Cổ Phần Cần Phân Phối khi được bán tiếp cho Nhà đầu tư sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 (một) năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

Việc phân phối số Cổ Phần Cần Phân Phối cho các nhà đầu tư khác phải đáp ứng các điều kiện sau:

+ Tuân thủ quy định tại điều 189 Luật Doanh nghiệp 2014: "Công ty con không được đầu tư góp vốn, mua cổ phần công ty mẹ, các công ty con của cùng một công ty mẹ không được cùng nhau góp vốn, mua cổ phần để sở hữu chéo nhau."
+ Đảm bảo các điều kiện chào bán cổ phiếu riêng lẻ quy định tại Điều 4 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung bởi khoản 3 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP

- Đối với số cổ phần phát hành để trả cổ tức cho Cổ đông hiện hữu: Số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn khi phân phối cổ phiếu để trả cổ tức cho Cổ đông hiện hữu sẽ được hủy bỏ.
- Phương án huy động vốn trong trường hợp cổ phiếu không chào bán hết theo dự kiến:
  + HĐQT xin gia hạn đợt chào bán để tiếp tục chào bán nốt số cổ phiếu chưa chào bán hết (nếu cần thiết)
  + Trong trường hợp cổ phần không phân phối hết theo dự kiến và số lượng vốn huy động không đạt đủ như dự kiến, HĐQT sẽ cân nhắc điều chỉnh tiến độ triển khai dự án và huy động các nguồn vốn vay ngân hàng để bù đắp.

10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của GEC không có quy định cụ thể giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với Nhà đầu tư nước ngoài. Nhà đầu tư nước ngoài được phép mua cổ phần của Công ty theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Do là doanh nghiệp đại chúng đăng ký niêm yết trên HOSE nên tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu GEG của Nhà đầu tư nước ngoài phải tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Thông tư số 123/2015/TT-BTC hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Căn cứ Khoản 2a Điều 2 Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 được sửa đổi bổ sung bởi Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 về tỷ lệ sở hữu nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam quy định:

"1. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty đại chúng như sau:

a) Trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam là Thành viên có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, thì thực hiện theo điều ước quốc tế;

b) Trường hợp công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh mà pháp luật về đầu tư, pháp luật liên quan có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo quy định tại pháp luật đó.

Đối với công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài mà chưa có quy định cụ thể về sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49%;

c) Trường hợp công ty đại chúng hoạt động đa ngành, nghề, có quy định khác nhau về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài không vượt quá mức thấp nhất trong các ngành, nghề (mà công ty đó hoạt động) có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, trừ trường hợp điều ước quốc tế có quy định khác;

d) Đối với công ty đại chúng không thuộc các trường hợp quy định tại Điểm a, b, c Khoản này, tỷ lệ sở hữu nước ngoài là không hạn chế, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác."

Theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 5900181213, thay đổi lần thứ 16 ngày 24/6/2019, GEC đăng ký 19 ngành nghề kinh doanh với giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài như sau:

Mã Ngành	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu tối đa của Nhà đầu tư nước ngoài
3511 (chính)	Sản xuất điện	49%
3512	Truyền tải và phân phối điện *Chi tiết: Phân phối điện, bán buôn điện, bán lẻ điện*	49%
4321	Lắp đặt hệ thống điện	100%
4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác *Chi tiết: Mua bán xuất nhập khẩu máy móc thiết bị điện, thiết bị cơ điện, thiết bị công nghiệp, động cơ điện, máy biến thế và các vật liệu điện khác, máy móc thiết bị để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, khai khoáng, xây dựng, thiết bị máy văn phòng*	100%
4212	Xây dựng công trình đường bộ	100%
4101	Xây dựng nhà để ở	100%
4102	Xây dựng nhà không để ở	100%
4299	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác *Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, Thủy điện, xây dựng đập đê, đắp đường và các công trình khác*	100%
4222	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	100%
7490	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu *Chi tiết: Cung cấp dịch vụ tư vấn về công nghệ như tư vấn về kỹ thuật điện,*	100%

Mã Ngành	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu tối đa của Nhà đầu tư nước ngoài
	tư vấn quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các nhà máy điện, máy móc, thiết bị điện (trừ dịch vụ tư vấn kỹ thuật liên quan đến khảo sát địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn, khảo sát môi trường, khảo sát kỹ thuật phục vụ quy hoạch phát triển đô thị-nông thôn, quy hoạch phát triển ngành)	
7120	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật *Chi tiết:* - *Thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện, nhà máy điện, đường dây và trạm biến áp đến 110KV, dây chuyền công nghiệp;* - *Thí nghiệm vật liệu cách điện, các loại mẫu dầu cách điện và dầu công nghiệp;* - *Kiểm định thiết bị điện, dụng cụ an toàn điện và dây cáp điện nhưng không bao gồm kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường và không bao gồm việc kiểm định và cấp giấy chứng nhận cho phương tiện vận tải (Ngoại trừ việc kiểm định và cấp giấy chứng nhận cho phương tiện vận tải; ngoại trừ việc tiếp cận một số khu vực địa lý vì lý do an ninh quốc gia)*	100%
4390	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác *Chi tiết: Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng kèm người điều khiển*	100%
7020	Hoạt động tư vấn quản lý *Chi tiết: Tư vấn quản lý doanh nghiệp (Không bao gồm tư vấn pháp luật, thuế, kế toán, kiểm toán, lập trình máy vi tính, quảng cáo, nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận, môi giới lao động, giới thiệu việc làm, dịch vụ hỗ trợ giáo dục)*	100%
3314	Sửa chữa thiết bị điện *Chi tiết: Sửa chữa và bảo dưỡng các loại máy móc, thiết bị điện; máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động của các nhà máy điện (không bao gồm sửa chữa máy vi tính, thiết bị ngoại vi, thiết bị liên lạc, thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng, đồ dùng cá nhân và gia đình khác)*	100%
7110	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan *Chi tiết:* - *Tư vấn khảo sát, thiết kế, thi công các công trình Thủy điện vừa và nhỏ* - *Tư vấn lập dự án, khảo sát, thiết kế thi công đường dây và trạm biến áp (có cấp điện áp từ 110KV trở xuống)* - *Giám sát thi công xây dựng công trình Thủy điện vừa và nhỏ, đường dây và trạm biến áp (có cấp điện áp từ 110 KV trở xuống)* - *Tư vấn quản lý dự án xây dựng công trình (trừ dịch vụ tư vấn kỹ thuật liên quan đến khảo sát địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn, khảo sát môi trường, khảo sát kỹ thuật phục vụ quy hoạch phát triển đô thị-nông thôn, quy hoạch phát triển ngành)*	100%
6810	Kinh doanh Bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (trong phạm vi khoản 3, điều 11 Luật Kinh doanh Bất động sản)	100%

Mã Ngành	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu tối đa của Nhà đầu tư nước ngoài
7710	Cho thuê xe có động cơ *Chi tiết: Cho thuê xe có động cơ không có lái xe đi kèm*	100%
3320	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	100%
2710	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	100%

Tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài được tra cứu theo Danh mục điều kiện đầu tư đối với Nhà đầu tư nước ngoài trên trang *https://dautunuocngoai.gov.vn/fdi/nganhnghedautu/6* và Danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện tại Phụ lục 4 Luật Đầu tư 2014.

Căn cứ theo quy định tại Khoản 2a Điều 2 Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 được sửa đổi bổ sung bởi Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Chính phủ; tỷ lệ sở hữu tối đa của Nhà đầu tư nước ngoài của Công ty là 49% và tính đến ngày 29/05/2020, tỷ lệ nắm giữ của các Cổ đông nước ngoài tại Công ty là 75.339.452 cổ phần chiếm 36,95% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của GEC.

11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

– Các Cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phần của mình nhưng chỉ được chuyển nhượng một lần và không chuyển nhượng cho người thứ ba.

– Số lượng cổ phiếu phát hành cho Cổ đông đăng ký mua theo tỷ lệ thực hiện quyền mua hoặc được nhận chuyển nhượng quyền mua thông qua chào bán, và phát hành cổ phiếu để trả cổ tức trong đợt này, là cổ phiếu phổ thông không bị hạn chế chuyển nhượng.

– Số lượng cổ phiếu phát hành cho nhà đầu tư mua số Cổ Phần Cần Phân Phối đối với cổ phiếu lẻ và cổ phần không bán hết trong trường hợp Cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua hoặc thực hiện một phần quyền mua sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành.

12. Các loại thuế có liên quan

12.1 Đối với Công ty

12.1.1 Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng mức Thuế Thu nhập doanh nghiệp là 20% theo Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính. Riêng đối với các dự án đầu tư sẽ áp dụng mức thuế suất và mức ưu đãi thuế theo Giấy Chứng nhận ưu đãi đầu tư cho từng dự án và theo quy định tại Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thi hành Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính Phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp và công văn số 111684/BTC-TCT ngày 16/9/2005 hướng dẫn về việc chuyển thuế suất Thuế Thu nhập doanh nghiệp.

Đối với các NMTĐ:

- NMTĐ Ayun Hạ, Ia Đrăng 1, Ia Đrăng 2 - hạng mục công trình đường dây 35KV xuất tuyến 371/F7 Chư Prông - Trà Bá, Ia Đrăng 3 và Ia Meur 3: Tập đoàn áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hiện hành sau khi hết thời gian ưu đãi thuế.
- NMTĐ H'Chan: Công ty được áp dụng thuế suất 10% trong vòng 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu đi vào HĐKD (từ năm 2006), thuế TNDN được miễn trong 4 năm (từ năm 2006 đến năm 2009) và được giảm 50% trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2010 đến năm 2018) kể từ khi có thu nhập chịu thuế do dự án đầu tư mang lại.
- NMTĐ Đăk Pi Hao 2: Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hiện hành, được miễn bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2008 đến năm 2011) và giảm 50% trong bảy (7) năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2012 đến năm 2018). Thời gian ưu đãi được kéo dài thêm 2 năm (từ năm 2019 đến năm 2020) theo hướng dẫn về việc chuyển đổi ưu đãi tại khoản 2 điều 23 Thông tư 78.
- NMTĐ Ia Puch 3: Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hiện hành, được miễn bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2009 đến năm 2012) và giảm 50% trong bảy (7) năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2013 đến năm 2019). Thời gian ưu đãi được kéo dài thêm 2 năm (từ năm 2020 đến năm 2021) theo hướng dẫn về việc chuyển đổi ưu đãi tại khoản 2 điều 23 Thông tư 78.
- NMTĐ Đa Khai: Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10%, được miễn bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2011 đến năm 2014) và giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2015 đến năm 2023).
- NMTĐ H'Mun: Công ty được giảm 50% thuế TNDN cho 9 năm (từ năm 2015 đến năm 2023).
- NMTĐ Ayun Thượng: Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10%, được miễn bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2011 đến năm 2014) và giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2015 đến năm 2023).
- NMTĐ Đăk Pi Hao 1: Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10%, được miễn bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2014 đến năm 2017) và giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2018 đến năm 2026).
- NMTĐ Thượng Lộ: Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong mười lăm (15) năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động, được miễn bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2016 đến năm 2019) và giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2020 đến năm 2028).

Đối với các Nhà máy Điện Mặt Trời:

- Nhà máy ĐMT Phong Điền: Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hiện hành, được miễn bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế, Công ty đăng ký miễn thuế từ

năm 2019 đến năm 2022 và giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2023 đến năm 2031).

- Nhà máy ĐMT Krông Pa: Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hiện hành, được miễn bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế, Công ty đăng ký miễn thuế từ năm 2019 đến năm 2022 và giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2023 đến năm 2031).
- Nhà máy ĐMT Đức Huệ 1: Công ty được áp dụng mức thuế suất 10% trong mười lăm (15) năm kể từ khi doanh nghiệp hoạt động (năm 2019) và áp dụng mức thuế suất 17% cho các năm tiếp theo, được miễn bốn (4) năm tính từ khi có thu nhập do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2019 đến năm 2022) và được giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo (từ năm 2023 đến năm 2031).
- Nhà máy ĐMT Hàm Phú 2: Công ty được áp dụng mức thuế suất 10%, được miễn bốn (4) năm tính từ khi có thu nhập do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2019 đến năm 2022) và được giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo (từ năm 2023 đến năm 2031).
- Nhà máy ĐMT Trúc Sơn: Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong mười lăm (15) năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động (năm 2019), được miễn bốn (4) năm tính từ khi có thu nhập chịu thuế do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2019 đến năm 2022) và được giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo (từ năm 2023 đến năm 2031).

12.1.2 Thuế Giá trị gia tăng (VAT)

Thuế Giá trị gia tăng áp dụng mức thuế suất 10% cho hoạt động bán điện và cung cấp dịch vụ, các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.

12.1.3 Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định của Pháp luật hiện hành.

12.2 Đối với Nhà đầu tư

12.2.1 Đối với Nhà đầu tư cá nhân

– **Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán**

Đối với Nhà đầu tư trong nước: Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán là 0,1% trên giá bán chứng khoán từng lần được quy định tại Điểm 2 Điều 16 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi bổ sung một số điều của các Luật về Thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về Thuế.

Đối với Nhà đầu tư nước ngoài: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất thuế thu nhập cá nhân 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng được áp dụng theo quy định tại Điểm 2 Điều 20 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 1/10/2013 về việc "Thu nhập về đầu tư vốn và thu nhập từ chuyển nhượng vốn"

– **Thu nhập từ cổ tức**

Cũng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC, thu nhập của cá nhân từ cổ tức cũng được xem là thu nhập chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%. Trường hợp Nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền

mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%. Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, Nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này thì Nhà đầu tư mới phải thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất tương tự như trường hợp chuyển nhượng chứng khoán.

12.2.2 Đối với Nhà đầu tư tổ chức

- **Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán**

Tổ chức trong nước: Theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng Thuế suất Thuế Thu nhập doanh nghiệp là 20%.

Riêng đối doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức nước ngoài SXKD tại Việt Nam không theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 0,1% trên DT tính thuế theo hướng dẫn tại Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6/8/2014.

- **Thu nhập từ cổ tức:**

Được miễn thuế theo quy định tại Khoản 6, Điều 4 Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp 2008.

13. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán cho Cổ đông hiện hữu sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu, chi tiết như sau:

- Chủ tài khoản: **Công ty Cổ phần Điện Gia Lai**
- Số tài khoản: **117002859692**
- Ngân hàng mở tài khoản: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 1 TP.HCM

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Theo phương án chào bán cổ phần cho Cổ đông hiện hữu để tăng VĐL đã được ĐHĐCĐ Công ty thông qua tại Nghị quyết số 16/2020/NQ-ĐHĐCĐ(*) ngày 12/06/2020 và Nghị quyết HĐQT số 23/2020/HĐQT ngày 16/07/2020 về việc Điều chỉnh, triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu, toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán được công ty sử dụng vào các mục đích của đợt phát hành như sau:

- Đầu tư góp vốn tại CTCP Điện TTC Đức Huệ - Long An: 46,97 tỷ đồng
- Đầu tư góp vốn tại CTCP Nhà máy ĐMT Trúc Sơn: 46,98 tỷ đồng
- Đầu tư góp vốn tại CTCP Năng lượng VPL: 249,75 tỷ đồng
- Đầu tư góp vốn tại CTCP Thủy điện Gia Lai: 148,98 tỷ đồng
- Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động SXKD của Công ty: 17,05 tỷ đồng

*(*): Tại ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2019, Công ty đã trình Tờ trình 06: Thông qua phương án phát hành cổ phần cho Cổ đông hiện hữu, tăng VĐL năm 2020 ("**Tờ trình 06**"). Tờ trình 06 đã được ĐHĐCĐ phê duyệt thông qua tất cả các nội dung. Tuy nhiên, khi soạn thảo văn bản, do sơ suất trong quá trình tổng hợp, đã dẫn đến Nghị quyết ĐHĐCĐ số 07/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/6/2020 ("**Nghị quyết số 07**") thiếu 02 nội dung tại Điều I.1, là nguyên tắc xác định giá bán và mức độ pha loãng cổ phần; và Biên bản họp ĐHĐCĐ số 01/2020/BB-ĐHĐCĐ ngày 12/6/2020 ("**Biên bản số 01**") thiếu 01 nội dung là mức độ pha loãng cổ phần tại Mục III.6.f.I., so với nội dung đã được thông qua tại Tờ trình 06. Công ty nhận ra và bổ sung các nội dung còn thiếu vào Nghị quyết ĐHĐCĐ số 16/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/6/2020 ("**Nghị quyết số 16**") và dùng Nghị quyết số 16 để nộp hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu.*

Ngày 14/8/2020, Công ty đã công bố thông tin về việc đính chính nội dung Nghị quyết số 07 và Biên bản số 01 theo đúng nội dung của Tờ trình 06. Theo đó, Nghị quyết số 16 sẽ thay thế Nghị quyết số 07 và Biên bản họp ĐHĐCĐ số 02/2020/BB-ĐHĐCĐ ngày 12/6/2020 (Biên bản số 02) sẽ thay thế Biên bản số 01.

Đồng thời, Công ty đã lấy xác nhận các cổ đông lớn của Công ty gồm 4 Cổ đông với tổng tỷ lệ nắm giữ 70,54% vốn cổ phần của GEG gồm: (i) CTCP Đầu tư Thành Thành Công (18,12%); (ii) CTCP Xuất nhập khẩu Bến Tre (19,27%); (iii) IFC (13,99%); và (iv) AVH Pte. Ltd (19,16%). Các Cổ đông lớn của Công ty đã xác nhận và đồng ý chấp thuận các nội dung tại Nghị quyết số 16 và Biên bản số 02 là phù hợp với nội dung như trong Tờ trình 06 đã trình và được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 ngày 12/6/2020.

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán như sau

STT	Tên Dự án	Số tiền sử dụng từ nguồn vốn huy động từ phát hành (tỷ đồng)	Thời gian sử dụng dự kiến
1	Góp vốn CTCP Điện TTC Đức Huệ - Long An để đầu tư các dự án điện mặt trời mái nhà (5 dự án)	46,97	Quý IV/2020
2	Góp vốn CTCP Điện Mặt trời Trúc Sơn để đầu tư các dự án điện mặt trời mái nhà (5 dự án)	46,98	Quý IV/2020
3	Góp vốn vào CTCP Năng lượng VPL để đầu tư dự án Điện Gió V.P.L Bến Tre (30MW)	249,75	Quý I/2021
4	Góp vốn vào CTCP Thủy điện Gia Lai theo Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn của GHC	148,98	Quý IV/2020
5	Bổ sung vốn lưu động	17,05	
	Tổng cộng	**509,73**	

ĐHĐCĐ đã ủy quyền cho HĐQT lập, quyết định chi tiết mục đích, phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành và linh hoạt điều chỉnh việc phân bổ, sử dụng nguồn vốn huy động từ đợt chào bán cổ phần cho Cổ đông hiện hữu; thay đổi mục đích, phương án sử dụng vốn (nếu cần thiết) cho phù hợp với tình hình thực tế bảo đảm lợi ích của Công ty, Cổ đông và báo cáo ĐHĐCĐ gần nhất về các điều chỉnh liên quan đến phương án sử dụng vốn này.

Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu của đợt chào bán cho Cổ đông hiện hữu mà Công ty đăng ký là 70%, tương đương số tiền thu về ít nhất là 356.810.433.000 đồng. Trong trường hợp số tiền thu được từ đợt chào bán cho Cổ đông hiện hữu không đạt 509.729.190.000 đồng do Công ty không chào bán hết 100% cổ phiếu chào bán nhưng vẫn lớn hơn hoặc bằng 356.810.433.000 đồng (đạt tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu 70%), Công ty sẽ tiến hành điều chỉnh giảm số tiền dành cho mục đích đầu tư theo thứ tự ưu tiên giảm như sau:

Thứ tự giảm đầu tư	Tên Dự án	Số tiền giảm tối đa (tỷ đồng)
1	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty	17,05
2	Góp vốn vào công ty CP Năng lượng VPL	135,87
	Tổng cộng	**152,92**

Khi đó, thứ tự triển khai đầu tư vào các dự án sẽ được triển khai như sau:

STT	Tên Dự án	Số tiền sử dụng từ nguồn vốn huy động khi đạt tối thiểu 70% tỷ lệ chào bán (tỷ đồng)
1	Góp vốn CTCP Điện TTC Đức Huệ - Long An để đầu tư các dự án điện mặt trời mái nhà (5 dự án)	46,97
2	Góp vốn CTCP Điện Mặt trời Trúc Sơn để đầu tư các dự án điện mặt trời mái nhà (5 dự án)	46,98
3	Góp vốn vào công ty CP Năng lượng VPL	113,88
4	Góp vốn vào CTCP Thủy điện Gia Lai theo Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn của GHC	148,98
	Tổng cộng	**356,81**

2. Thông tin dự án đầu tư của các công ty con

CTCP Điện Gia Lai sử dụng 492,68 tỷ đồng để đầu tư góp vốn tại 04 công ty con (CTCP Điện TTC Đức Huệ - Long An, CTCP Nhà máy ĐMT Trúc Sơn, CTCP Năng lượng VPL, CTCP Thủy điện Gia Lai). Các công ty con huy động vốn để bổ sung vốn triển khai thực hiện các dự án đầu tư dự kiến như sau:

2.1 CTCP Điện TTC Đức Huệ - Long An

2.1.1 Thông tin tổng quan

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TTC ĐỨC HUỆ - LONG AN
- Địa chỉ: Số nhà 92, đường 838, khu phố 2, thị trấn Đông Thành, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, Việt Nam

- Giấy chứng nhận ĐKKD: Số 1101860490 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp lần đầu ngày 28/08/2017, thay đổi lần thứ 03 ngày 07/01/2019
- Vốn điều lệ hiện hữu: 324.000.000.000 đồng
- VĐL GEC sở hữu: 323.800.000.000 đồng
- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
- Mối quan hệ với GEC: Hiện GEC là công ty mẹ, nắm giữ 99,94% VĐL của Công ty Đức Huệ
- Một số chỉ tiêu tài chính của CTCP Điện TTC Đức Huệ - Long An:

CHỈ TIÊU	NĂM 2019 (VND)
Tổng Tài sản	983.823.929.152
Vốn Chủ sở hữu	336.290.828.870
Doanh thu thuần	112.326.348.119
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	40.066.475.088
Lợi nhuận trước thuế	40.137.673.706
Lợi nhuận sau thuế	38.248.232.863

2.1.2 Nhu cầu tăng vốn điều lệ

Ngành điện hiện nay đang chịu nhiều áp lực về bảo đảm cung ứng điện, việc phát triển các dự án năng lượng sạch; trong đó có ĐMT trên mái nhà (hay còn gọi là ĐMT Áp mái) được xem là một trong những giải pháp góp phần giảm áp lực đầu tư cho ngành điện. Hiện nay, hệ thống năng lượng mặt trời đã có tác dụng làm giảm quá tải lưới điện truyền tải từ các nguồn điện truyền thống. Ngoài ra, ĐMT Áp mái với quy mô nhỏ, thích hợp để khuyến khích nhiều cá nhân, tổ chức tham gia đầu tư kinh doanh, đạt mục tiêu xã hội hóa; dễ dàng huy động các nguồn vốn. Nhận thấy những ưu điểm mang lại từ việc đầu tư hệ thống ĐMT Áp mái, do đó CTCP Điện TTC Đức Huệ - Long An đã tiến hành hợp tác đầu tư cùng với hộ kinh doanh nông nghiệp sở hữu diện tích mái nhà lớn để tiến hành hợp tác đầu tư ĐMT Áp mái, nhằm gia tăng lợi ích kinh tế và giảm áp lực ngành điện.

CTCP Điện TTC Đức Huệ - Long An hiện nay đang quản lý và vận hành nhà máy ĐMT Đức Huệ 1 có công suất 49 MWp. Hiện tại các nhà máy đang vận hành hiệu quả, ổn định, định hướng năm 2020 sẽ mở rộng quy mô SXKD, mở rộng phát triển ĐMT Áp mái trên cơ sở tiếp cận, hợp tác phát triển Điện mái nhà cùng với các hộ kinh doanh nông nghiệp nhằm gắn kết hơn nữa công cuộc phát triển Công ty với kinh tế xã hội địa phương.

Trong năm 2020, CTCP Điện TTC Đức Huệ - Long An dự kiến đầu tư 5 dự án với tổng giá trị đầu tư gần 99 tỷ đồng, trong đó vốn góp dự kiến của Chủ sở hữu gần 47 tỷ đồng. Theo Nghị quyết số 17/2020/NQ-HĐQT ban hành ngày 24/06/2020 đồng ý chấp thuận chủ trương tăng vốn cho các CTTV, với tỷ lệ sở hữu chiếm 99,94% VĐL của CTCP Điện TTC Đức Huệ - Long An, GEC sẽ góp tương ứng 46,97 tỷ đồng.Công ty Đức Huệ có kế hoạch tăng vốn nhằm mục đích phục vụ cho dự

án nông nghiệp kết hợp ĐMT Áp mái, cụ thể như sau Công ty Đức Huệ có kế hoạch tăng vốn nhằm mục đích phục vụ cho dự án nông nghiệp kết hợp ĐMT Áp mái, cụ thể như sau:

- Mục đích tăng vốn: Hợp tác đầu tư với các tổ chức/các nhân đang sở hữu mái nhà có diện tích lớn để phát triển các dự án ĐMT Áp mái tại các tỉnh: tỉnh Tây Ninh, tỉnh Bình Thuận, tỉnh Hậu Giang… với tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 98,5 tỷ đồng, trong đó:
  - Tổng công suất dự kiến: 4.968 kWp
  - Nguồn VCSH tham gia: 47 tỷ đồng
  - Nguồn vốn vay/vốn góp khác dự kiến: 51,5 tỷ đồng

2.1.3 Căn cứ triển khai của dự án đầu tư

i. Chủ trương đầu tư dự án

- Nghị quyết số 20/2019/NQ-HĐQT ngày 05/08/2019 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Điện Gia Lai có nội dung thống nhất chủ trương đầu tư phát triển các dự án nông nghiệp kết hợp ĐMT mái nhà có quy mô dưới 1 MWp;
- Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐQT ngày 20/06/2019 của Hội đồng quản trị Công ty CP Điện TTC Đức Huệ - Long An về việc chấp thuận chủ trương đầu tư phát triển các dự án nông nghiệp kết hợp ĐMT mái nhà có quy mô dưới 01MWp.

ii. Căn cứ pháp lý triển khai dự án

Văn bản	Dự án Hậu Giang 1	Dự án Phước Dinh 1	Dự án Bình Tân 1	Dự án Sông Bình 1	Dự án Tây Ninh 1
Tờ trình HĐQT về việc Phê duyệt dự án đầu tư	45B/2019/TTr-ĐH ngày 20/8/2019	36A/2019/TTr-ĐH.PD ngày 28/6/2019	43D/2019/TTr-ĐH-BT ngày 2/8/2019	43C/2019/TTr-ĐH-SB ngày 2/8/2019	43A/2019/TT-ĐH ngày 31/7/2019
Văn bản chấp thuận chủ trương đồng ý triển khai dự án nông nghiệp của cấp thẩm quyền	2761/UBND-CN ngày 25/9/2019		1633/UBND-SX ngày 8/8/2019	1635/UBND-SX ngày 8/8/2019	944/UBND ngày 8/8/2019
Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản gắn liền với đất	CV109163, CV263630	CA442415	BQ264019	CL892430	CT286044
Hợp đồng hợp tác đầu tư giữa Công ty và các cá nhân	20/08/2019	01/8/2019 (*)	02/08/2019	02/08/2019	02/12/2019
Thỏa thuận đấu nối điện lực	-	54/2019 ngày 21/8/2019	-	-	-

(*): Hợp đồng hợp tác đầu tư giữa CTCP Điện TTC Đức Huệ - Long An và đối tác thực hiện dự án Phước Dinh 1 tại xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận đã được Điện lực Thuận Nam thống nhất phương án đấu nối đường dây trung áp 3 pha 1.250kVA cấp điện tự dùng theo văn bản số 54/2019 ngày 21/08/2019. Phía đối tác đang tiến hành các thủ tục để xin cấp giấy phép xây dựng và xin chủ trương phê duyệt đề án nông nghiệp.

2.1.4 Mô tả chi tiết về dự án

Dự án nông nghiệp kết hợp ĐMT Áp mái là dự án đầu tư giữa CTCP Điện TTC Đức Huệ - Long An và các hộ kinh doanh nông nghiệp thông qua hợp đồng hợp tác kinh doanh với các nội dung cụ thể như sau:

- Số lượng dự án triển khai: 5 dự án bao gồm dự án Hậu Giang 1, Phước Dinh 1, Bình Tân 1, Sông Bình 1 và Tây Ninh 1.
- Công suất ĐMT Áp mái: 993,6 kWp/dự án, tổng công suất triển khai: 4.968 kWp
- Địa điểm triển khai: tại các tỉnh Tây Ninh, Bình Thuận, Hậu Giang, Ninh Thuận.
- Mục tiêu triển khai: cung cấp các sản phẩm nông nghiệp ra thị trường trong nước và hướng đến xuất khẩu; cung cấp một phần điện tự dùng cho dự án và bổ sung nguồn cấp điện tại chỗ cho khu vực.
- Hình thức triển khai dự án: Hợp tác với các cá nhân đang sở hữu diện tích mái nhà lớn thông qua hợp đồng hợp tác đầu tư để đầu tư hệ thống ĐMT Áp mái và phát triển nông nghiệp.
- Thời hạn triển khai hợp tác đầu tư: 20 năm

2.1.5 Đánh giá hiệu quả kinh tế dự án - xã hội của dự án

Các dự án nông nghiệp kết hợp ĐMT Áp mái đi vào vận hành vào cuối Quý IV/2020, giúp bổ sung nguồn nông sản cho nhu cầu tiêu thụ trong nước nói chung và của cả khu vực nói riêng, góp phần nâng cao đời sống xã hội và tăng thêm nguồn thu của tỉnh.

Bên cạnh đó, hệ thống ĐMT Áp mái khi đi vào vận hành sẽ cung cấp một nguồn điện tại chỗ trong khu vực, đảm bảo an ninh năng lượng, góp phần làm giảm bớt áp lực cho hệ thống điện Quốc gia, đồng thời phát triển mạnh nguồn NLTT, đặc biệt ĐMT Áp mái. Khi dự án đi vào vận hành sẽ góp phần làm giảm ô nhiễm môi trường, góp phần thực hiện các cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

2.1.6 Hiện trạng dự án

STT	Dự án	Hiện trạng triển khai	Các bước triển khai tiếp theo
1	Hậu Giang 1	Đang triển khai các công tác pháp lý như giấy phép xây dựng, thỏa thuận đấu nối, đàm phán hợp đồng mua bán điện và tiến hành triển khai công tác chọn thầu thi công	– Tiến hành triển khai xây dựng và lắp đặt thiết bị – Dự kiến hoàn thành lắp đặt công tơ đo đếm 2 chiều và đưa dự án vào vận hành Quý IV//2020
2	Phước Dinh	Đang triển khai các công tác pháp lý như xin phép đề án nông nghiệp, giấy phép xây dựng, đàm phán hợp đồng mua bán điện và tiến hành triển khai công tác chọn thầu	
3	Bình Tân 1	Đang triển khai các công tác pháp lý như giấy phép xây dựng, thỏa thuận đấu nối, đàm phán hợp đồng mua bán điện và tiến hành triển khai công tác chọn thầu thi công	
4	Sông Bình 1	Đang triển khai các công tác pháp lý như giấy phép xây dựng, thỏa thuận đấu nối, đàm phán hợp đồng mua bán điện và tiến hành triển khai công tác chọn thầu thi công	

5	Tây Ninh 1	Đang triển khai các công tác pháp lý như giấy phép xây dựng, thỏa thuận đấu nối, đàm phán hợp đồng mua bán điện và tiến hành triển khai công tác chọn thầu thi công	

2.2 CTCP Nhà máy Điện mặt trời Trúc Sơn

2.2.1 Thông tin tổng quan

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ MÁY ĐIỆN MẶT TRỜI TRÚC SƠN
- Địa chỉ: 06 Ngô Quyền, Thị trấn Ea T-Ling, huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông, Việt Nam
- Giấy chứng nhận ĐKKD: Số 6400396685 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư tỉnh Đăk Nông cấp lần đầu ngày 26/10/2018, thay đổi lần thứ 03 ngày 11/7/2019
- Vốn điều lệ hiện hữu: 302.000.000.000 đồng
- VĐL GEC sở hữu: 301.864.250.000 đồng
- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
- Mối quan hệ với GEC: Hiện GEC là công ty mẹ, nắm giữ 99,96% VĐL của Công ty Trúc Sơn
- Một số chỉ tiêu tài chính của CTCP Nhà máy ĐMT Trúc Sơn:

CHỈ TIÊU	NĂM 2019 (VND)
Tổng Tài sản	859.534.604.230
Vốn Chủ sở hữu	322.327.135.916
Doanh thu thuần	74.259.815.532
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	21.388.454.140
Lợi nhuận trước thuế	20.381.419.253
Lợi nhuận sau thuế	20.327.135.916

2.2.2 Nhu cầu tăng vốn điều lệ

Ngành điện hiện nay đang chịu nhiều áp lực về bảo đảm cung ứng điện, việc phát triển các dự án năng lượng sạch; trong đó có ĐMT trên mái nhà (hay còn gọi là ĐMT Áp mái) được xem là một trong những giải pháp góp phần giảm áp lực đầu tư cho ngành điện. Hiện nay, hệ thống năng lượng mặt trời đã có tác dụng làm giảm quá tải lưới điện truyền tải từ các nguồn điện truyền thống. Ngoài ra, ĐMT Áp mái với quy mô nhỏ, thích hợp để khuyến khích nhiều cá nhân, tổ chức tham gia đầu tư kinh doanh, đạt mục tiêu xã hội hóa; dễ dàng huy động các nguồn vốn. Nhận thấy những ưu điểm mang lại từ việc đầu tư hệ thống ĐMT Áp mái, do đó CTCP Nhà máy ĐMT Trúc Sơn đã tiến hành hợp tác đầu tư cùng với hộ kinh doanh nông nghiệp sở hữu diện tích mái nhà lớn để tiến hành hợp tác đầu tư ĐMT Áp mái, nhằm gia tăng lợi ích kinh tế và giảm áp lực ngành điện.

CTCP Nhà máy ĐMT Trúc Sơn hiện nay đang quản lý và vận hành nhà máy ĐMT Trúc Sơn có công suất 44,4 MWp. Hiện tại các nhà máy đang vận hành hiệu quả, ổn định, định hướng năm 2020 sẽ mở rộng quy mô SXKD, mở rộng phát triển ĐMT Áp mái trên cơ sở tiếp cận, hợp tác phát

triển Điện mái nhà cùng với các hộ kinh doanh nông nghiệp nhằm gắn kết hơn nữa công cuộc phát triển Công ty với kinh tế xã hội địa phương.

Trong năm 2020, CTCP Nhà máy ĐMT Trúc Sơn dự kiến đầu tư 5 dự án với tổng giá trị đầu tư gần 99 tỷ đồng, trong đó vốn góp dự kiến của Chủ sở hữu là 47 tỷ đồng. Theo Nghị quyết số 17/2020/NQ-HĐQT ban hành ngày 24/6/2020 đồng ý chấp thuận chủ trương tăng vốn cho các CTTV, với tỷ lệ sở hữu chiếm 99,96%VĐL của CTCP Nhà máy ĐMT Trúc Sơn, GEC sẽ góp tương ứng 46,98 tỷ đồng. Toàn bộ nguồn tiền được sử dụng để góp vốn điều lệ được GEC huy động được từ việc phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu. CTCP Nhà máy ĐMT Trúc Sơn có kế hoạch tăng vốn nhằm mục đích phục vụ cho dự án nông nghiệp kết hợp ĐMT Áp mái, cụ thể như sau:

- Mục đích tăng vốn: Hợp tác đầu tư với các tổ chức/các nhân đang sở hữu mái nhà có diện tích lớn để phát triển các dự án ĐMT tại các tỉnh: tỉnh Tây Ninh, tỉnh Bình Thuận, tỉnh Hậu Giang… với tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 98,5 tỷ đồng, trong đó:
  - Tổng công suất dự kiến: 4.968 kWp
  - Nguồn VCSH tham gia: 47 tỷ đồng
  - Nguồn vốn vay/vốn góp khác dự kiến: 51,5 tỷ đồng

2.2.3 Căn cứ triển khai của dự án đầu tư

i. Chủ trương đầu tư dự án

- Nghị quyết số 20/2019/NQ-HĐQT ngày 05/08/2019 của HĐQT CTCP Điện Gia Lai có nội dung thống nhất chủ trương đầu tư phát triển các dự án nông nghiệp kết hợp ĐMT mái nhà có quy mô dưới 1 MWp;
- Nghị quyết số 22A/2019/NQ-HĐQT ngày 20/6/2019 của HĐQT CTCP Nhà máy ĐMT Trúc Sơn về việc chấp thuận chủ trương đầu tư phát triển các dự án nông nghiệp kết hợp ĐMT mái nhà có quy mô dưới 01 MWp.

ii. Căn cứ pháp lý triển khai dự án

Văn bản	Bình Tân 2	Tây Ninh 2	Phước Dinh 2	Sông Bình 2	K'Dang
Tờ trình HĐQT về việc Phê duyệt dự án đầu tư	01A/2019/TTr-ĐMTTS-BT ngày 30/7/2019	01/2019/TTr-TS.TN ngày 30/7/2019	01C/2019/TTr-TS.PD ngày 28/6/2019	01B/2019/TTr-ĐMTTS-SB ngày 30/7/2019	09A/2019/TT-TS ngày 23/9/2019
Văn bản chấp thuận chủ trương đồng ý triển khai dự án nông nghiệp của cấp thẩm quyền	1636/UBND-SX ngày 8/8/2019	944/UBND ngày 8/8/2019	-	1632/UBND-SX ngày 8/8/2019	1980/UBND-KT ngày 22/11/2019
Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản gắn liền với đất	BS735690	CT286044	CA442412	CL892432	CQ722087 BX135918 CN358366
Hợp đồng hợp tác đầu tư giữa Công ty và cá nhân	18/11/2019	12/8/2019	30/8/2019	18/11/2019	26/11/2019

Thỏa thuận đấu nối điện lực	-	-	57/2019 ngày 25/8/2019	-	-

2.2.4 Mô tả chi tiết về dự án

Dự án nông nghiệp kết hợp ĐMT Áp mái là dự án đầu tư giữa CTCP Nhà máy ĐMT Trúc Sơn và các hộ kinh doanh nông nghiệp thông qua hợp đồng hợp tác kinh doanh với các nội dung cụ thể như sau:

- Số lượng dự án triển khai: 5 dự án bao gồm dự án Bình Tân 2, Tây Ninh 2, Phước Dinh 2, Sông Bình 2 và K'Dang
- Công suất ĐMT Áp mái: 993,6 kWp/dự án, tổng công suất triển khai: 4.968 kWp
- Địa điểm triển khai: tại các tỉnh Gia Lai, Bình Thuận, Tây Ninh, Ninh Thuận.
- Mục tiêu triển khai: cung cấp các sản phẩm nông nghiệp ra thị trường trong nước và hướng đến xuất khẩu; cung cấp một phần điện tự dùng cho dự án và bổ sung nguồn cấp điện tại chỗ cho khu vực.
- Hình thức triển khai dự án: Hợp tác với các cá nhân đang sở hữu diện tích mái nhà lớn thông qua hợp đồng hợp tác đầu tư để đầu tư hệ thống ĐMT Áp mái và phát triển nông nghiệp.
- Thời hạn triển khai hợp tác đầu tư: 20 năm

2.2.5 Đánh giá hiệu quả kinh tế xã hội dự án

Các dự án nông nghiệp kết hợp ĐMT Áp mái đi vào vận hành vào cuối Quý IV/2020, giúp bổ sung nguồn nông sản cho nhu cầu tiêu thụ trong nước nói chung và của cả khu vực nói riêng, góp phần nâng cao đời sống xã hội và tăng thêm nguồn thu của tỉnh.

Bên cạnh đó, hệ thống ĐMT Áp mái khi đi vào vận hành sẽ cung cấp một nguồn điện tại chỗ trong khu vực, đảm bảo an ninh năng lượng, góp phần làm giảm bớt áp lực cho hệ thống điện Quốc gia, đồng thời phát triển mạnh nguồn NLTT, đặc biệt ĐMT Áp mái. Khi dự án đi vào vận hành sẽ góp phần làm giảm ô nhiễm môi trường, góp phần thực hiện các cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

2.2.6 Hiện trạng dự án

STT	Dự án	Hiện trạng triển khai	Các bước triển khai tiếp theo
1	Bình Tân 2	Đang triển khai các công tác pháp lý như giấy phép xây dựng, thỏa thuận đấu nối, đàm phán hợp đồng mua bán điện và tiến hành triển khai công tác chọn thầu thi công	- Tiến hành triển khai xây dựng và lắp đặt thiết bị - Dự kiến hoàn thành lắp đặt công tơ đo đếm 2 chiều và đưa dự án vào vận hành Quý IV/2020
2	Tây Ninh 2	Đang triển khai các công tác pháp lý như giấy phép xây dựng, thỏa thuận đấu nối, đàm phán hợp đồng mua bán điện và tiến hành triển khai công tác chọn thầu thi công	
3	Phước Dinh 2	Đang triển khai các công tác pháp lý như xin phép đề án nông nghiệp, giấy phép xây dựng, đàm phán hợp đồng mua bán điện và tiến hành triển khai công tác chọn thầu thi công	

4	Sông Bình 2	Đang triển khai các công tác pháp lý như giấy phép xây dựng, thỏa thuận đấu nối, đàm phán hợp đồng mua bán điện và tiến hành triển khai công tác chọn thầu thi công	
5	K'Dang	Đang triển khai các công tác pháp lý như giấy phép xây dựng, thỏa thuận đấu nối, đàm phán hợp đồng mua bán điện và tiến hành triển khai công tác chọn thầu thi công	

2.3 CTCP Năng lượng VPL

2.3.1 Thông tin tổng quan

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VPL
- Tên giao nước ngoài: VPL ENERGY JOINT STOCK COMPANY
- Địa chỉ: Số 16, Hai Bà Trưng, phường An Hội, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
- Giấy chứng nhận ĐKKD: Số 1301026028 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp lần đầu ngày 10/3/2017, thay đổi lần thứ 4 ngày 29/05/2020
- Vốn điều lệ hiện hữu: 200.000.000.000 đồng
- VĐL GEC sở hữu: 199.799.900.000 đồng
- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
- Mối quan hệ với GEC: Tính đến thời điểm cuối tháng 6/2020, GEC là công ty mẹ, nắm giữ 99,9% VĐL của CTCP Năng lượng VPL.
- Một số chỉ tiêu tài chính của CTCP Năng lượng VPL:

CHỈ TIÊU	NĂM 2019 (VND)
Tổng Tài sản	201.199.353.829
Vốn Chủ sở hữu	199.854.353.829
Doanh thu thuần	-
Lợi nhuận/Lỗ từ hoạt động kinh doanh	(137.279.141)
Lợi nhuận trước thuế	(137.279.141)
Lợi nhuận sau thuế	(137.279.141)

2.3.2 Nhu cầu tăng vốn điều lệ

- CTCP Năng lượng VPL đang là chủ đầu tư của dự án nhà máy Điện Gió V.P.L Bến Tre giai đoạn 1 có công suất 30 MW. Hiện tại, dự án đang trong quá trình triển khai xây dựng, dự kiến hoàn thành đóng điện và đưa vào vận hành trước tháng 11/2021. Vì vậy, việc tăng VĐL của CTCP Năng lượng VPL là cần thiết nhằm đảm bảo dự án triển khai được triển khai đúng tiến độ và được hưởng các cơ chế ưu đãi theo quyết định số 39/2018/QĐ-TTg về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án Điện Gió tại Việt Nam.

2.3.3 Căn cứ pháp lý dự án.

- Quyết định số 2497/QĐ-BCT do Bộ Công Thương ban hành ngày 18/03/2015 về việc Phê duyệt "Quy hoạch phát triển Điện Gió tỉnh Bến Tre giai đoạn đến 2020, tầm nhìn đến năm 2030";

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu số 7150110017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre ban hành ngày 17/11/2017;
- Công văn chấp thuận mua điện của dự án nhà máy Điện Gió V.P.L Bến Tre số 499/EVN-KH-TTĐ do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành ngày 29/1/2018;
- Quyết định chủ trương đầu tư số 1924/QĐ-UBND do UBND tỉnh Bến Tre ban hành ngày 17/9/2018;
- Công văn số 2457/SCT-QLNL do Sở Công Thương tỉnh Bến Tre ban hành ngày 26/12/2018 về việc thông báo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở của dự án Nhà máy Điện Gió VPL Bến Tre - 30MW;
- Công văn số 110/SXD-QHKTĐT do Sở Xây Dựng tỉnh Bến Tre ban hành ngày 18/01/2019 về việc ý kiến miễn giấy phép xây dựng Dự án Nhà máy Điện Gió;
- Công văn số 1099/STNMT-CCBHĐ do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre ban hành ngày 23/04/2019 về việc phúc đáp Công văn của CTCP Năng lượng VPL, xác nhận vị trí tọa độ các tuabin điện gió nằm bên ngoài đường mép nước biển thấp nhất trung bình nhiều năm (18,6 năm);
- Quyết định số 973/QĐ-UBND do UBND tỉnh Bến Tre ban hành ngày 14/5/2019 về việc Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án "Nhà máy điện gió V.P.L Bến Tre, giai đoạn 1 - 30MW;
- Công văn số 455/SCT-QLNL do Sở Công Thương tỉnh Bến Tre ban hành ngày 20/3/2020 về việc Điều chỉnh một số nội dung của hồ sơ thiết kế cơ sở dự án Nhà máy Điện Gió V.P.L Bến Tre;
- Thỏa thuận thiết kế kỹ thuật hạng mục SCADA và Viễn thông dự án Nhà máy Điện Gió VPL Bến Tre giữa Trung tâm điều độ hệ thống điện Quốc gia và CTCP Năng lượng VPL ngày 11/3/2019;
- Hợp đồng mua bán điện số 05/2019/HĐ-NMĐG-VPL giữa Công ty CP Năng lượng VPL và Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN) ngày 9/5/2019;
- Thỏa thuận thiết kế kỹ thuật hệ thống rơ le bảo vệ và tự động số 18/2018/ĐĐQG-TTRL giữa Trung tâm điều độ hệ thống điện Quốc gia và CTCP Năng lượng VPL ngày 12/3/2019;
- Thỏa thuận đấu nối số 10/2018/EVN SPC-WIND.VPL-BENTRE giữa Tổng công ty Điện lực miền Nam và CTCP năng lượng VPL ban hành ngày 12/10/2018;
- Biên bản thỏa thuận nguyên tắc số 0118/VPLE giữa CTCP Năng lượng VPL và CTCP Điện Gió Mê Kông ngày 11/10/2018 về việc Cho phép nhà máy Điện Gió VPL Bến Tre - 30MW đấu nối vào trạm biến áp 110kV của nhà máy Điện Gió Mê Kông;

2.3.4 Mô tả chi tiết về dự án

- Tên dự án: Nhà máy Điện Gió V.P.L Bến Tre
- Công suất: 30 MW
- Chủ đầu tư: Công tư Cổ phần Năng lượng VPL
- Cơ cấu sở hữu: Đến thời điểm cuối tháng 6/2020, GEC (99,9%), Cổ đông khác (0,1%)
- Địa điểm xây dựng: bãi bồi ven biển xã Thời Thuận, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre
- Nhóm dự án, loại, cấp, quy mô công trình: nhóm B, công trình công nghiệp, cấp II
- Thời gian thực hiện: từ lúc M&A đến tháng 8/2021
- Các hạng mục xây dựng chính bao gồm:

- Số lượng móng trụ, tuabin gió lắp đặt là 7 móng trụ, tuabin
- Chiều cao tháp trụ tuabin: 94,7m
- Đường kính tuabin: 146 m
- Độ cao dự kiến xây dựng công trình: 180m
- Hệ thống cáp ngầm 22kV đấu nối vào các tua bin gió và thu gôm đấu nối vào trạm nâng áp 22/110kV nhà máy Điện Gió VPL Bến Tre
- Trạm biến áp nâng áp 0,69/22kV - 2500kvA
- Trạm nâng áp 22/110kV - 1x40MVA
- Mở rộng thanh cái 110kV tại TBA 110kV nhà máy Điện Gió Bình Đại;
- Đường dây 110kV từ trạm nâng áp dự kiến đấu nối đến thanh cái 110kV trạm 110V nhà máy Điện Gió Bình Đại
- Hệ thống đường giao thông nội bộ trong nhà máy bằng cầu dẫn
- Khu quản lý nhà điều hành
- Sân bãi phục vụ thi công….

2.3.5 Đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án

i. Đáp ứng nhu cầu tăng trưởng phụ tải điện

Dự án Nhà máy Điện Gió V.P.L Bến Tre - 30MW dự kiến đưa vào vận hành thương mại từ Quý IV/2021 sẽ đáp ứng một phần nhu cầu tăng trưởng phụ điện của hệ thống điện Việt Nam. Mặt khác, dự án cũng góp phần làm tăng tỷ trọng giữa nguồn NLTT so với các nguồn khác trong hệ thống điện, góp phần làm ổn định việc cung cấp điện cho nền kinh tế.

ii. Tạo việc làm cho người lao động

Dự án nhà máy Điện Gió V.P.L Bến Tre - 30MW sẽ tạo ra thêm việc làm cho người lao động trong nhà máy điện với mức thu nhập ổn định, góp phần phát triển kinh tế xã hội khu vực; là động lực để kéo theo các ngành khác trong khu vực phát triển.

iii. Phát triển dân sinh, kinh tế vùng

Dự án Nhà máy Điện Gió V.P.L Bến Tre - 30MW với quy mô đầu tư lớn, công nghệ tiên tiến, hiện đại sẽ đóng góp vai trò quan trọng trong việc phát triển lưới điện của khu vực là cơ sở để tạo điều kiện thuận lợi để phát triển các ngành công nghiệp, dịch vụ, y tế, giáo dục... Khi dự án đi vào hoạt động sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho địa phương trong việc phát triển văn hoá xã hội, tăng thu nhập cho người lao động và tăng sản lượng hàng hoá sản xuất tại địa phương.

Đối với ngân sách nhà nước, dự án sẽ mang lại nguồn thu nhập từ các loại thuế, đồng thời dự án sẽ khuyến khích, thu hút các dự án khác vào khu vực này.

iv. Giảm lượng phát thải CO_2

Hoạt động của dự án sẽ giảm phát thải khí nhà kính bằng việc sản xuất điện không sử dụng nhiên liệu hoá thạch (phát thải CO_2) và như vậy tránh được phát thải CO_2 cho lưới điện quốc gia.

2.3.6 Hiện trạng của dự án

- Dự án triển khai theo hình thức thầu EPC. Hiện tại đã hoàn thành công tác ký kết hợp đồng EPC trong tháng 5/2020.

- Các mốc triển khai dự án dự kiến:
  - Tháng 4/2020: đã đặt mua turbine;
  - Tháng 4/2020: Hoàn thành thiết kế và phê duyệt;
  - Tháng 2/2021: Hoàn thành xây dựng đường dây và trạm biến áp;
  - Tháng 5/2021: Turbine đến cảng; Hoàn thành xây dựng móng;
  - Tháng 8/2021: Hoàn thành lắp đặt turbine

2.4 CTCP Thủy điện Gia Lai

2.4.1 Thông tin tổng quan

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI
- Tên giao nước ngoài: GIA LAI HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: GHC
- Địa chỉ: 114 Trường Chinh, Phường Phù Đổng, TP PLeiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
- Giấy chứng nhận ĐKKD: Số 5900288566 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 23/5/2002, thay đổi lần thứ 11 ngày 16/4/2019
- Vốn điều lệ hiện hữu 205.000.000.000 đồng
- VĐL GEC sở hữu: 119.193.640.000 đồng
- Ngành nghề kinh doanh chính: Đầu tư xây dựng các công trình thủy điện vừa và nhỏ, công trình công nghiệp; Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
- Mối quan hệ với GEC: Hiện GEC là công ty mẹ, nắm giữ 58,14% VĐL của GHC
- Một số chỉ tiêu tài chính của GHC:

CHỈ TIÊU	NĂM 2019 (VND)
Tổng Tài sản	1.128.088.117.163
Vốn Chủ sở hữu	359.573.963.792
Doanh thu thuần	244.238.178.483
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	101.017.500.878
Lợi nhuận trước thuế	101.362.068.532
Lợi nhuận sau thuế	94.761.946.634

2.4.2 Nhu cầu tăng vốn điều lệ của GHC

CTCP Thủy điện Gia Lai hiện nay đang quản lý và vận hành 2 NMTĐ có tổng công suất 28,2 MW và nhà máy ĐMT Hàm Phú 2 có công suất 49 MWp. Hiện tại các nhà máy đang vận hành hiệu quả, ổn định. Với mục tiêu mở rộng quy mô SXKD, ĐHĐCĐ đã chấp thuận thông qua việc tăng VĐL theo Nghị Quyết số 02/2019/NQ-ĐHĐCĐ do Công ty GHC ban hành ngày 5/12/2019. Theo đó, phương án sử dụng vốn được Công ty điều chỉnh theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐQT ngày 6/3/2020 như sau:

- Hợp tác đầu tư với các tổ chức/các nhân đang sở hữu mái nhà có diện tích lớn để phát triển các dự án ĐMT tại các tỉnh: tỉnh Thừa Thiên Huế, tỉnh Gia Lai, tỉnh Bình Thuận, tỉnh Hậu Giang… với tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 334,91 tỷ đồng, trong đó:
  - Nguồn vốn đối ứng huy động từ phát hành cổ phiếu dự kiến khoảng 219,14 tỷ đồng;
  - Vốn góp của các tổ chức/ cá nhân sở hữu mái nhà: 15,3 tỷ đồng
  - Nguồn vốn vay dự kiến khoảng 100,47 tỷ đồng
- Bổ sung vốn lưu động: 37,11 tỷ đồng

Theo đó, phương án tăng vốn - phát hành cổ phần chào bán cho cổ đông hiện hữu được cụ thể như sau:

Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành:	10.250.000 cổ phiếu
Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá:	102.500.000.000 đồng
Vốn điều lệ sau khi phát hành:	307.500.000.000 đồng
Đối tượng phát hành	Cổ đông hiện hữu của Công ty có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phần
Phương thức phát hành	Tỷ lệ thực hiện quyền là: 2:1 (nghĩa là cổ đông sở hữu 02 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách cổ đông sẽ được quyền mua thêm 01 cổ phiếu mới phát hành thêm).
Giá chào bán:	25.000 đồng/cổ phần
Tổng số tiền dự kiến thu được	256.250.000.000 đồng

- Danh mục các dự án triển khai:

01. Điền Hòa	Thừa Thiên Huế
02. Ia Me 1	Gia Lai
03. Krong Pa 1	Gia Lai
04. Ia Le - Chư Pưh	Gia Lai
05. H'Bông, Chư Sê	Gia Lai
06. Pờ Tó 1	Gia Lai
07. Pờ Tó 2	Gia Lai
08. Sông Bình 3	Bình Thuận
09. Ia Me 2	Gia Lai
10. Mang Yang 1 - Lơ Pang	Gia Lai
11. Mang Yang 2 - Blên	Gia Lai
12. Bàu Cạn 1	Gia Lai
13. Hà Tây 1	Gia Lai

14. Hà Tây 2	Gia Lai
15. Ia Băng - Đăk Đoa	Gia Lai
16. Hậu Giang 2	Hậu Giang
17. Hậu Giang 3	Hậu Giang

Theo phương án nêu trên, với tỷ lệ sở hữu của GEC tại GHC là 58,14%, GEC sẽ mua 5.959.350 cổ phần tương ứng với giá trị 148,98 tỷ đồng căn cứ trên giá chào bán 25.000 đồng/cổ phần. Toàn bộ nguồn tiền được sử dụng để mua số lượng cổ phiếu phát hành trên được GEC huy động được từ việc phát hành cổ phiếu chào bán cho Cổ đông hiện hữu.

3. Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Số tiền còn lại huy động được từ đợt chào bán cho Cổ đông hiện hữu sau khi phân bổ vào các dự án nêu trên sẽ được bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động SXKD của CTCP Điện Gia Lai.

4. Chi tiết kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cho Cổ đông hiện hữu

4.1 Góp vốn đầu tư vào các Công ty thành viên

STT	Nội dung	Số tiền đầu tư (tỷ đồng)	
		Quý IV/2020	Quý I/2021
1	Góp vốn CTCP Điện TTC Đức Huệ - Long An để đầu tư các dự án ĐMT mái nhà (5 dự án)	46,97	
2	Góp vốn CTCP Điện Mặt trời Trúc Sơn để đầu tư các dự án ĐMT mái nhà (5 dự án)	46,98	
3	Góp vốn vào CTCP Năng lượng VPL để đầu tư dự án Điện Gió V.P.L Bến Tre (30MW)		249,75
4	Góp vốn vào CTCP Thủy điện Gia Lai theo Nghị Quyết số 06/2020/NQ-HĐQT do Công ty GHC ban hành ngày 06/03/2020.	148,98	

4.2 Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Stt	Dự án	Giá trị (tỷ đồng)
1	Chi phí sản xuất kinh doanh	17,05

Tùy theo điều kiện thực tế triển khai các dự án, số tiền huy động vốn từ đợt phát hành sẽ được điều chỉnh phân bổ cho các dự án nhằm mang lại hiệu quả tối đa cho Công ty. Trong trường hợp nguồn vốn huy động còn thừa sau khi phân bổ cho các dự án, nguồn vốn này sẽ được sử dụng để tái cấu trúc vốn tại Công ty hoặc bổ sung vốn lưu động.

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC CHÀO BÁN

1. Tổ chức chào bán

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI

Địa chỉ: 114 Trường Chinh, P.Phù Đổng, TP.Pleiku, Tỉnh Gia Lai

Điện thoại: (0269) 385 4464 Fax: (0269) 382 6365

Email: info@geccom.vn Trang Web: www.geccom.vn

2. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH PWC VIỆT NAM

Địa chỉ: 29 Lê Duẩn, P.Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại: (028) 3823 0796

Trang Web: www.pwc.com/vn

3. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ, P. Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại: (028) 3824 2897 Fax: (08) 3824 2997

Email: ssi@ssi.com.vn Trang Web: www.ssi.com.vn

IX. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp
2. Phụ lục II: Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng quản trị
3. Phu lục III: Điều lệ Công ty
4. Phu lục IV: Báo cáo tài chính kiểm toán và Báo cáo tài chính quý gần nhất
5. Phụ lục V: Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được của đợt chào bán gần nhất
6. Các Phụ lục khác.

X. Ngày tháng, chữ ký, đóng dấu của các đại điện tổ chức phát hành, tổ chức tư vấn

Gia Lai, ngày 04 tháng 09 năm 2020

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

M.S.D.N: 5900181213 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI TP. PLEIKU - T. GIA LAI

TÂN XUÂN HIẾN

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THÁI HÀ

GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH KIÊM
KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRẦN THỊ HỒNG THẮM

TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI
GIÁM ĐỐC KHỐI - KHỐI DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

NGUYỄN NGỌC ANH